

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ
TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. VŨ THỊ LOAN
Đơn vị: PHÒNG TỔ CHỨC – THANH TRA**

NINH BÌNH, 2025

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ
TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. VŨ THỊ LOAN
Đơn vị: PHÒNG TỔ CHỨC – THANH TRA
Các thành viên: ThS. ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG
Đơn vị: PHÒNG TỔ CHỨC – THANH TRA
ThS. PHẠM THU QUỲNH
Đơn vị: PHÒNG TỔ CHỨC – THANH TRA

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

Đoàn Sỹ Tuấn

Vũ Thị Loan

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG, BIỂU	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐỀ TÀI	iv
TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	v
MỞ ĐẦU	vi
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	vi
1.1. Những công trình nghiên cứu về pháp chế	vi
1.2. Những công trình nghiên cứu về công tác pháp chế.....	vii
2. Tính cấp thiết của đề tài	viii
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	xi
4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	xi
5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	xi
6. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài	xi
6.1. Cách tiếp cận.....	xi
6.2. Phương pháp nghiên cứu	xi
NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	1
Chương 1	1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LUẬT VỀ PHÁP CHẾ VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ.....	1
1.1. Một số vấn đề lý luận về pháp chế và công tác pháp chế.....	1
1.1.1. Khái niệm pháp chế, pháp chế xã hội chủ nghĩa.....	1
1.1.2. Các yêu cầu của pháp chế	2
1.1.3. Mối quan hệ giữa pháp chế và pháp luật	4
1.1.4. Biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	5
1.1.5. Khái niệm công tác pháp chế	7
1.1.6. Vai trò công tác pháp chế.....	8
1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về công tác pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học	10
1.2.1. Quy định vị trí, vai trò của tổ chức pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học .	10
1.2.2. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học	12
1.2.3. Quy định về tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế trong CSGD đại học	19
1.3. Tiêu chí đánh giá, nâng cao hiệu quả công tác pháp chế.....	21
Chương 2	27
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	27
2.1. Việc xây dựng tổ chức pháp chế và triển khai công tác pháp chế.....	27

2.1.1. Việc xây dựng tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế.....	27
2.1.2. Việc triển khai công tác pháp chế	29
2.2. Việc thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế	32
2.2.1. Về tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư	32
2.2.2. Về xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý văn bản.....	37
2.2.3. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	50
2.2.4. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	57
2. 3. Đánh giá thực trạng công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư.....	60
2. 3.1. Ưu điểm.....	60
2.3.2. Khó khăn, hạn chế.....	62
2.3.3. Nguyên nhân	65
Chương 3	68
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU.....	68
3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động trong Trường đối với công tác pháp chế	68
3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật.....	70
3.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của người làm công tác pháp chế, bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với người làm công tác pháp chế.....	73
3.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa đơn vị làm công tác pháp chế với các đơn vị khác.....	78
3.5. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Nhà trường.....	79
3.6. Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng quy trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác pháp chế	85
3.7. Chú trọng hoạt động tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và tuyên dương, khen thưởng cá nhân có thành tích trong công tác pháp chế	87
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	89
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN.....	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	92
PHỤ LỤC	94
Phụ lục 01:	94
Phụ lục 02:	95
Phụ lục 03: Mẫu phiếu thẩm định văn bản quản lý nội bộ	96
Phụ lục 04: Mẫu phiếu góp ý dự thảo văn bản	97

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Đặc điểm tình hình nhân sự phụ trách công tác pháp chế.

Bảng 2.2. Thống kê các lớp tập huấn công tác pháp chế đã tham gia giai đoạn 2020 – 2025.

Bảng 2.3. Thống kê các Kế hoạch công tác pháp chế giai đoạn 2020 – 2025.

Bảng 2.4. Đối sánh cơ cấu tổ chức qua các giai đoạn.

Bảng 2.5. Thống kê và đồ thị hoá số liệu các quy định, quy chế của Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025.

Bảng 2.6. Thống kê và đồ thị hoá tương quan về tham mưu ban hành văn bản của các đơn vị thuộc Trường giai đoạn 2020 – 2025.

Bảng 2.7. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá mức độ nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động PBGDPL.

Bảng 2.8. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá của viên chức, người lao động về việc ban hành và tổ chức kế hoạch PBGDPL.

Bảng 2.9. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá các hình thức tuyên truyền, PBGDPL.

Bảng 2.10. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá ảnh hưởng của hoạt động tuyên truyền, PBGDPL.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐỀ TÀI

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
HSSV	Học sinh, sinh viên
PBGDPL	Phổ biến, giáo dục pháp luật
QLNB	Quản lý nội bộ
QPPL	Quy phạm pháp luật
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Công tác pháp chế là một trong những yếu tố quan trọng giúp hoạt động của CSGD đại học diễn ra minh bạch, hiệu lực và tuân thủ pháp luật. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới quản trị đại học, thực hiện tự chủ và tăng cường trách nhiệm giải trình, đề tài tập trung nghiên cứu hệ thống lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư, nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Tính mới của đề tài thể hiện ở việc không chỉ đề cập đến công tác pháp chế mà còn phân tích thực trạng, đánh giá hiệu quả dựa trên các tiêu chí đánh giá toàn diện công tác pháp chế ở tại một trường đại học cụ thể, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp cho công tác này theo hướng quản trị hiện đại, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế nội bộ, tăng cường cơ chế phối hợp và ứng dụng chuyển đổi số.

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư còn gặp khó khăn về bộ máy, nhân lực, kinh phí, chất lượng văn bản nội bộ và cơ chế phối hợp. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất bảy nhóm giải pháp mang tính hệ thống, gồm: tăng cường lãnh đạo và nâng cao nhận thức pháp lý; hoàn thiện tổ chức pháp chế và chính sách đãi ngộ; hoàn thiện cơ chế phối hợp; nâng cao chất lượng tham mưu pháp lý; đẩy mạnh PBGDPL; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; cùng với tăng cường tổng kết, đánh giá kết quả và khen thưởng.

Đề tài có giá trị ứng dụng cao, có thể triển khai tại Trường Đại học Hoa Lư để nâng cao chất lượng quản trị, giảm rủi ro pháp lý, chuẩn hóa hệ thống văn bản, nâng cao năng lực cán bộ pháp chế và xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, minh bạch. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh và các địa phương khác.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Những công trình nghiên cứu về pháp chế

Có nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu về vấn đề này, như: Tác giả GS. Josey Thesing với tác phẩm “Nhà nước pháp quyền”¹; Tác giả X. X. Alécxâyép (Liên bang Nga) với công trình “Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta”, trong đó có viết: “Pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật...”²

Ở Việt Nam cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về đề tài pháp chế, như: “Tăng cường pháp chế XHCN” của tác giả Phạm Hùng³; “Pháp chế XHCN trong hoạt động của Công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay” của GS. TS. Nguyễn Phùng Hồng⁴; “Lợi ích xã hội và pháp luật” của GS. TS. Võ Khánh Vinh⁵; “Tăng cường pháp chế XHCN trong hoạt động lập pháp, lập quy ở Việt Nam hiện nay” của TS. Đỗ Ngọc Hải⁶, Giáo trình Pháp luật đại cương của tác giả Nguyễn Hợp Toàn⁷ tại Chương 2 có đề cập đến nội dung pháp chế XHCN, và một số luận án, luận văn như: “Cơ chế pháp lý bảo đảm pháp chế trong hoạt động hành chính nhà nước” của tác giả Dương Hoán⁸; “Vai trò của pháp chế XHCN trong tổ chức và hoạt động của Hải quan Việt Nam” của tác giả Nguyễn Văn Hồng⁹.

Các tác giả của các công trình trên đã đề cập đến pháp chế dưới góc độ lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, qua đó khẳng định: pháp chế là một nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN, đồng thời cũng là phương pháp quản lý nhà nước, phương pháp thực hiện những nhiệm vụ chuyên chính giai cấp, một bộ phận cấu thành của dân chủ XHCN, trong đó đòi hỏi việc tuân thủ và chấp hành các QPPL của mọi chủ thể bao gồm cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân.

Kế thừa những cơ sở lý luận của các công trình trên, đề tài đi vào nghiên cứu việc đảm bảo thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh quá trình tuân thủ, chấp hành pháp luật,

¹ GS. Josey Thesing (2002), *Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

² X. Alécxâyép (1986). *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta*, Nxb Pháp lý, Hà Nội. [100 – 102].

³ Phạm Hùng (1985). *Tăng cường pháp chế XHCN*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

⁴ GS. TS. Nguyễn Phùng Hồng (2002). *Pháp chế XHCN trong hoạt động của Công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

⁵ GS. TS. Võ Khánh Vinh (2003). *Lợi ích xã hội và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

⁶ TS. Đỗ Ngọc Hải (2006). *Tăng cường pháp chế XHCN trong hoạt động lập pháp, lập quy ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

⁷ TS. Nguyễn Hợp Toàn (2012). *Giáo trình Pháp luật đại cương*, 3, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

⁸ Dương Hoán (2019). *Cơ chế pháp lý bảo đảm pháp chế trong hoạt động hành chính nhà nước*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

⁹ Nguyễn Văn Hồng (2007). *Vai trò của pháp chế XHCN trong tổ chức và hoạt động của Hải quan Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

điều này không những đòi hỏi việc am hiểu pháp luật mà còn phải có sự sáng tạo, vận dụng linh hoạt pháp luật trong thực tiễn. Đó chính là quá trình nâng cao hiệu quả công tác pháp chế.

1.2. Những công trình nghiên cứu về công tác pháp chế

Việc nghiên cứu nhằm khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác pháp chế cũng như hoàn thiện tổ chức pháp chế của các bộ, ngành, địa phương, của các cơ quan, tổ chức đáp ứng tình hình mới là vấn đề được nhiều tác giả, nhà nghiên cứu quan tâm:

- Luận văn thạc sĩ Luật học “Vai trò của tổ chức pháp chế trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam” của tác giả Nguyễn Thị Hồng Bình, năm 2015;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: “Công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội” của tác giả Nguyễn Thị Thơ, năm 2023;

- Đề tài “Nâng cao chất lượng công tác pháp chế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;

- Một số bài viết của các tác giả đăng trên tạp chí như các bài viết: “Công tác pháp chế của tỉnh Lâm Đồng – Năm năm nhìn lại” của Phòng xây dựng và kiểm tra văn bản QPPL¹⁰; “Công tác pháp chế đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành thanh tra Việt Nam” của tác giả TS. Đinh Văn Minh¹¹; “Thực trạng công tác pháp chế ở Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn” của Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn¹²...

Các công trình trên đã có những nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác pháp chế trong một số bộ, ngành, địa phương cụ thể, từ đó đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác pháp chế ở các bộ, ngành, địa phương đó. Tuy nhiên có thể thấy phạm vi nghiên cứu của các công trình trên là các cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước có những đặc điểm, đặc thù khác biệt so với các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và với các CSGD đại học nói riêng.

Nghiên cứu về vấn đề công tác pháp chế trong CSGD đại học, bài viết “Công tác pháp chế trong các CSGD đại học ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Dương Thị Tuyết Nhung¹³ có viết: *“tăng cường công tác pháp chế trong quản lý giáo dục là tiền đề, là cơ sở cho việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các CSGD đại học trong giai đoạn hiện nay và mai sau. Công tác pháp chế trong CSGD đại học có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với hoạt động quản lý của nhà trường, giúp cho nhà*

¹⁰ Phòng xây dựng và kiểm tra văn bản QPPL (2017). “Công tác pháp chế của tỉnh Lâm Đồng – Năm năm nhìn lại”, *Tạp Chí Dân chủ và Pháp luật*, 7, 21-24.

¹¹ TS. Đinh Văn Minh (2020). “Công tác pháp chế đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành thanh tra Việt Nam”, *Tạp chí Thanh tra*, 11, 13-15

¹² Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011). “Thực trạng công tác pháp chế ở Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 2, 14-18.

¹³ Dương Thị Tuyết Nhung (2018). “Công tác pháp chế trong các CSGD đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất*, 59, 2, 87-92.

trường tuân thủ pháp luật trong hoạt động góp phần thực hiện pháp chế XHCN.” Có thể thấy, bài viết đã nghiên cứu chỉ ra được những ưu điểm, các tồn tại hạn chế của công tác pháp chế trong các CSGD đại học nói chung. Tuy nhiên, bài viết không còn mang tính thời sự khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP trong đó có bổ sung thêm các quy định cụ thể đối với công tác pháp chế của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tác giả Trần Thị Ngọc Diễm có bài viết “Công tác pháp chế tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành: hiện trạng và giải pháp hoàn thiện” trong đó bài viết mới chỉ nghiên cứu sơ bộ một số vấn đề lý luận, thực trạng và đưa ra một số giải pháp cơ bản hoàn thiện công tác pháp chế tại một trường đại học cụ thể.

Như vậy, hiện nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên biệt, đảm bảo cập nhật nội dung mới của pháp luật về giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế gắn với một CSGD đại học cụ thể và công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN là bước đi có tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Trong quá trình đó, việc cần thiết phải làm là hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật. Trong những năm qua, công tác pháp chế không ngừng được Đảng, Nhà nước quan tâm, chỉ đạo nhằm kịp thời củng cố, hoàn thiện:

Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định ba đột phá chiến lược, trong đó có đột phá về xây dựng thể chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đề ra mục tiêu tổng quát là *“Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN...”*.

- Tại điểm 2.3 mục 2 Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW quy định: *“Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật ở các bộ, ngành,*

địa phương và doanh nghiệp”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XV đề ra mục tiêu: *“Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật. Có cơ chế thích hợp bảo đảm và tăng cường nguồn lực đầu tư, đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả kinh phí xây dựng và thi hành pháp luật”.*

Trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, văn bản chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế gắn với tổ chức thi hành pháp luật và kiện toàn tổ chức pháp chế, bảo đảm nguồn nhân lực cho công tác này như: ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (sau đây gọi là Nghị định 55/2011/NĐ-CP)¹⁴, là cơ sở pháp lý để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác pháp chế; nâng cao vị trí, vai trò của công tác pháp chế trong quản lý nhà nước và xã hội; củng cố, kiện toàn các tổ chức pháp chế và nâng cao hiệu quả trong công tác pháp chế; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW; Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW... Đặc biệt, nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, đồng thời tháo gỡ một số vướng mắc trong thực tiễn liên quan đến công tác pháp chế, ngày 18/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 56/2024/NĐ-CP), qua đó chính thức quy định trong pháp luật nội dung vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn... của tổ chức pháp chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Điều này khẳng định yêu cầu bắt buộc trong việc thành lập, không ngừng hoàn thiện và thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và trong các CSGD đại học nói riêng.

Nhằm tăng cường công tác pháp chế và tuân thủ pháp luật của các CSGD đại học, Bộ GDĐT đã quan tâm chỉ đạo, ban hành Hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các CSGD đại học tại văn bản số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/7/2014, đồng

¹⁴ Thay thế Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các Bộ, Cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Doanh nghiệp nhà nước.

thời có các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ về công tác pháp chế theo từng năm học¹⁵; thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, tổng kết nhằm triển khai cụ thể các nhiệm vụ chung về công tác pháp chế, cũng như nâng cao công tác pháp chế trở thành nhiệm vụ trọng yếu trong bối cảnh ngành Giáo dục phát triển và hội nhập quốc tế.

Theo Báo cáo công tác pháp chế ngành giáo dục năm 2024 tại Hội nghị pháp chế ngày 08/10/2024 của Bộ GDĐT, 100% các CSGD đại học đã thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí người làm công tác pháp chế chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Điều này cho thấy tầm quan trọng của công tác pháp chế trong thực hiện các nhiệm vụ giáo dục bởi nhiệm vụ của công tác pháp chế là tham mưu tư vấn, giúp Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị và Giám đốc, Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý đảm bảo các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học trong triển khai các hoạt động của nhà trường; thực hiện phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản và tham gia góp ý kiến, thẩm định dự thảo các văn bản.

Đối với Trường Đại học Hoa Lư, thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Nhà trường không thành lập riêng tổ chức làm nhiệm vụ pháp chế mà giao gộp chung nhiệm vụ của phòng Tổ chức - Thanh tra theo quy định tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc (được ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHHL ngày 04/8/2021 và được thay thế bởi Quyết định số 157/QĐ-ĐHHL ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư). Bố trí viên chức của Phòng có chuyên môn về luật đảm nhiệm công tác pháp chế. Những năm qua, công tác pháp chế đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, quản trị được nâng lên, các hoạt động giáo dục đi vào nề nếp, kỷ cương; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng; bộ phận pháp chế đã thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà trường, đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học, đồng thời cũng bảo đảm cho nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế. Tuy nhiên, việc thực hiện công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư hiện nay còn tồn tại một số bất cập như công tác rà soát, xây dựng, ban hành văn bản chưa mang tính hệ thống, thiếu quy trình thực hiện; pháp luật có nhiều quy định mới liên quan đến tổ chức bộ máy, quản trị trường học, vấn đề về

¹⁵ Trong giai đoạn từ 2020 đến 2024, Bộ GD&ĐT đã ban hành các văn bản: số 3747/BGDĐT-PC ngày 23/9/2020 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2020 – 2021; số 3825/BGDĐT-PC ngày 06/9/2021 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2021 – 2022; số 5107/BGDĐT-PC ngày 06/10/2022 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2022 – 2023; số 5132/BGDĐT-PC ngày 21/9/2023 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2023 – 2024; số 5154/BGDĐT-PC ngày 06/9/2024 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024 – 2025; số 4725/BGDĐT-PC ngày 13/8/2025 về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2025 – 2026.

tự chủ trong giáo dục đại học; sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc triển khai thực hiện hoạt động pháp chế còn thiếu đồng bộ làm cho công tác pháp chế còn chưa rõ nét và gặp nhiều lúng túng..., công tác pháp chế bao hàm nhiều nội dung, nhiệm vụ mới quan trọng nhưng cũng rất khó khăn và thách thức như theo dõi thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục... Điều này đã đặt ra những khó khăn, thách thức không nhỏ cho đội ngũ phụ trách công tác pháp chế trong việc tham mưu cho lãnh đạo trường để đảm bảo nguyên tắc thượng tôn pháp luật trong mọi hoạt động của Nhà trường.

Từ những vấn đề đó, yêu cầu đặt ra là cần phải chỉ ra những nguyên nhân, đưa ra các giải pháp phù hợp thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác pháp chế của Nhà trường. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư” làm đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Đề tài đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư. Để đạt được mục tiêu trên đề tài có nhiệm vụ:

- Hệ thống hoá những cơ sở lý luận, cơ sở pháp luật về pháp chế và công tác pháp chế trong các CSGDDH.

- Chỉ ra thực trạng, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư,

- Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu việc nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu về công tác pháp chế trong phạm vi Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn từ năm 2020 đến nay.

6. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài

6.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu lý luận – thực tiễn - giải pháp.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

- Sử dụng nhóm phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá, đối chiếu, so sánh, thống kê và phương pháp điều tra, khảo sát.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LUẬT VỀ PHÁP CHẾ VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ

1.1. Một số vấn đề lý luận về pháp chế và công tác pháp chế

1.1.1. Khái niệm pháp chế, pháp chế xã hội chủ nghĩa

Có nhiều cách hiểu khác nhau về pháp chế, có quan điểm cho rằng pháp chế đồng nhất với hệ thống pháp luật như: “Pháp chế là hệ thống luật lệ của nhà nước nói chung hoặc hệ thống luật lệ áp dụng trong một ngành nghề nhất định”. Hay “pháp chế là toàn bộ pháp luật của một nhà nước, một thời kỳ của một nhà nước hay toàn bộ pháp luật về một lĩnh vực của đời sống” [7, tr.87]. Cũng có quan điểm cho rằng “pháp chế là chế độ chính trị của một nước trong việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội điều chỉnh các quan hệ xã hội đều căn cứ vào luật” [21, tr.757].

Dưới góc độ khác, pháp chế được hiểu là một chế độ và trật tự pháp luật trong đó tất cả các chủ thể từ cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội đến mọi cá nhân, công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật đầy đủ, nghiêm chỉnh và chính xác. Theo PGS.TS Nguyễn Minh Đoan: “Pháp chế là sự hiện diện của một hệ thống pháp luật hoàn thiện và sự tôn trọng, thực hiện pháp luật hiện hành một cách chính xác, thường xuyên, thống nhất bởi nhà nước và xã hội, nhằm xây dựng một xã hội có trật tự kỷ cương, đảm bảo cho hoạt động của toàn xã hội thống nhất, đồng bộ, vì một xã hội công bằng, văn minh” [15]. Quan điểm này đã tách bạch hai khái niệm pháp luật và pháp chế, pháp luật có trước, là tiền đề của pháp chế nhưng pháp chế không đồng nhất với trạng thái tốt hay xấu của quá trình thực hiện pháp luật. Một nền pháp chế thống nhất, vững chắc là cơ sở cần thiết cho hệ thống pháp luật điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội, phát huy được hiệu lực của mình; mặt khác, chỉ khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp và được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời khi cần thiết, thì nền pháp chế mới được củng cố và tăng cường, qua đó tôn trọng và bảo vệ hữu hiệu các quyền con người, quyền công dân. Tựu chung lại, trên cơ sở học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật, pháp chế cần được hiểu là một phạm trù pháp lý phản ánh một chế độ chính trị - xã hội, trong đó mọi chủ thể trong xã hội tôn trọng, thực hiện đúng, nghiêm minh, thống nhất pháp luật, mọi vi phạm pháp luật đều bị xử lý theo quy định, không có ngoại lệ.

Trong chế độ XHCN, để quản lý xã hội, Nhà nước sử dụng tổng hợp các phương thức, các công cụ khác nhau: giáo dục, thuyết phục, văn hoá, nghệ thuật... Nhưng phương thức quản lý cơ bản, bao trùm nhất phải là quản lý bằng pháp luật, tức là thiết lập nền pháp chế XHCN. Theo Từ điển Luật học định nghĩa: Pháp chế XHCN là sự tôn trọng, tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của các cơ quan,

nhân viên nhà nước, của các tổ chức xã hội và mọi công dân [27,tr.604]. Pháp chế XHCN là một nguyên tắc cơ bản tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, của Nhà nước XHCN gắn liền với tên tuổi của V.I.Lênin. Tư tưởng về pháp chế XHCN của V.I.Lênin đã được thể hiện rõ ràng trong Sắc lệnh tháng Mười do Người trực tiếp soạn thảo: Phải tuân theo từng ly, từng tý những luật lệ và mệnh lệnh của chính quyền Xô viết và đôn đốc mọi người tuân theo. Người còn chỉ ra rằng: Mỗi ủy viên công tố chịu trách nhiệm làm sao cho bất cứ quyết định nào của bất cứ cơ quan hành chính nào cũng không đi ngược lại pháp luật. Đối với V. I. Lênin, điều quan trọng không chỉ là ở chỗ các đạo luật được ban hành đáp ứng sự phát triển của xã hội và các đòi hỏi của quần chúng nhân dân lao động, mà điều chủ yếu hơn là đưa các đạo luật vào cuộc sống, làm cho nó được tuân thủ một cách chính xác, triệt để.

Như vậy, pháp chế XHCN cũng thuộc nội hàm của phạm trù pháp chế nhưng gắn liền với hình thức Nhà nước XHCN, trong đó đều hàm chứa nội dung là đòi hỏi sự tôn trọng, tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật bởi các cơ quan, công chức nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân. Ở Việt Nam hiện nay, trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bảo đảm không ngừng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thì pháp chế đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ chế độ xã hội, chế độ nhà nước, đảm bảo các mục đích của sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội.

1.1.2. Các yêu cầu của pháp chế

1.1.2.1. Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và luật

Đây là yêu cầu quan trọng nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Yêu cầu này xuất phát từ việc các đạo luật điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, ổn định và quan trọng nhất cần phản ánh ý chí của Nhân dân. Với vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, lợi ích của nhân dân lao động, Quốc hội ban hành ra Hiến pháp và luật (bộ luật) - những văn bản có giá trị pháp lý cao nhất, điều chỉnh những lĩnh vực trọng yếu trong đời sống xã hội. Các văn bản QPPL của các cơ quan quyền lực nhà nước khác như pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hay các thông tư của Bộ trưởng... đều phải được ban hành trên cơ sở hoặc để thi hành Hiến pháp và luật. Tương tự, theo tính thứ bậc, các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên. Ví dụ: Hiến pháp quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, vì vậy, Luật Đất đai, nghị định, thông tư hướng dẫn cũng phải tôn trọng quy định này, chỉ quy định quyền chiếm hữu, sử dụng còn quyền định đoạt thuộc về Nhà nước, là chủ thể đại diện cho Nhân dân.

Tuy nhiên, Hiến pháp hay các đạo luật chỉ điều chỉnh các trường hợp, các vấn đề mang tính khái quát, không thể quy định một cách chi tiết và cụ thể để áp dụng trong mọi tình huống, vì vậy việc cụ thể hóa được quy định ở các văn bản dưới luật. Trên thực tế, những văn bản dưới luật hết sức phong phú, chiếm một số lượng rất lớn trong hệ thống pháp luật. Nếu không thực hiện tốt yêu cầu về tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và luật, thì tình trạng chồng chéo, văn bản cấp dưới không phù hợp với văn bản cấp trên và mâu thuẫn với nhau là điều dễ xảy ra. Do đó, để thực hiện tốt yêu cầu này của pháp chế, cần chú ý cả hai mặt: thứ nhất, phải chú trọng tới việc hoàn thiện Hiến pháp, xây dựng các luật, bộ luật làm cơ sở cho sự phát triển và hoàn thiện của toàn bộ hệ thống pháp luật; thứ hai, phải nhanh chóng, kịp thời cụ thể hóa những quy định của Hiến pháp và luật bằng các văn bản dưới luật, trong đó phải triệt để tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và luật.

1.1.2.2. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trên quy mô toàn quốc

Theo V.I.Lênin, thuộc tính quan trọng của pháp chế là tính thống nhất, ở đó, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, đều phải tuân thủ và chịu sự ràng buộc của pháp luật, không một ai đứng trên pháp luật, đứng ngoài pháp luật. Xuất phát từ bản chất và đặc điểm của nhà nước và pháp luật XHCN đề cao quyền tự do, dân chủ, bình đẳng, pháp chế XHCN đòi hỏi phải có tính thống nhất về nhận thức và tổ chức thực hiện pháp luật đối với tất cả mọi chủ thể trên quy mô toàn quốc, không chấp nhận nguyên tắc đặc quyền hay ngoại lệ.

Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế là điều kiện quan trọng để thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, trong đó cơ quan cấp dưới phải phục tùng cơ quan cấp trên, lợi ích địa phương phải phù hợp với lợi ích quốc gia, cá nhân có quyền tự do, dân chủ nhưng phải tôn trọng quyền của những chủ thể khác, nhất là tôn trọng lợi ích của Nhà nước, của cộng đồng. Đồng thời, bảo đảm pháp chế thống nhất cũng là điều kiện để khắc phục tư tưởng cục bộ, địa phương, tự do vô chính phủ, bảo đảm công bằng xã hội.

1.1.2.3. Các cơ quan xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện và bảo vệ pháp luật phải hoạt động một cách tích cực, chủ động và có hiệu quả

Pháp luật là cơ sở để củng cố và tăng cường pháp chế, vì vậy muốn tăng cường pháp chế thì điều kiện tiên quyết là phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ. Để đạt được yêu cầu này, trước hết, các cơ quan có trách nhiệm xây dựng pháp luật phải có đầy đủ khả năng và điều kiện hoàn thiện hệ thống pháp luật, đồng thời cũng cần đảm bảo cho các cơ quan, tổ chức thực hiện pháp luật có hiệu quả. Sau khi các văn bản pháp luật được ban hành, các cơ quan nhà nước và những người có trách nhiệm cần chú ý đến việc thi hành pháp luật, kiểm tra, tạo điều kiện cho pháp luật đi vào cuộc sống và xem xét hiệu quả thực tế của nó, đặc biệt, cần chú trọng công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền nâng cao ý thức pháp luật XHCN

tới mọi người dân, từ đó giúp phòng ngừa và đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, pháp chế còn đòi hỏi phải xử lý kịp thời và công minh những hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của công dân, của tập thể, của Nhà nước. Kết quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Thanh tra sẽ có tác động lớn tới củng cố và tăng cường pháp chế. Vì vậy, cần thiết phải chú trọng các biện pháp để bảo đảm cho các cơ quan này hoạt động một cách tích cực, chủ động và hiệu quả. Bên cạnh đó, bảo vệ pháp chế còn là nhiệm vụ của các tổ chức xã hội và của toàn dân. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải có trách nhiệm tham gia đấu tranh chống vi phạm và tội phạm, bảo vệ pháp luật, bảo vệ pháp chế.

1.1.2.4. Không tách rời công tác pháp chế với văn hoá

Ngoài dân chủ, văn hóa cũng được coi là điều kiện quan trọng để bảo đảm pháp chế. Văn hoá chính là cơ sở để củng cố nền pháp chế và ngược lại nền pháp chế vững mạnh sẽ nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và pháp chế XHCN đã chỉ ra rằng trình độ văn hóa của nhân dân và công chức, viên chức nhà nước càng cao thì việc tuân thủ pháp luật càng tự giác và thống nhất, do đó pháp chế càng được bảo đảm. Ngược lại, tăng cường pháp chế lại mở ra khả năng rộng lớn để phát triển có hiệu quả văn hóa. Vì vậy phải chú trọng nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân để từng người dân hiểu rõ được tầm quan trọng của pháp luật và sự cần thiết phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

1.1.3. Mối quan hệ giữa pháp chế và pháp luật

Theo quan điểm pháp luật thực định, pháp luật được hiểu là hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của nhà nước [9, tr.212]. Thông qua pháp luật, ý chí của Nhà nước, của giai cấp thống trị được thể hiện, đồng thời, Nhà nước giữ vai trò bảo đảm pháp luật được thực thi trong thực tế bằng các biện pháp như tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bởi bộ máy Nhà nước. Pháp luật là cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động của đời sống xã hội và nhà nước, là công cụ để nhà nước thực hiện quyền lực của mình.

Pháp luật và pháp chế là hai khái niệm rất gần nhau, nhưng không đồng nhất, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết. Pháp luật chỉ có thể phát huy được hiệu lực của mình, điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội khi dựa trên cơ sở vững chắc của nền pháp chế. Nói cách khác, pháp chế là cách thức thực hiện pháp luật trong thực tế; ở đó pháp luật được tôn trọng và thi hành một cách nghiêm chỉnh, đồng bộ, công bằng. Pháp chế thúc đẩy việc hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của pháp luật. Khi pháp chế được đảm bảo tốt thì pháp luật mới phát huy tác dụng điều chỉnh xã hội. Ở chiều còn lại, pháp chế phụ thuộc vào chất lượng pháp luật; pháp luật chính là cơ sở, là nội

dung của pháp chế, nếu không có pháp luật thì không có gì để tuân thủ, pháp chế vì thế mà không thể tồn tại. Pháp chế cũng chỉ có thể được củng cố và tăng cường khi có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp và kịp thời.

Như vậy, nếu chỉ có pháp luật mà không có pháp chế, thì pháp luật sẽ không đi vào được cuộc sống, ngược lại, nếu chỉ có pháp chế, nhưng không có hệ thống pháp luật đầy đủ, chặt chẽ thì pháp chế cũng sẽ mất đi ý nghĩa vốn có của mình.

1.1.4. Biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Tăng cường pháp chế XHCN là một quá trình phát triển pháp chế từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, phù hợp các tình hình và đặc điểm của mỗi thời kỳ. Đó là một vấn đề cấp bách để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, mở rộng dân chủ XHCN.

Để củng cố và tăng cường pháp chế cần áp dụng các biện pháp cơ bản sau:

1.1.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với pháp chế XHCN

Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác pháp chế là biện pháp cơ bản, bao trùm, xuyên suốt trong quá trình củng cố tăng cường pháp chế.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác pháp chế thể hiện ở việc Đảng đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đề ra chiến lược toàn diện về công tác pháp chế; thể hiện thông qua sự gương mẫu của các đảng viên, của tổ chức Đảng trong việc tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước. Ví dụ: Nghị quyết 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010, Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới... Trong từng thời kỳ, Đảng đề ra phương hướng xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp lý để tăng cường cho các cơ quan làm công tác pháp luật, pháp chế, tổ chức lãnh đạo phong trào quần chúng tham gia tích cực, chống vi phạm pháp luật... Đó là sự lãnh đạo toàn diện, có ý nghĩa quyết định đối với kết quả của công tác pháp chế.

1.1.4.2. Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật XHCN

Pháp chế chỉ có thể được tăng cường trên cơ sở một hệ thống pháp luật ngày càng phát triển và hoàn thiện. Yêu cầu khách quan, cấp bách của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật xuất phát từ chính yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện được yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật

và từ đòi hỏi xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật cần thiết phải thực hiện:

Thứ nhất, thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng;

Thứ hai, thường xuyên tiến hành rà soát, hệ thống hóa pháp luật để loại bỏ những quy định trùng lặp, lạc hậu, mâu thuẫn và kịp thời bổ sung, sửa đổi pháp luật;

Thứ ba, có kế hoạch xây dựng pháp luật, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học pháp lý, kỹ thuật xây dựng nhằm đảm bảo cho hệ thống văn bản pháp luật đạt trình độ cao, mở rộng các hình thức để mọi người dân đều có thể tham gia, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng pháp luật.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng cần tránh khuynh hướng chủ quan nóng vội khiến pháp luật không phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội; hay không nhận thức đúng vai trò của pháp luật dẫn đến chậm trễ ban hành văn bản điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống.

1.1.4.3. Tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN không thể thiếu công tác tổ chức thực hiện pháp luật hiệu quả. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật,...”. Đây là biện pháp bao gồm nhiều mặt nhằm đảm bảo cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh. Cụ thể là:

- Tăng cường công tác cụ thể hoá luật, pháp lệnh để triển khai thực hiện nhanh chóng, có hiệu quả, khắc phục tình trạng chậm trễ trong việc cụ thể hoá luật, pháp lệnh.

- Tăng cường công tác giải thích pháp luật để làm sáng tỏ nội dung và ý nghĩa của các quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện, áp dụng pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tăng cường tuyên truyền và giáo dục pháp luật phù hợp với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và nhận thức của đối tượng qua nhiều hình thức phong phú, phù hợp như phổ biến trực tiếp hay qua các phương tiện thông tin truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu, các trang mạng xã hội... để mọi chủ thể hiểu, nâng cao ý thức pháp luật và thi hành nghiêm chỉnh, triệt để, thống nhất.

- Đưa kiến thức pháp luật vào giảng dạy tại hệ thống các trường của Đảng, Nhà nước, kể cả các trường phổ thông, trung học, đại học, các trường của các đoàn thể nhằm tạo ra ý thức pháp luật của mọi đối tượng xã hội.

- Mở rộng công khai, dân chủ thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước và đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật.

- Nâng cao ý thức pháp luật, năng lực pháp luật cho công chức, viên chức nhà nước để áp dụng đúng pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội; chú trọng bồi dưỡng đào tạo năng lực pháp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Chú trọng công tác tổ chức, kiện toàn các cơ quan làm công tác pháp luật, pháp chế, xác định rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động cải tiến các phương pháp chỉ đạo và thực hiện, đồng thời tạo điều kiện vật chất cần thiết bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan đó đạt hiệu quả cao.

- Chú trọng công tác đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ trình độ, phẩm chất chính trị, đạo đức và khả năng công tác để sắp xếp làm công tác pháp chế, nghiên cứu pháp luật.

- Tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời trong từng thời kỳ nhằm khắc phục những thiếu sót, nhược điểm của công tác tổ chức thực hiện pháp luật, đề ra những phương hướng và biện pháp cho giai đoạn tiếp theo.

1.1.4.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật

Biện pháp này bảo đảm pháp luật được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh, bảo đảm công bằng xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật chỉ có thể được thực hiện tốt khi có sự chỉ đạo của Đảng, sự chủ động sáng tạo của các cơ quan có thẩm quyền và sự tham gia của quần chúng. Vì vậy, cần thiết phải tiến hành đồng bộ việc tăng cường công tác giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước, công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan hành chính nhà nước; thường xuyên tổ chức kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là các cơ quan làm công tác bảo vệ pháp luật để phát hiện những sai sót, lệch lạc, kịp thời uốn nắn, rút kinh nghiệm, bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; luôn luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm trong xử lý vi phạm pháp luật; đổi mới tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động thích hợp, hiệu quả để nhanh chóng phát hiện và xử lý nghiêm minh, chính xác, đúng quy định pháp luật mọi hành vi vi phạm theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, làm trong sạch và vững mạnh đội ngũ; huy động sự tham gia đông đảo, tích cực của quần chúng vào công tác đấu tranh phòng ngừa vi phạm pháp luật và chống tội phạm làm cho công tác kiểm tra, giám sát, xử lý mọi vi phạm pháp luật vừa mang tính chất mạnh mẽ của quyền lực nhà nước, vừa mang tính chất xã hội.

1.1.5. Khái niệm công tác pháp chế

Trong các văn bản QPPL đã được ban hành để hướng dẫn về nghiệp vụ của tổ chức pháp chế đều chưa đưa ra một định nghĩa hay khái niệm cụ thể về công tác pháp chế mà có thể hiểu chung đó là hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về pháp

luật, do bộ phận pháp chế thực hiện hoặc do cán bộ pháp chế đảm trách, nhằm tham mưu cho người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện và bảo đảm tuân thủ pháp luật trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Cụm từ “Công tác pháp chế” gồm từ “công tác”, theo Từ điển Tiếng Việt nghĩa là công việc của cơ quan nhà nước hoặc của đoàn thể, tổ chức xã hội mà một người phải thực hiện [13] và “pháp chế”, như đã trình bày ở trên, là một khái niệm đa nghĩa, là sự hiện diện của hệ thống pháp luật hoàn thiện, bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở pháp luật, các tổ chức phi nhà nước được thành lập và hoạt động hợp pháp, mọi công dân và cá nhân luôn xử sự hợp pháp [23]. Từ đó, có thể hiểu “công tác pháp chế” là công việc (hoạt động) của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân về lĩnh vực pháp luật, như: xây dựng, hoàn thiện pháp luật, PBGDPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động tư vấn về pháp luật, hỗ trợ tư pháp... nhằm đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của pháp luật.

Căn cứ vào chủ thể tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, công tác pháp chế có thể được chia thành: Công tác pháp chế tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, công tác pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập và Công tác pháp chế tại doanh nghiệp nhà nước. Trong đó, công tác pháp chế ở các CSGD đại học công lập (thuộc nhóm đơn vị sự nghiệp công lập) là công tác đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chính sách, quy định của pháp luật, quy chế của trường đại học trong tổ chức và hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý ở các trường đại học.

Như vậy, có thể khẳng định rằng công tác pháp chế là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững của bất kỳ tổ chức nào, đặc biệt là trong các lĩnh vực có liên quan nhiều đến quy định pháp luật như giáo dục.

1.1.6. Vai trò công tác pháp chế

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác pháp chế ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong mọi tổ chức, từ cơ quan nhà nước cho đến doanh nghiệp. Công tác pháp chế không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo các hoạt động diễn ra đúng quy định pháp luật mà còn góp phần tạo nên một môi trường quản lý minh bạch, hiệu quả và ổn định. Có thể kể đến một số vai trò quan trọng của công tác pháp chế, đặc biệt trong hoạt động quản lý bao gồm:

Thứ nhất, công tác pháp chế bảo đảm tính hợp pháp và thống nhất trong hoạt động quản lý. Vai trò cốt lõi của công tác pháp chế là bảo đảm tính hợp pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển. Bộ phận pháp chế ở các cơ quan nhà nước cũng như ở các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhiệm vụ rà soát, thẩm định, tham gia ý kiến vào các văn bản dự thảo để đảm

bảo rằng nội dung văn bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, tránh xung đột hoặc chồng chéo. Công tác này giúp ngăn ngừa những sai phạm trong quá trình quản lý, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu lực của hệ thống pháp luật cũng như hệ thống văn bản quản lý của tổ chức.

Thứ hai, tham mưu xây dựng, hoàn thiện và rà soát văn bản pháp luật, văn bản nội bộ của tổ chức. Thông qua hoạt động theo dõi, đánh giá và tổng kết việc thi hành pháp luật, công tác pháp chế giúp phát hiện những bất cập, hạn chế trong các quy định pháp luật hiện hành; hay đối với các tổ chức, đơn vị, đó là quá trình đánh giá, rà soát thực hiện các văn bản QLNB. Từ đó, tổ chức/bộ phận pháp chế có thể kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các QPPL, các quy định, quy chế nội bộ mới phù hợp với thực tiễn. Đây là quá trình điều chỉnh liên tục và cần thiết để pháp luật hay những văn bản nội bộ của tổ chức vừa có tính ổn định, vừa có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, kinh tế và công nghệ. Đồng thời, công tác này giúp loại bỏ những điểm mâu thuẫn, chồng chéo, góp phần tạo ra một hành lang pháp lý rõ ràng và khả thi cho hoạt động điều hành.

Thứ ba, công tác pháp chế đóng vai trò góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, giúp phòng ngừa và xử lý rủi ro pháp lý. Công tác pháp chế không chỉ mang tính hỗ trợ mà còn đóng vai trò định hướng. Những tư vấn pháp lý có giá trị giúp tổ chức đưa ra quyết định đúng đắn, tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực. Đặc biệt trong môi trường pháp lý ngày càng phức tạp, sự hiện diện của một bộ phận pháp chế vững mạnh sẽ giúp tổ chức vận hành an toàn, phát triển ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong quá trình điều hành, các cơ quan, tổ chức thường xuyên ban hành các quyết định, triển khai kế hoạch... mà nếu không được kiểm soát tốt về mặt pháp lý, có thể dẫn đến rủi ro, tranh chấp hoặc thậm chí là vi phạm pháp luật. Công tác pháp chế giúp kiểm tra, đánh giá và đưa ra tư vấn pháp lý kịp thời, đảm bảo mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức đều tuân thủ đúng quy định, tránh các hậu quả pháp lý không mong muốn. Công tác pháp chế còn giữ vai trò như một cơ chế phòng ngừa rủi ro hiệu quả. Thông qua việc theo dõi, đánh giá các hoạt động có khả năng phát sinh tranh chấp, pháp chế giúp cơ quan, tổ chức có cái nhìn toàn diện và chủ động trong việc phòng tránh hoặc xử lý tình huống. Khi xảy ra sự cố, bộ phận pháp chế cũng là đơn vị chủ lực trong việc hỗ trợ giải quyết tranh chấp, làm việc với cơ quan nhà nước hoặc đại diện pháp lý.

Thứ tư, phổ biến, giáo dục pháp luật. Một trong những vai trò quan trọng khác của công tác pháp chế là tuyên truyền, PBGDPL trong nội bộ tổ chức. Việc này không chỉ giúp nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của cán bộ, nhân viên, mà còn góp phần hình thành văn hóa pháp lý lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức vận hành hiệu quả và bền vững. Đây cũng là yếu tố quan trọng trong việc hình thành một xã hội có kỷ cương, nề nếp, trong đó mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

Cuối cùng, vai trò quan trọng không thể thiếu của công tác pháp chế là gắn kết giữa pháp luật và hoạt động thực tiễn, là cầu nối giữa lý thuyết và thực tế, giữa quy định pháp luật với hành vi của con người trong xã hội. Pháp chế giúp chuyển hóa các quy định khô khan của luật thành những hành động cụ thể, thiết thực và hiệu quả trong cuộc sống. Điều này đặc biệt quan trọng khi đối mặt với các tình huống phát sinh từ đời sống thực tế mà pháp luật chưa kịp điều chỉnh hoặc còn khoảng trống pháp lý.

Trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, pháp luật giữ vai trò điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội một cách công bằng và ổn định. Do đó, công tác pháp chế - với vai đảm bảo sự tuân thủ và hiểu biết pháp luật trong tổ chức - là một bộ phận không thể thiếu. Việc nâng cao vị thế, chất lượng và hiệu quả của công tác pháp chế không chỉ phục vụ mục tiêu nội bộ, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của tổ chức và xã hội nói chung.

1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về công tác pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học

1.2.1. Quy định vị trí, vai trò của tổ chức pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học

Vị trí, vai trò cũng như nhiệm vụ của tổ chức pháp chế ở các CSGD đại học được thực hiện theo hướng dẫn từng năm học do Bộ GDĐT ban hành trên cơ sở các văn bản pháp luật về công tác pháp chế. Tại Công văn số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/7/2014 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các CSGD đại học (sau đây gọi tắt là Công văn 3878) có quy định: “Tổ chức pháp chế ở các CSGD đại học là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường; bảo đảm cho nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế”.

Ngày 18/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2024/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, trong đó đã chính thức quy định cụ thể về tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập như về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong công tác pháp chế, bao gồm cả tổ chức pháp chế ở các CSGD đại học thuộc nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập. Theo quy định tại Nghị định này, tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập có vị trí là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp đỡ Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Với quy định như trên, như vậy, tổ chức pháp chế ở các trường đại học là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hội đồng đại học, Hội

đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc hay Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường.

Trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ của giáo dục đại học Việt Nam theo hướng tự chủ, chất lượng và hội nhập quốc tế, việc bảo đảm các hoạt động của CSGD đại học được thực hiện trên cơ sở pháp luật là điều kiện tiên quyết. Cùng với sự phát triển của hệ thống văn bản pháp lý chuyên biệt cho giáo dục, vai trò của tổ chức pháp chế ngày càng được coi trọng. Không chỉ là một bộ phận kỹ thuật thuần túy, tổ chức pháp chế giữ vị trí chiến lược trong quản trị đại học hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, phòng ngừa rủi ro pháp lý và đảm bảo tính minh bạch trong toàn bộ hoạt động.

Với vị trí đó, công tác pháp chế ở các đơn vị sự nghiệp nói chung và tại các CSGD đại học công lập nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và thiết lập mối quan hệ giữa CSGD đại học với cơ quan quản lý cấp trên thông qua những hoạt động như tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý cho Hội đồng trường, Hiệu trưởng về tổ chức và hoạt động. Công tác này góp phần đánh giá đúng thực chất hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy lãnh đạo trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển trường, nhằm phát huy ưu điểm, điều chỉnh kịp thời hạn chế, khuyết điểm (nếu có). Với nhiệm vụ tham mưu, công tác pháp chế ở các CSGD đại học được thể hiện ở một số nhóm hoạt động chính như tham mưu cho ban lãnh đạo xây dựng văn bản nội bộ, tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động của trường, thẩm định và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình xây dựng các văn bản quản lý cũng như hoạt động; thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do nhà trường ban hành; tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra công tác PBGDPL, tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với việc xử lý các vấn đề trong phạm vi quyền hạn của trường; tham gia xử lý, đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế theo sự phân công của lãnh đạo trường; bảo đảm tính đúng đắn, hợp pháp trong các hoạt động của trường thông qua các hoạt động như báo cáo, thanh tra, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động.

Như vậy, có thể thấy công tác pháp chế tại các CSGD đại học có nhiều đóng góp lớn vào sự phát triển của nhà trường trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý. Đồng thời, thông qua hoạt động pháp chế, ở mỗi CSGD có phương pháp và cách thức riêng để thể chế hóa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, từ đó vận dụng các quy định của pháp luật, triển khai áp dụng vào thực tiễn, biến các quy định đó thành các nguyên tắc ứng xử chung cho viên chức, người lao động, người học trong trường. Và qua đó nâng cao ý thức pháp luật trong viên chức, người lao động, người học.

1.2.2. Quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức pháp chế trong cơ sở giáo dục đại học

Trên cơ sở Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, tại Công văn số 3878/BGDĐT-PC, Bộ GDĐT đã vận dụng để quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế trong các CSGD đại học, gồm 08 nhiệm vụ chính, đó là:

“1. Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tư vấn, giúp Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị và Giám đốc, Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý của đơn vị; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà trường, đơn vị; của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học.

2. Giúp Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng chuẩn bị ý kiến góp ý cho dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến; kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản QPPL.

3. Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với văn bản do các đơn vị khác của CSGD đại học soạn thảo trước khi trình Hội đồng đại học, hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng ký ban hành.

4. Tổ chức tuyên truyền, PBGDPL; nội quy, quy chế của các cơ quan liên quan và của CSGD đại học cho cán bộ, viên chức, nhân viên, giảng viên và người học.

5. Phối hợp với các bộ phận chức năng có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật trong phạm vi đơn vị.

6. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL của Nhà nước; văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của nhà trường và của đơn vị.

Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả và xử lý các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong hoạt động của nhà trường và đơn vị.

7. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện công tác pháp chế với cơ quan quản lý giáo dục và thủ trưởng đơn vị theo quy định.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng đại học, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Hiệu trưởng giao.”

Sau khi chính thức pháp điểm hoá điều chỉnh tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP đã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập. Với chức năng tham mưu, giúp đỡ Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, công tác pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ gồm¹⁶:

¹⁶ Quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP)

“Chủ trì, phối hợp với các bộ phận có liên quan tham mưu, giúp Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị thực hiện các nhiệm vụ:

1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý nội quy, quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập, văn bản, hợp đồng theo sự phân công của Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL liên quan đến tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý về tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo sự phân công của Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị.

3. PBGDPL, nội quy, quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập cho viên chức, người lao động.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị giao hoặc theo quy định của pháp luật.”

Trên cơ sở quy định của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, tại Văn bản số 5154/BGDĐT-PC ngày 06/9/2024, Bộ GDĐT đã hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 về công tác pháp chế. Theo đó, có thể diễn giải, đối với các CSGD đại học cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể:

Một là: Tham mưu, tư vấn giải pháp cho các vấn đề pháp lý về tổ chức và hoạt động của CSGD đại học.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và bao trùm nhất của tổ chức pháp chế. Vai trò tham mưu, tư vấn có thể thực hiện các hoạt động:

- Tư vấn giải pháp cho lãnh đạo nhà trường: Tổ chức pháp chế cần chủ động hoặc theo phân công, yêu cầu, tư vấn cho Hội đồng trường/Hội đồng đại học, Ban Giám hiệu về các khía cạnh pháp lý trong quá trình ra quyết định quản lý, điều hành. Điều này bao gồm việc tư vấn giải quyết vấn đề, phân tích rủi ro pháp lý, đề xuất các giải pháp khắc phục trong mọi hoạt động quản lý từ tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, quản lý tài chính, tài sản, quản lý viên chức, người lao động và người học.

- Thẩm định các văn bản: Đó là thực hiện công việc thẩm định hoặc đưa ra ý kiến pháp lý đối với các dự thảo quy định quản lý, các quy định nội bộ, các hợp đồng, dự án quan trọng trước khi được ký kết. Ví dụ: thẩm định quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế đào tạo, quy chế công tác sinh viên, hợp đồng liên kết đào tạo, hợp đồng nghiên cứu khoa học, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng lao động, các dự án đầu tư, mua sắm...

- Tham vấn và đưa ra giải pháp cho các vấn đề phát sinh: Đối với nhiệm vụ này, tổ chức pháp chế cần tham mưu, hỗ trợ lãnh đạo và các đơn vị chức năng trong việc xử lý, đưa ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp, hoặc những tranh chấp (nếu có) liên quan đến hoạt động của nhà trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

CSGD đại học, của viên chức, người lao động và người học theo quy định. Việc tham mưu, tư vấn này không chỉ dừng lại ở giải quyết các vấn đề đã phát hiện mà còn mang tính phòng ngừa, giúp nhà trường nhận diện và hạn chế các rủi ro tiềm tàng, đảm bảo các quyết định ban hành phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện, quy chế của nhà trường.

Hai là: Xây dựng, hoàn thiện thể chế nội bộ.

Văn bản QLNB của trường là văn bản do Hội đồng trường/Hội đồng quản lý, Hiệu trưởng, người đứng đầu đơn vị trực thuộc trường ban hành có chứa quy tắc xử sự hoặc tiêu chuẩn có tính bắt buộc chung, được áp dụng nhiều lần với một lĩnh vực/đối tượng hoặc nhiều lĩnh vực/đối tượng thuộc phạm vi quản lý của trường. Các văn bản này được thể hiện dưới hình thức Nghị quyết hoặc Quyết định quy định trực tiếp hoặc ban hành Quy chế, Quy định, Quy trình, Hướng dẫn, Nội quy... kèm theo. Ở một số CSGD, văn bản QLNB của trường còn được thể hiện dưới hình thức văn bản liên tịch giữa chính quyền và đoàn thể của trường có đầy đủ các yếu tố nêu trên.

Các văn bản QLNB tạo thành hệ thống điều chỉnh các quan hệ cơ bản nhất trong tổ chức và hoạt động của trường. Hệ thống văn bản nội bộ (thể chế nội bộ) là công cụ quan trọng để trường đại học thực hiện quyền tự chủ và quản lý hiệu quả các hoạt động. Tổ chức pháp chế đóng vai trò cốt lõi trong công việc này, cụ thể:

- Trực tiếp soạn thảo hoặc phối hợp xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung văn bản QLNB. Công tác xây dựng văn bản quản lý là hoạt động có tính chuyên môn cao, do nhiều đơn vị tiến hành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Trong đó, tổ chức pháp chế có thể tham gia trực tiếp vào quá trình từ soạn thảo, chỉnh sửa đến lấy ý kiến, hoàn thiện các văn bản quản lý quan trọng như: Điều chỉnh tổ chức và hoạt động của nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, quy chế tài chính, quy chế đào tạo, quy định về khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, các quy định về công tác sinh viên, quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động...

- Rà soát, hệ thống hoá văn bản QLNB. Rà soát hay hệ thống hoá văn bản QLNB là một trong những hoạt động thường xuyên, liên tục không chỉ của CSGD đại học mà của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Rà soát là hoạt động phát hiện các văn bản quản lý đã hết hiệu lực, hết thời hiệu hoặc hết một phần hiệu lực cần được thống kê để sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới hoặc cần đề nghị đình chỉ thực hiện, bãi bỏ, huỷ bỏ kịp thời. Trong quá trình rà soát thường đánh giá về tính hợp lý của các quy định, sự phù hợp của các quy định với pháp luật hiện hành và với các điều kiện thực tiễn đặt ra với CSGD đại học. Hệ thống hoá văn bản QLNB là hoạt động tập hợp, sắp xếp các quy định, văn bản nội bộ theo những trật tự nhất định. Nói cách khác, từ hệ thống văn bản QLNB (các quy định, quy chế, văn bản nội bộ) tiến hành tập hợp, sắp xếp thành những hệ thống nhỏ hơn phục vụ cho mục đích nghiên cứu,

sử dụng, áp dụng của nhà trường, đơn vị, cá nhân. Hoạt động này góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý của CSGD đại học, nhất là việc tạo ra các văn bản mới, làm cho hệ thống văn bản trở nên hoàn chỉnh, thống nhất hơn, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, từng bước làm cho nội dung của các văn bản quản lý đáp ứng được những đòi hỏi trong điều kiện đổi mới giáo dục. Đối với nội dung này, Bộ GDĐT tại Công văn số 5154/BGDĐT-PC đã đặt ra nhiệm vụ cho các CSGD đại học cần rà soát các văn bản nội bộ để đảm bảo các quy định trong văn bản nội bộ đã cập nhật quy định mới có liên quan tại Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng; trên cơ sở đó, có kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ, đảm bảo căn cứ ban hành, nội dung và phạm vi điều chỉnh theo đúng quy định của văn bản cấp trên. Đồng thời khuyến nghị các CSGD đại học chú trọng việc chuẩn hoá hệ thống văn bản nội bộ (có kế hoạch thực hiện cụ thể đối với việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản; có bản Quy định về quy trình ban hành quy chế, quy định của trường...). Việc chuẩn hoá hệ thống văn bản nội bộ là cơ sở để thực hiện quy trình làm việc và quy trình tác nghiệp của các tổ chức cấu thành và của trường, góp phần tạo môi trường làm việc chuẩn mực, minh bạch quyền và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân.

- Góp ý hoàn thiện văn bản nội bộ: Tổ chức pháp chế có nhiệm vụ đưa ra các ý kiến chuyên môn về pháp lý trong quá trình các đơn vị khác soạn thảo các quy định, quy chế thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị đó.

Thông qua việc tham gia tích cực vào quá trình soạn thảo, xây dựng, hệ thống hoá văn bản nội bộ của tổ chức pháp chế đã góp phần tạo lập một khung pháp lý nội bộ rõ ràng, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với đặc thù của CSGD đại học, làm cơ sở cho công việc quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động một cách nhịp nhàng, thống nhất.

Ba là: Kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật. Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học, tổ chức pháp chế có điều kiện tiếp cận thực tiễn, phát hiện những vướng mắc, chồng chéo, những nội dung không phù hợp trong hệ thống pháp luật liên quan. Do đó, một nhiệm vụ quan trọng của tổ chức pháp chế là đưa ra kiến nghị, đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL liên quan. Để thực hiện nhiệm vụ này, trước hết, tổ chức pháp chế cần chủ động theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc pháp lý phát sinh từ thực tiễn tổ chức, hoạt động của nhà trường và các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến các lĩnh vực giáo dục đại học, bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, tự chủ... Nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp và phân tích, đưa ra các kiến nghị, đề xuất gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền như UBND tỉnh, Bộ GDĐT, các Bộ, ngành liên quan, Chính phủ, Quốc hội đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản

QPPL không phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của các CSGD đại học trong nghiên cứu và phát triển.

Nhiệm vụ này không chỉ thể hiện đóng góp của tổ chức pháp chế trong phạm vi nội bộ nhà trường mà còn thể hiện đóng góp vào việc hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học.

Bốn là: Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Nhà nước bảo đảm, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền được thông tin về pháp luật¹⁷. PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Giáo dục pháp luật trong các CSGD của hệ thống giáo dục quốc dân được lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; là một nội dung trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học¹⁸.

Từ những quy định nêu trên, có thể khẳng định công tác PBGDPL trong nhà trường giữ vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng. Đây vừa là phương tiện đưa pháp luật vào môi trường giáo dục, tiếp cận người dạy, người học, cán bộ quản lý giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, vừa là nhân tố thiết yếu góp phần xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, trong sạch. Thông qua các hoạt động PBGDPL do nhà trường triển khai không chỉ nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của từng cá nhân mà còn hình thành những hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực pháp luật: mỗi chủ thể trong cộng đồng giáo dục nhận thức đầy đủ bản phận, trách nhiệm của mình, phân biệt được hành vi được phép, hành vi bị giới hạn hoặc bị nghiêm cấm. Từ đó hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật, sử dụng pháp luật để thực thi quyền và bảo vệ lợi ích hợp pháp, tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi vi phạm; đồng thời giảm thiểu nguy cơ bị xâm hại bởi các tệ nạn xã hội. Kết quả của quá trình này là hình thành nhân cách và thái độ ứng xử đúng đắn, hài hòa trong các quan hệ xã hội, góp phần đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, đào tạo con người phát triển về đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, có lòng trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đồng thời bồi dưỡng phẩm chất, năng lực công dân đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức được tầm quan trọng đó, từ những năm cuối thập kỷ 80, thế kỷ 20, cùng với việc tăng cường vai trò của pháp chế và quản lý xã hội bằng pháp luật, hoạt động PBGDPL đã được đưa vào nhà trường, được triển khai thông qua dạy học các môn như đạo đức, giáo dục công dân, pháp luật đại cương, cũng như bằng

¹⁷ Trích Điều 2 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13;

¹⁸ Trích Điều 3 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13.

phương thức lồng ghép vào các môn học khác và các hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức.

Căn cứ vào nội dung, hình thức giáo dục pháp luật ở từng cấp học và trình độ đào tạo, các CSGD của hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật, bố trí giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật. Thực hiện nhiệm vụ này, tổ chức pháp chế trong nhà trường cần xây dựng kế hoạch PBGDPL và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tổ chức pháp chế lập kế hoạch PBGDPL, trong đó xác định nội dung, đối tượng và hình thức phổ biến, giáo dục. Nội dung phổ biến, giáo dục cần được xác định phù hợp với từng loại đối tượng và mục đích đề ra. Bám theo các Kế hoạch về công tác PBGDPL của ngành giáo dục do Bộ GDĐT ban hành hàng năm, các CSGD đại học có thể định hướng nội dung tuyên truyền, phổ biến trong nhà trường là các văn bản chỉ đạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học, các văn bản mới ban hành liên quan đến tổ chức, hoạt động nhiệm vụ của nhà trường; văn bản liên quan đến quyền và nghĩa vụ của viên chức, nhà giáo, người lao động, người học; phổ biến các chính sách, pháp luật có tác động lớn đến xã hội, các văn bản liên quan đến công tác mở ngành, tuyển sinh, chuẩn chương trình đào tạo, quản lý hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, phòng chống tội phạm, ma túy, dịch bệnh, thiên tai, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, an toàn giao thông đường bộ, hỗ trợ, khởi nghiệp... và các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để người dạy, người học và người lao động hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành. Hình thức và phương pháp phổ biến thường phụ thuộc vào mục đích, nội dung và điều kiện cụ thể của chủ thể và đối tượng nên rất đa dạng và phong phú. Đối với mỗi trường hợp cụ thể cần xác định đúng các hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục thì việc phổ biến, giáo dục mới có chất lượng và đạt hiệu quả.

Như vậy, công tác PBGDPL trong CSGD đại học là sự tác động một cách có hệ thống, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của viên chức, giảng viên, người lao động và người học nhằm trang bị trình độ, kiến thức pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật. Công tác này góp phần hình thành văn hóa pháp lý trong nhà trường, giúp mọi thành viên hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, tự giác tuân thủ pháp luật cũng như các quy định của đơn vị và của trường.

Năm là: Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và quy định nội bộ. Để đảm bảo luật pháp và các quy định nội bộ được thực thi nghiêm túc, tổ chức pháp chế thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra. Theo nghĩa hẹp, theo dõi thi hành pháp luật là hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm xem xét, đánh giá thực

trạng thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Còn theo nghĩa rộng, theo dõi thi hành pháp luật là hoạt động xem xét, đánh giá không chỉ của cơ quan hành chính nhà nước mà của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nói chung đối với việc thi hành pháp luật của các chủ thể trong xã hội, qua đó, đề xuất, áp dụng các biện pháp phù hợp để đảm bảo pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh trong đời sống. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình trong thực hiện pháp luật. Nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật trong các CSGD đại học bao gồm các hoạt động: (1) thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thông qua thực tiễn hoạt động của đơn vị hay qua báo cáo hoạt động chuyên môn của các bộ phận chức năng trong nội bộ đơn vị và trong trường, kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ, kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, thông tin do tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp; (2) điều tra, khảo sát việc thực hiện pháp luật; (3) thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực giáo dục đại học hoặc việc thực hiện các văn bản nội bộ; (4) xây dựng báo cáo kết quả theo dõi, kiểm tra thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế đơn vị. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, theo dõi, tổ chức pháp chế có thể tham mưu cho lãnh đạo trường kịp thời đôn đốc các đơn vị, cá nhân thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật và quy chế nội bộ hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Thông qua hoạt động này giúp các CSGD đại học tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý cũng như phòng ngừa, giải quyết kịp thời các sai lầm, vi phạm.

Sáu là: Thực hiện các nhiệm vụ khác. Ngoài các nhiệm vụ chính nêu trên, tổ chức pháp chế còn thực hiện các công việc khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật theo phân công của Hội đồng trường/Hội đồng đại học, Ban Giám hiệu hoặc theo các quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động của CSGD đại học. Thực tế hiện nay, tại nhiều trường đại học, tổ chức pháp chế thường phụ trách công tác tổng hợp, thanh tra, kiểm tra. Tại Văn bản số 5154/BGDĐT-PC ngày 06/9/2024 của Bộ GDĐT đặt ra nhiệm vụ công tác pháp chế tại CSGD đại học đó là giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và trách nhiệm giải trình của người có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản của CSGD đại học.

Trong bối cảnh tự chủ đại học ngày càng được thúc đẩy và môi trường pháp lý liên quan đến giáo dục đại học ngày càng phức tạp, vai trò của công pháp chế tại các CSGD đại học trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Hoạt động của các trường đại học, viện nghiên cứu không chỉ giới hạn trong phạm vi đào tạo, nghiên cứu khoa học mà còn mở rộng sang các lĩnh vực hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, quản lý

tài sản, tài chính, đầu tư, quản trị nhân sự và giải quyết các vấn đề liên quan đến người học. Sự phức tạp và đa dạng của các hoạt động này đòi hỏi một hành lang pháp lý vững chắc và sự chắc chắn trong xây dựng các quy định của pháp luật.

1.2.3. Quy định về tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế trong CSGD đại học

Trong bối cảnh pháp quyền hiện đại, việc tăng cường năng lực tổ chức và nhân lực làm công tác pháp chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các CSGD đại học công lập, là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm hoạt động đúng pháp luật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Hai văn bản nền tảng về tổ chức pháp chế là Nghị định 55/2011/NĐ-CP và Nghị định 56/2024/NĐ-CP lần lượt phản ánh những giai đoạn phát triển và điều chỉnh trong tổ chức công tác pháp chế.

Sự ra đời của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã đặt nền móng pháp lý cho việc hình thành và hoạt động của tổ chức pháp chế. Nghị định 55/2011/NĐ-CP quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù không trực tiếp quy định chi tiết cho đơn vị sự nghiệp công lập như các trường đại học, nhưng Nghị định 55/2011/NĐ-CP đã tạo cơ sở cho các bộ, ngành, bao gồm cả Bộ GDĐT, hướng dẫn thành lập và hoạt động của các tổ chức pháp chế tại các vị trí trực tiếp như CSGD đại học.

Để cụ thể hóa Nghị định 55/2011/NĐ-CP trong lĩnh vực giáo dục đại học, Bộ GDĐT đã ban hành Công văn 3878 hướng dẫn các CSGD đại học về việc thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế và giao thẩm quyền này cho các CSGD đại học. Công văn khuyến nghị: “Thủ trưởng CSGD đại học quyết định thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế. Đối với các trường đại học, cao đẳng thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng có thể bố trí cán bộ chuyên trách hoặc cán bộ kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.” Mặc dù đây không phải là văn bản QPPL, nhưng văn bản này đóng vai trò quan trọng trong định hướng thực tiễn cho các trường trong thành lập tổ chức/bộ phận pháp chế.

Nghị định 56/2024/NĐ-CP ra đời đã sửa đổi, bổ sung một số điều quan trọng của Nghị định 55/2011/NĐ-CP, trong đó có những nội dung ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức pháp chế tại các đơn vị nghiệp vụ công lập, bao gồm các CSGD đại học. Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình quản trị theo hướng tự chủ, nghị định này có những điểm mới nổi bật, trong đó đã bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, quy định cụ thể về tổ chức pháp chế ở đơn vị nghiệp vụ công lập. Theo đó: “1. Căn cứ vào yêu cầu công tác pháp chế, cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập tổ chức, bộ phận pháp chế chuyên trách hoặc bố trí viên chức

thực hiện công tác pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập tổ chức hoặc bộ phận pháp chế chuyên trách thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật có liên quan. 2. Tổ chức pháp chế, bộ phận pháp chế chuyên trách, viên chức thực hiện công tác pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế cơ quan chủ quản và chịu sự quản lý về công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.”

Không giống như yêu cầu về thành lập tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hay tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP không đặt nặng yêu cầu đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các CSGD đại học công lập phải thành lập tổ chức pháp chế cố định mà có quy định linh hoạt hơn, khá tương đồng với quy định đã được đề cập trong Công văn số 3878, và dẫn chiếu đến Nghị định 120/2020/NĐ-CP cho việc thành lập tổ chức/bộ phận pháp chế chuyên nghiệp, tạo ra sự thống nhất trong quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập. Cách tiếp cận này tạo điều kiện cho những trường đại học có quy mô nhỏ hoặc thiếu nguồn lực vẫn duy trì được chức năng pháp chế mà không bị áp lực tổ chức cứng nhắc.

Về các quy định đối với người làm công tác pháp chế. Chất lượng và hiệu quả của công pháp chế phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này. Vì vậy, cần thiết phải xác định rõ vị trí, vai trò, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của người làm công tác pháp chế. Nghị định số 55/2011/NĐ-CP là văn bản khung quy định về tổ chức pháp chế, trong đó có đề cập đến người làm công pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập. Tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định 55/2011/NĐ-CP quy định: Viên chức pháp chế được tuyển dụng, bổ nhiệm vào tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập, là viên chức có chức danh nghề nghiệp và họ phải có trình độ cử nhân luật trở lên. Công văn 3878 của Bộ GDĐT tiếp tục cụ thể hóa tiêu chuẩn này: 1. Cán bộ làm công tác pháp chế tại các CSGD đại học có trình độ cử nhân luật trở lên, có hiểu biết về lĩnh vực giáo dục. Đối với những người hiện đang làm công tác pháp chế mà chưa có trình độ cử nhân luật thì phải tham gia chương trình đào tạo về pháp luật và bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do Bộ GDĐT hoặc Bộ Tư pháp quy định. 2. Người đứng đầu tổ chức pháp chế tại các CSGD đại học ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 mục này, còn phải đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ, Quy chế nhà trường. Nghị định 56/2024/NĐ-CP đã mang đến những sửa đổi, bổ sung quan trọng liên quan trực tiếp đến người làm công tác chế độ tại đơn vị nghiệp công lập, bao gồm các CSGD đại học. Một trong những điểm đổi mới then chốt trong Nghị

định 56/2024/NĐ-CP là bãi bỏ yêu cầu cứng về trình độ “cử nhân luật trở lên” đối với tất cả người làm công tác pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập như quy định tại Điều 12 của Nghị định 55/2011/NĐ-CP. Nghị định mới đã chuyển hướng sang cách tiếp cận mềm dẻo và linh hoạt hơn trong quy định về nhân sự pháp chế, đặc biệt tại các đơn vị sự nghiệp công lập như CSGD đại học. Theo đó, cho phép các CSGD đại học vận dụng các tiêu chuẩn, chế độ của pháp chế viên để lựa chọn, bố trí, sử dụng và quyết định các chế độ đối với người làm công tác pháp chế. Hướng thay đổi này nhằm khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các CSGD đại học có thể lựa chọn người làm công tác pháp chế có kiến thức, kỹ năng pháp lý phù hợp với yêu cầu vị trí công tác, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp như trường đại học chủ động bố trí người có năng lực phù hợp; thích ứng với điều kiện nhân sự hạn chế ở một số đơn vị cũng như giảm gánh nặng quy chuẩn hóa “cứng” trong bối cảnh tự chủ và phân cấp quản lý.

1.3. Tiêu chí đánh giá, nâng cao hiệu quả công tác pháp chế

Các hoạt động đánh giá đều cần được tiến hành trên cơ sở những dấu hiệu hoặc tiêu chuẩn nhất định, có thể là một hoặc nhiều tiêu chuẩn, tiêu chí khác nhau. Tiêu chí đánh giá hoạt động được hiểu là hệ thống các chỉ số dùng để đo lường mức độ hoàn thành mục tiêu và yêu cầu đặt ra đối với hoạt động cụ thể, đồng thời phản ánh kết quả đạt được và làm cơ sở đưa ra kết luận về hoạt động đó. Hệ thống này bao gồm tiêu chí định tính (những dấu hiệu, mức độ, biểu hiện không thể định lượng bằng số học, không thể đo đếm chính xác) và tiêu chí định lượng (các chỉ số đầu vào và đầu ra của hoạt động có thể đo lường bằng số liệu cụ thể, cho phép so sánh định lượng giữa thời điểm trước và sau hoạt động; được sử dụng để lượng hóa hiệu quả hoạt động). Các tiêu chí này có mối liên hệ hữu cơ với nhau, và việc thiếu hụt bất kỳ tiêu chí nào đều sẽ làm cho việc đánh giá trở nên thiếu toàn diện.

Về mặt thuật ngữ, khái niệm “hiệu quả” được xác định là kết quả như yêu cầu hoặc vượt yêu cầu của việc làm mang lại; phản ánh khả năng tạo ra kết quả mong muốn hoặc chủ đích. Hiệu quả luôn gắn liền với năng suất, chất lượng, tức là mức độ hiệu quả của hoạt động, của quá trình sản xuất hay lao động, được đo bằng sản lượng hoặc khối lượng công việc hoàn thành trong một đơn vị thời gian xác định.

Đối với công tác pháp chế, hiện nay, tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm hiệu quả công tác pháp chế. Có quan điểm cho rằng hiệu quả công tác pháp chế chính là khả năng tác động đến các quan hệ xã hội [10, tr.258]. Theo quan điểm này, một số học giả đã đồng nhất hiệu quả công tác pháp chế với chất lượng của đội ngũ cán bộ pháp chế, cho rằng hiệu quả công tác pháp chế phụ thuộc vào năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất của người làm công tác pháp chế. Thật vậy, một cán bộ pháp chế thiếu chuyên môn, năng lực hay phẩm chất đạo đức sẽ khó có thể

đạt hiệu quả công tác cao. Tuy nhiên, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức chỉ là điều kiện tiền đề để công tác pháp chế có thể đạt hiệu quả, chứ chưa thể đồng nhất với chính hiệu quả đó. Thực tiễn cho thấy, không ít cán bộ pháp chế mặc dù có trình độ và phẩm chất tốt nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan vẫn chưa phát huy hết tiềm năng, khiến cho hiệu quả công việc chưa cao.

Một hướng tiếp cận khác lại cho rằng, hiệu quả công tác pháp chế không chỉ nằm ở khả năng cá nhân của người thực hiện mà còn được thể hiện qua kết quả cụ thể mà họ đạt được trong việc thực thi các nhiệm vụ được giao. Những kết quả này không chỉ được nhận diện về mặt định tính mà còn có thể định lượng (thể hiện qua số lượng công việc pháp chế được thực hiện), dù không phải trong mọi trường hợp đều có thể định lượng đầy đủ. Phần lớn các quan điểm thống nhất rằng hiệu quả công tác pháp chế là kết quả do người thực hiện công tác pháp chế tạo ra, tuy nhiên, những kết quả này cần được đặt trong mối tương quan với mục tiêu xã hội mà công tác pháp chế hướng tới.

Khi thiết lập bộ máy pháp chế, mục tiêu luôn là yếu tố được định hướng rõ ràng, và kết quả thực tế đạt được cần được đối chiếu với mục tiêu này để xác định tính hiệu quả. Trên thực tế, kết quả đạt được không phải lúc nào cũng trùng khớp với mục tiêu đặt ra. Do đó, hiệu quả công tác pháp chế cần được xem xét như một đại lượng mang tính so sánh giữa kết quả thực tế với kết quả mong muốn đạt được. Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn còn hạn chế ở chỗ chưa tính đến chi phí phát sinh để đạt được những kết quả đó. Trong điều kiện hiện nay, hiệu quả của bất kỳ hoạt động nào cũng phải được đánh giá trên cả hai phương diện: kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó. Nếu chi phí thực hiện quá cao, hiệu quả thực chất sẽ không được xem là cao, ngay cả khi kết quả đạt được tương đối tốt.

Trên cơ sở các phân tích trên, khi đánh giá hiệu quả công tác pháp chế cần dựa trên việc xem xét ít nhất các tiêu chí cơ bản sau:

Tiêu chí thứ nhất: Định hướng mục tiêu, yêu cầu của công tác pháp chế

Chất lượng và khối lượng công việc được hoàn thành trong năm là cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động pháp chế. Vì vậy các tổ chức, đơn vị cần thiết phải xây dựng Kế hoạch công tác pháp chế với các tiêu chí thiết yếu để định hướng và kiểm soát kết quả. Kế hoạch này cần được xây dựng với tầm nhìn, mục đích, yêu cầu tốt, có tính khả thi. Trong đó, mục đích đặt ra đối với công tác pháp chế thể hiện trước hết ở việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, các hoạt động khác nhau cho những người làm công tác pháp chế, phản ánh yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực, từ xây dựng pháp luật, PBGDPL cho đến theo dõi thi hành pháp luật. Mục đích đó có thể dài hạn, ngắn hạn hoặc theo từng giai đoạn gắn với sự phát triển của mỗi đơn vị, tổ chức. Ngoài ra, cần phải xác định được yêu cầu cụ thể của công tác pháp chế, là mức

độ cần phải đạt được khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao về thời gian, về số lượng công việc, về chất lượng... thì việc đánh giá hiệu quả mới chính xác.

Tiêu chí thứ hai: Về kết quả thực hiện so với mục tiêu, yêu cầu đặt ra đối với công tác pháp chế

Việc đánh giá hiệu quả công tác pháp chế không thể tách rời khỏi mối liên hệ giữa kết quả thực tế đạt được và mục tiêu, yêu cầu đã được xác định từ đầu. Đối với công tác pháp chế, tiêu chí này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì nó phản ánh mức độ thực thi nhiệm vụ của bộ phận pháp chế trong việc hỗ trợ, đảm bảo tính hợp pháp và hiệu quả pháp lý của hoạt động quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Kết quả thực tế của công tác pháp chế có sự khác biệt giữa các lĩnh vực, tùy thuộc vào đặc điểm và điều kiện cụ thể nhưng nhìn chung, những kết quả này thường được thể hiện thông qua số lượng và chất lượng của một số hoạt động chủ yếu, bao gồm: các ý kiến tham mưu, tư vấn của cán bộ pháp chế trong quá trình xây dựng pháp luật và ban hành văn bản nội bộ; hoạt động rà soát, xử lý văn bản QPPL, thể hiện qua số lượng văn bản đã được rà soát và những hạn chế, thiếu sót được phát hiện; công tác PBGDPL với các tiêu chí như số lần tổ chức, nội dung triển khai và mức độ thay đổi trong nhận thức, hành vi của đối tượng được tuyên truyền, giáo dục; hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, đánh giá qua giá trị của các phát hiện và kiến nghị; và các hoạt động tham mưu pháp lý khác. Khi đánh giá kết quả của công tác pháp chế, cần xem xét cả khía cạnh định lượng (phạm vi, quy mô, tần suất) và định tính (mức độ hiệu quả, tính chính xác, sự phù hợp).

Cũng cần lưu ý rằng công tác pháp chế có thể tạo ra cả tác động tích cực lẫn những ảnh hưởng tiêu cực. Do đó, việc đánh giá kết quả thực tế cần phải toàn diện, xem xét đồng thời cả những thành tựu đạt được và các hệ quả không mong muốn. Sau khi đã xác định rõ mục tiêu, yêu cầu (kết quả mong muốn) và kết quả thực tế đạt được của công tác pháp chế, cần tiến hành đối chiếu, so sánh giữa hai yếu tố này. Nếu kết quả thực tế phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đã đề ra thì có thể coi công tác pháp chế đạt hiệu quả. Mức độ hiệu quả cao hay thấp phụ thuộc vào mối tương quan giữa hai đại lượng nêu trên, trong đó các yếu tố tích cực cần chiếm ưu thế so với các yếu tố tiêu cực. Bên cạnh đó, việc đối sánh này còn giúp chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu trong thực hiện công tác, những nguyên nhân dẫn đến sự phù hợp và không phù hợp giữa thực tế và kế hoạch đề cập thời có những thay đổi, điều chỉnh.

Tiêu chí thứ ba: Số lượng và chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế

Việc xác định số lượng và chất lượng đội ngũ này nhằm đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ pháp chế và khả năng đạt được mục tiêu đề ra trong điều kiện thực tế. Về mặt lượng, số lượng cán bộ pháp chế ảnh hưởng đến khả năng triển khai nhiệm vụ một cách đầy đủ và hiệu quả, nếu thiếu nhân lực thì công việc sẽ dễ bị bỏ sót, còn nếu

đur thì họ không làm việc hết công suất. Vì vậy, số lượng người làm công tác pháp chế được sắp xếp, bố trí đủ được xem là một tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của công tác pháp chế.

Về chất lượng, tức là xét đến trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất đạo đức và phương pháp làm việc. Năng lực và trình độ chuyên môn được hình thành qua đào tạo, bồi dưỡng, tích lũy kinh nghiệm; phẩm chất đạo đức thể hiện qua tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và sự tận tụy; trong khi đó, phương pháp làm việc khoa học sẽ nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Người làm công tác pháp chế có năng lực, trình độ chuyên môn tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và phương pháp làm việc khoa học thì khả năng giải quyết công việc sẽ dễ dàng, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn và đạt được kết quả cao hơn.

Tiêu chí thứ tư: Về công tác phối hợp giữa tổ chức/bộ phận pháp chế với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện các hoạt động pháp chế.

Đây là tiêu chí đánh giá hiệu quả phối hợp công tác giữa tổ chức/bộ phận pháp chế với các đơn vị chức năng trong cùng một cơ quan, đơn vị.

Hoạt động pháp chế có thực sự mạnh và có hiệu quả cao chỉ khi có sự gắn kết và phối hợp linh hoạt, ăn ý, mềm dẻo với hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên môn khác trong cùng một hệ thống cơ quan, tổ chức hoặc giữa các tổ chức pháp chế thuộc các cơ quan khác nhau. Nghiệp vụ công tác pháp chế có đặc thù là tổng hợp của nhiều nghiệp vụ chuyên sâu với đối tượng và phạm vi tương đối rộng. Vì thế, tổ chức/bộ phận pháp chế không thể chỉ hoạt động đơn lẻ mà cần có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan.

Tiêu chí thứ năm: Mức chi phí cho việc đạt được kết quả thực tế của công tác pháp chế và điều kiện làm việc của người làm công tác pháp chế.

Hiệu quả, xét theo nghĩa kinh tế học, không chỉ gắn với kết quả đầu ra mà còn phải tính đến chi phí đầu vào để đạt được kết quả đó. Chi phí trong hoạt động pháp chế cần được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm:

- Chi phí nhân sự: tiền lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ cho đội ngũ người làm công tác pháp chế;
- Chi phí thời gian, công sức: thời gian chuẩn bị, rà soát, góp ý văn bản; công sức nghiên cứu, tham khảo tài liệu pháp lý;
- Chi phí kỹ thuật và hậu cần: cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm, hệ thống quản lý phục vụ công tác pháp chế;
- Chi phí tổ chức hoạt động: tổ chức hội nghị, hội thảo, các buổi tuyên truyền, PBGDPL; in ấn tài liệu; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn pháp chế;
- Chi phí khác như những lợi ích bị bỏ lỡ khi sử dụng nguồn lực vào công tác pháp chế thay vì hoạt động khác (nếu có).

Việc xác định tiêu chí mức chi phí cho việc đạt được kết quả thực tế của công tác pháp chế nhằm đánh giá chất lượng của những hoạt động để đạt được các kết quả thực tế hay nói khác đi là đánh giá tính kinh tế, tính hữu ích trong công tác pháp chế. Có thể nói, hiệu quả công tác pháp chế không chỉ thể hiện ở việc giải quyết những nhiệm vụ, mục đích, yêu cầu đặt ra đối với công tác pháp chế trong thực tế mà còn phải giải quyết chúng với những chi phí ít nhất về vật chất, về tinh thần và những chi phí khác có liên quan. Tất cả những phí tổn cho quá trình đạt được kết quả thực tế đề ra cho công tác pháp chế ở mức tối thiểu nhưng phải bảo đảm cho công tác pháp chế phát huy tác dụng ở mức cao nhất, kết quả thực tế thu được phải lớn nhất.

Tuy nhiên cần lưu ý rằng tiêu chí chi phí chỉ có tính chất bổ trợ chứ không phải là tiêu chí có ý nghĩa quyết định để xác định hiệu quả công tác pháp chế cao hay thấp. Thực tế cho thấy, chi phí thấp không đồng nghĩa với hiệu quả cao nếu kết quả đầu ra không đạt chất lượng, thiếu thực chất hoặc ngược lại, chi phí cao chưa chắc là tiêu cực nếu mang lại tác động lớn, bền vững, có tính lan tỏa. Trong những trường hợp không hạch toán được chính xác, đầy đủ, cụ thể những chi phí cho các hoạt động pháp chế hoặc không thể đánh giá được hết những giá trị mà công tác pháp chế mang lại, nếu chỉ quan tâm đến chi phí bỏ ra thì khó có thể đánh giá được một cách chính xác hiệu quả của công tác pháp chế. Do vậy, cần đánh giá hiệu quả công tác pháp chế dựa trên tương quan giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra, tức là hiệu suất sử dụng nguồn lực, những chi phí này cần được kiểm soát và tiết kiệm ở mức hợp lý, không chỉ để tránh lãng phí ngân sách mà còn nhằm tạo điều kiện cho công tác pháp chế phát huy được hiệu quả cao nhất trong điều kiện nguồn lực hữu hạn. Vấn đề quan trọng trong thực hiện các công việc của công tác pháp chế là tiết kiệm, phải luôn ý thức rằng, “Tiết kiệm là một quốc sách lớn, lâu dài và phải được quy định thành chính sách, chế độ, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể...” [8, tr.75]. Vì vậy, để đạt được điều này cần thực hiện một số hoạt động như tinh giản bộ máy, tăng hiệu quả phối hợp thay vì mở rộng hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin để giảm chi phí vận hành; xây dựng kế hoạch pháp chế rõ ràng, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực; ưu tiên tuyển dụng, đào tạo đội ngũ pháp chế chuyên nghiệp, chuyên sâu để tối ưu hoá chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chủ trương: “bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững...” [9, tr.4].

Ngoài ra, cũng cần xem xét tính đến điều kiện làm việc của những người làm công tác pháp chế, ở đây không chỉ bao gồm các khoản chi phí chi cho con người như tiền lương, các khoản hỗ trợ, các phương tiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác pháp chế mà còn bao gồm cả sự tạo điều kiện của cơ quan, đơn vị, nhất là của thủ

trưởng cơ quan. Nếu những người làm công tác pháp chế được quan tâm, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, có các phương tiện, kỹ thuật phù hợp để làm việc thì chất lượng và hiệu quả công việc của họ sẽ cao hơn.

Kết luận chương 1

Công tác pháp chế độ đóng vai trò thiết yếu trong việc đảm bảo vận hành ổn định, hiệu quả và tuân thủ pháp luật của các CSGD đại học trong bối cảnh tự chủ và hội nhập quốc tế. Với sự ra đời của Nghị định 56/2024/NĐ-CP đã cung cấp một khung pháp lý quan trọng, xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức pháp chế trong các CSGD đại học, tạo điều kiện để công tác này phát huy tốt hơn vai trò của mình.

Kiến toàn tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ làm công pháp chế và đảm bảo các điều kiện hoạt động cho bộ phận này là yêu cầu cấp thiết đối với mỗi CSGD đại học. Tổ chức pháp chế mạnh không chỉ là công cụ đắc lực giúp lãnh đạo nhà trường quản lý, điều hành theo luật pháp, hạn chế rủi ro, mà còn đưa ra những tư vấn, tham mưu quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục đại học minh bạch, công bằng, chất lượng, mang lại hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Việc xây dựng tổ chức pháp chế và triển khai công tác pháp chế

2.1.1. Việc xây dựng tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế

Đứng trước yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình khoá XIX, nhiệm kỳ 2005 - 2010 về việc xây dựng một trường đại học tại thành phố Ninh Bình; được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong tỉnh, Trường Đại học Hoa Lư được thành lập năm 2007 theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp trường cao đẳng sư phạm Ninh Bình. Trường trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ GDĐT. Ngày nay, Trường đào tạo đa ngành, có sứ mạng thực hiện hoạt động giáo dục và đào tạo; hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và đất nước.

Sau khi được thành lập, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức và biên chế Trường Đại học Hoa Lư, được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/01/2009, trong đó xác định cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học và Đào tạo, 06 phòng chức năng, 07 khoa, 02 bộ môn, 02 trung tâm và 01 ban. Đến năm 2012, trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường (ban hành kèm theo Quyết định số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh), Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (theo Quyết định số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư). Theo đó công tác pháp chế lần đầu được đề cập và nhiệm vụ này được giao cho Phòng Tổ chức - Tổng hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm này, khi Nghị định 55/2011/NĐ-CP mới đầu có hiệu lực thực hiện, nhiệm vụ công tác pháp chế ở các đơn vị sự nghiệp công lập cũng như tại các CSGD đại học chưa được hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng, công tác pháp chế của Nhà trường cũng chưa được thể hiện rõ nét, chủ yếu xoay quanh nhiệm vụ tham mưu giúp Lãnh đạo Trường xây dựng các văn bản nội bộ.

Năm 2014, thực hiện hướng dẫn của Bộ GDĐT tại công văn số 3878, Nhà trường đã tuyển dụng 01 viên chức chuyên ngành Luật về giảng dạy đồng thời kiêm nhiệm tại Phòng Tổ chức - Tổng hợp, trực tiếp phụ trách mảng công tác pháp chế, đảm bảo đúng điều kiện về người làm công tác pháp chế theo yêu cầu, hướng tới kiện

toàn, nâng cao chất lượng công tác pháp chế tại Nhà trường.

Giai đoạn 2020 - 2025, nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật mới ban hành như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Nhà trường đã kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị thuộc và trực thuộc, từ đó điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với tình hình mới. Trong quá trình kiện toàn, Nhà trường đã đổi tên Phòng Tổ chức - Tổng hợp thành phòng Tổ chức - Thanh tra. Công tác pháp chế tiếp tục được quy định là một trong những nhiệm vụ của phòng với các mảng công việc cụ thể: xây dựng kế hoạch về công tác pháp chế hằng năm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; xây dựng hoặc thẩm định các quy chế, quy định, quy trình của Trường; thẩm định về nội dung, tính pháp lý của các văn bản của các đơn vị trong Trường soạn thảo trước khi trình Hiệu trưởng hoặc các Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền, phân cấp ký ban hành; nghiên cứu, đóng góp ý kiến cho dự thảo các văn bản theo yêu cầu của các cấp, ngành; phối hợp với các đơn vị có liên quan, xây dựng và triển khai kế hoạch PBGDPL trong Trường; định kỳ hoặc đột xuất thực hiện chế độ báo cáo về công tác pháp chế theo quy định. Việc đổi tên đơn vị cùng với giao nhiệm vụ pháp chế cho bộ phận phụ trách công tác thanh tra được xác định trên cơ sở quy mô hoạt động của Nhà trường và tham khảo từ mô hình tổ chức của các trường đại học có quy mô tương tự.¹⁹

Cơ cấu nhân sự của Phòng Tổ chức - Thanh tra ngày một được kiện toàn, bổ sung:

Năm			Cơ cấu nhân sự Phòng Tổ chức – Thanh tra							Ghi chú
	Tổng số nhân sự Phòng	Nhân sự phụ trách công tác pháp chế								
		Số lượng	Trình độ		Chuyên ngành Luật	Chức danh nghề nghiệp		Số năm công tác		
			Thạc sĩ	Đại học		Giảng viên	Chuyên viên	Trên 10 năm	Dưới 10 năm	
2020	07	02	02	0	01	02	0	01	01	
2021	07	02	02	0	01	02	0	01	01	
2022	08	02	02	0	01	02	0	01	01	
2023	09	03	02	01	02	02	01	01	02	
2024	09	03	02	01	02	02	01	01	02	
2025	09	03	02	01	02	02	01	01	02	

Bảng 2.1: Đặc điểm tình hình nhân sự phụ trách công tác pháp chế

Từ năm 2023 đến nay, Phòng Tổ chức - Thanh tra gồm 09 viên chức, trưởng phòng chịu trách nhiệm chính, chỉ đạo nhiệm vụ chung và phân công 02 viên chức

¹⁹ Theo Báo cáo của Bộ GDĐT năm 2024, có 26 cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ đã thành lập Phòng/Ban/bộ phận/Tổ Thanh tra – Pháp chế; 158 CSGD đại học có phòng pháp chế (ghép cùng Thanh tra).

chuyên ngành Luật trực tiếp phụ trách mảng công tác pháp chế, như vậy, đối với mảng công tác pháp chế có 02 viên chức là giảng viên kiêm nhiệm (bao gồm trưởng phòng) và 01 viên chức chuyên trách được tuyển dụng vào năm 2023. Đội ngũ này có tuổi đời còn tương đối trẻ, số năm công tác, kinh nghiệm chủ yếu dưới 10 năm, đặc biệt cả 02 viên chức chuyên ngành Luật phụ trách trực tiếp đều có năm công tác dưới 10 năm.

Hàng năm, viên chức pháp chế của Nhà trường tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ pháp chế do Bộ GDĐT tổ chức, cụ thể qua bảng sau:

Năm	Nội dung	Thành phần	
		Lãnh đạo	VC phụ trách
2020	Hội nghị tập huấn công tác pháp chế và báo cáo viên pháp luật ngành giáo dục khu vực phía Bắc năm 2020 do Bộ GDĐT tổ chức tại Hà Nội	01	02
2022	Hội nghị tập huấn công tác pháp chế ngành giáo dục năm 2022 do Bộ GDĐT tổ chức tại Hà Nội	01	02
2023	Hội nghị Tập huấn công tác pháp chế ngành giáo dục năm 2023 do Bộ GDĐT tổ chức tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	01	02
2024	Hội nghị Tập huấn công tác pháp chế và báo cáo viên pháp luật ngành giáo dục năm 2024 do Bộ GDĐT tổ chức tại tỉnh Bình Định	01	02
2025	Hội nghị Tập huấn công tác pháp chế và báo cáo viên pháp luật ngành giáo dục năm 2024 do Bộ GDĐT tổ chức tại Hà Nội	01	01

Bảng 2.2. Thống kê các lớp tập huấn công tác pháp chế đã tham gia giai đoạn 2020 - 2025

Phòng Tổ chức - Thanh tra được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng. Với sự kiện toàn nâng lên về số lượng đội ngũ, công tác pháp chế được Lãnh đạo Nhà trường quan tâm, chỉ đạo sát sao, hoạt động thực chất và hiệu quả với nhiều mảng công việc quan trọng, nòng cốt như tham mưu, tư vấn tổ chức hoạt động, rà soát, xây dựng văn bản nội bộ, kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật, nội quy, quy định... Có thể nói, bộ phận pháp chế nói riêng và Phòng Tổ chức - Thanh tra nói chung đã trở thành đơn vị tham mưu quan trọng giúp việc cho Hiệu trưởng, góp phần giúp Nhà trường định hướng, phát triển.

2.1.2. Việc triển khai công tác pháp chế

Các nội dung nhiệm vụ của công tác này bước đầu đã được phản ánh trong

Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành năm 2022 thông qua các quy định như tại Điều 89 về Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, trong đó tại khoản 3 Điều này có giao Phòng Tổ chức - Thanh tra thực hiện nhiệm vụ giúp Lãnh đạo Trường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Trường; hay trong quy định về Chế độ soạn thảo và ký văn bản, tại khoản 4 Điều 89 có nêu: “Bộ phận pháp chế thuộc phòng Tổ chức - Thanh tra có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày tất cả các văn bản gửi ra ngoài trường trước khi trình Hiệu trưởng ký”.

Hoạt động pháp chế là hoạt động chuyên môn được Nhà trường thực hiện hàng năm. Nhằm thực hiện có hiệu quả công tác pháp chế, Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư đã chỉ đạo bộ phận pháp chế, Phòng Tổ chức - Thanh tra xây dựng kế hoạch pháp chế từng năm học theo đúng hướng dẫn nhiệm vụ pháp chế hàng năm của Bộ GDĐT và bám sát các chiến lược, kế hoạch hành động, chương trình công tác trọng tâm năm học của Nhà trường. Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch:

TT	Tên văn bản	Số kí hiệu
1	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2020 – 2021	số 119/KH-ĐHHL ngày 28/9/2020
2	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2021 – 2022	số 143/KH-ĐHHL ngày 08/9/2021
3	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2022 – 2023	số 164/KH-ĐHHL ngày 12/10/2022
4	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2023 – 2024	số 223/KH-ĐHHL ngày 29/9/2023
5	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2024 – 2025	số 243/KH-ĐHHL ngày 26/9/2024
6	Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2025 – 2026	số 29/KH-ĐHHL ngày 20/8/2025

Bảng 2.3. Thống kê các Kế hoạch công tác pháp chế giai đoạn 2020 - 2025

Trong các kế hoạch đề ra mục đích, yêu cầu của công tác pháp chế phù hợp với từng năm học, từng thời kỳ. Chẳng hạn như năm học 2021 – 2022, khi Nhà trường thực hiện Đề án của tỉnh về sắp xếp, kiện toàn bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư, đòi hỏi tại thời điểm này Nhà trường phải rà soát, soạn thảo nhằm sửa đổi, bổ sung, xây dựng một loạt các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động mới, vì vậy kế hoạch công tác pháp chế năm học đã đặt ra mục đích rõ ràng về “nâng cao chất lượng trong xây dựng hệ thống văn bản quy định về tổ chức và hoạt động trong Trường; tổ

chức rà soát kỹ lưỡng việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng văn bản nội bộ trước khi ban hành”. Và, để triển khai thực hiện kế hoạch pháp chế, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ, vai trò cụ thể cho các đơn vị, trong đó bộ phận pháp chế, phòng Tổ chức - Thanh tra, là bộ phận giữ vai trò chủ đạo của công tác pháp chế, bộ phận này được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch pháp chế, tập trung vào các hoạt động: (1) Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác pháp chế; (2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định, quy chế nội bộ; (3) Tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường; (4) Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản QPPL, quy chế của Bộ GDĐT, các bộ, ngành, và các quy định của Trường; (5) Tham gia góp ý các dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan quản lý nhà nước gửi lấy ý kiến. (6) Tuyên truyền, PBGDPL, nội quy và quy chế cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học; (7) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Bên cạnh các hoạt động của Bộ phận pháp chế, để hoàn thành các nhiệm vụ của công tác pháp chế, cần thiết phải có sự phối hợp thực hiện của các đơn vị dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Trong các Kế hoạch công tác pháp chế hàng năm luôn đặt ra yêu cầu đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Trường và với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ của công tác pháp chế năm học. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên), các đơn vị trong trường như Phòng Đào tạo - Khoa học, Phòng Chính trị và Công tác HSSV, Phòng Hành chính - Quản trị, Bộ môn Lý luận chính trị... phối hợp chặt chẽ với bộ phận pháp chế để triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch pháp chế đảm bảo sự phù hợp với từng nội dung, từng đối tượng khác nhau và có liên quan. Ví dụ, trên cơ sở nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch công tác pháp chế, các đơn vị xây dựng các kế hoạch thực hiện từng nhiệm vụ riêng như kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kế hoạch rà soát văn bản nội bộ..., hay, do Nhà trường có nhiều nhóm đối tượng khác nhau như viên chức, người lao động, HSSV, nên công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện dựa trên sự phối hợp giữa bộ phận pháp chế với nhiều đơn vị khác như Phòng Chính trị và Công tác HSSV, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Bộ môn Lý luận chính trị và các khoa, bộ môn khác để có những hình thức phổ biến phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Nhà trường đã bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế như bố trí phòng làm việc, hệ thống máy tính, mạng internet, phân định quyền hạn trên hệ thống quản lý văn bản điều hành cho bộ phận pháp chế, đảm bảo nguồn kinh phí chi cho hoạt động xây dựng văn bản

nội bộ bao gồm kinh phí cho hoạt động soạn thảo, xây dựng văn bản và kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản, kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL, hỗ trợ chế độ công tác phí cho viên chức tham dự các lớp tập huấn công tác pháp chế do các Bộ, ngành tổ chức. Đặc biệt, sau khi có quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác pháp chế tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 773/QĐ-ĐHHL ngày 05/12/2024 về việc hỗ trợ viên chức làm công tác pháp chế của Trường với mức hỗ trợ là 40.000 đồng/ngày làm việc, nội dung này tiếp tục được bổ sung vào bản Quy chế chi tiêu nội bộ mới của Nhà trường ban hành năm 2025.

Nhờ việc coi trọng vai trò của công tác pháp chế và triển khai công tác pháp chế một cách nghiêm túc, đúng hướng dẫn của lãnh đạo nhà trường nên nhận thức về pháp luật của đội ngũ viên chức và người học ngày càng được nâng cao, việc tuân thủ pháp luật của các đối tượng này được thực hiện tốt, không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo phức tạp trong những năm vừa qua, đảm bảo Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật, tuân thủ nguyên tắc pháp chế.

2.2. Việc thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế

2.2.1. Về tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư

Trong thời gian qua, Bộ phận pháp chế thuộc Phòng Tổ chức - Thanh tra đã tham gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường tư vấn, giúp Hội đồng trường, Ban Giám hiệu về những vấn đề pháp lý của Nhà trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà trường, đơn vị; của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học. Có thể kể đến một số nội dung tư vấn quan trọng, như:

Một là, tham mưu, tư vấn thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Xu thế chung của thế giới hiện nay là đổi mới cách thức quản trị giáo dục đại học theo hướng kết hợp sự giám sát của nhà nước và phát huy các nguồn lực xã hội trong cơ chế thị trường. Một bước tiến quan trọng về thể chế quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam là việc thành lập Hội đồng trường tại các CSGD đại học. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP được ban hành tập trung chỉ đạo 02 vấn đề chính: (1) Thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định và (2) thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập liên quan đến nội dung nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ chế hội đồng trường trong các trường đại học theo hướng, hội đồng trường là cơ quan thực quyền cao nhất của trường đại học. Hội đồng trường phải là “thành tố quan trọng hàng đầu trong cơ cấu tổ chức

của các trường đại học; là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của trường. Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, gắn trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của trường theo quy định của pháp luật” [6].

Xuất phát từ yêu cầu pháp luật và không thể nằm ngoài xu thế phát triển chung của giáo dục đại học, đòi hỏi Nhà trường phải đổi mới, thay đổi cấu trúc quản lý hiện hữu đã không còn phù hợp với điều kiện mới. Với vai trò là đơn vị tham mưu, bộ phận pháp chế thuộc phòng Tổ chức - Thanh tra đã thực hiện nghiên cứu cơ sở lý luận về mô hình Hội đồng trường, các văn bản quản lý của Việt Nam liên quan đến mô hình Hội đồng trường cũng như học hỏi, nghiên cứu thực tiễn cấu trúc quản trị của các trường đại học, đặc biệt là ở các trường đại học địa phương khác để tư vấn lựa chọn, xác lập mô hình Hội đồng trường của Trường Đại học Hoa Lư. Đây là một quá trình không hề dễ dàng nhất là đối với một trường đại học địa phương luôn bị hạn chế bởi nguồn lực và vấn đề tạo được sự đồng thuận, nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên về tầm quan trọng của tự chủ đại học mà Hội đồng trường là đại diện. Kết quả của những nỗ lực đó là Nhà trường đã xây dựng được Đề án số 382/ĐA-ĐHHL ngày 11/8/2020 thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 – 2025 và trình UBND tỉnh Ninh Bình thẩm định, phê duyệt. Ngày 30/9/2020, Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư đầu tiên với nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã được thành lập theo Quyết định số 1205/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình. Hội đồng trường cũng đã bầu thành công chức danh Chủ tịch Hội đồng trường và được UBND tỉnh ra quyết định công nhận²⁰. Bộ phận pháp chế đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị để lựa chọn và giới thiệu thành công 15 thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 - 2025 đảm bảo đúng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, bao gồm các thành viên trong và ngoài Trường. Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường trên cơ sở tham mưu của Bộ phận pháp chế; xây dựng chương trình hành động và quyết nghị nhiều vấn đề quan trọng như Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế Tài chính... qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị đối với các lĩnh vực công tác cũng như kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Trường theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình.

Hai là, tham mưu, tư vấn về tự chủ bộ máy, nhân sự Nhà trường.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của ngành giáo dục và của UBND tỉnh, bao gồm Nghị quyết số 19-NQ/TW, Luật Giáo dục đại học năm 2012

²⁰ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 – 2025.

(được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Đề án tổng thể kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bộ phận pháp chế, phòng Tổ chức - Thanh tra đã phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường rà soát đánh giá ưu điểm, tồn tại hạn chế trong tổ chức bộ máy giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2021, bên cạnh những ưu điểm như thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, ngành nghề, loại hình đào tạo được mở rộng, đội ngũ viên chức được nâng lên về số lượng và chất lượng thì sau 14 năm thành lập và hoạt động, tổ chức bộ máy Nhà trường đã phát sinh một số tồn tại, bất cập ảnh hưởng đến hoạt động và định hướng phát triển Nhà trường. Có thể kể đến một số tồn tại lớn đã được tham mưu như: Các khoa chủ yếu thực hiện nhiệm vụ đào tạo sư phạm, chưa có nhiều ngành nghề mới cũng như chưa hình thành được các nhóm ngành đào tạo mũi nhọn để phát triển thành trường đại học đa ngành như mục tiêu đề ra trong Đề án thành lập Trường; cơ cấu tổ chức bộ máy chưa phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học và yêu cầu của Bộ GDĐT; một số khoa, trung tâm hoạt động chưa hiệu quả; việc quy hoạch, quản lý, sử dụng viên chức còn gặp nhiều khó khăn nhất là trong công tác bổ nhiệm giảng viên có trình độ Tiến sĩ giữ chức vụ trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng môn để đảm bảo đúng các quy định về công tác cán bộ của Bộ GDĐT. Trên cơ sở đánh giá, bộ phận pháp chế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tham mưu, đưa ra đề xuất cho Lãnh đạo Nhà trường sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy để đảm bảo định hướng phát triển đào tạo đại học đa ngành, trọng tâm là sắp xếp lại các khoa theo các nhóm ngành đào tạo mũi nhọn gồm: Sư phạm, Kinh tế, Văn hoá - Du lịch, Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, tham mưu sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị chức năng để đáp ứng quy định của Bộ GDĐT như: Đổi tên phòng Tổ chức - Tổng hợp thành Phòng Tổ chức - Thanh tra, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thành Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Công tác sinh viên thành phòng Chính trị và công tác HSSV, phòng Tài vụ thành phòng Kế hoạch - Tài chính; giải thể trung tâm Y tế - Môi trường do thiếu nhân sự có trình độ theo yêu cầu và hoạt động không thực sự hiệu quả.

Đến năm 2025, thực hiện yêu cầu chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và các Kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh, bộ phận pháp chế tiếp tục đề xuất ý kiến sắp xếp, tinh gọn bộ máy điều chỉnh giảm 02 đầu mỗi đơn vị gồm

Ban Quản lý nội trú và Trung tâm Thư viện - Thiết bị để Lãnh đạo Trường tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án tổng thể theo tinh thần “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông.

Có thể thấy rõ sự thay đổi, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường sau khi được tham mưu qua bảng sau:

TT	Nội dung	Cơ cấu lãnh đạo, quản lý năm 2019	Cơ cấu lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2024	Năm 2025
1.	Cơ quan quản trị cao nhất	Ban Giám hiệu	Hội đồng trường	Hội đồng trường
2	Cơ cấu tổ chức	Cơ cấu tổ chức của Trường, gồm có:	Cơ cấu tổ chức của Trường, gồm có:	Cơ cấu tổ chức của Trường, gồm có:
		- Ban Giám hiệu	- Hội đồng trường. - Ban Giám hiệu. - Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn khác.	- Hội đồng trường. - Ban Giám hiệu. - Hội đồng khoa học và đào tạo, các HĐ tư vấn khác.
		- 07 phòng, ban chức năng: Tổ chức – Tổng hợp; ĐT – Quản lý khoa học; Khảo thí & Đảm bảo chất lượng; Công tác SV; Tài vụ; Hành chính – Quản trị, Ban Quản lý Ký túc xá.	- 07 phòng, ban chức năng nhưng có sự kiện toàn, đổi tên, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, gồm: Phòng Tổ chức - Thanh tra; Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Chính trị và Công tác HSSV; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Hành chính - Quản trị; Ban Quản lý nội trú.	06 phòng, ban chức năng (bỏ Ban Quản lý nội trú), gồm: Phòng Tổ chức - Thanh tra; Phòng Đào tạo - Khoa học; Phòng Đảm bảo chất lượng; Phòng Chính trị và Công tác HSSV; Phòng Tài chính; Phòng Hành chính - Quản trị;
		- 07 khoa: Tự nhiên, Xã hội – Du lịch, Tiểu học – Mầm non, Kinh tế - Kỹ thuật, Ngoại	- 06 khoa: Khoa Sư phạm Trung học; Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non; Khoa Văn	Giữ nguyên như giai đoạn 21-25 gồm 06 khoa.

		ngữ - Tin học, Nông Lâm, Giáo dục thường xuyên	hóa - Du lịch; Khoa Kinh tế; Khoa Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin; Khoa Giáo dục thường xuyên.	
		- 02 bộ môn thuộc trường: Giáo dục thể chất – Tâm lý, Lý luận chính trị.	- Giữ nguyên 02 bộ môn: Bộ môn Lý luận chính trị; Bộ môn Giáo dục thể chất - Tâm lý.	Giữ nguyên 02 bộ môn
		- 03 trung tâm: Thư viện – Thiết bị, Ngoại ngữ - Tin học, Y tế - Môi trường.	- Giải thể 01 trung tâm Y tế - Môi trường, vì vậy còn 02 trung tâm đã được kiện toàn: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; Trung tâm Thư viện - Thiết bị.	Giải thể Trung tâm Thư viện – Thiết bị, vì vậy còn 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
		- 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Phổ thông thực hành sư phạm Trảng An.	- Giữ nguyên 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Phổ thông thực hành sư phạm Trảng An.	Giữ nguyên Trường Phổ thông thực hành Sư phạm Trảng An

Bảng 2.4. Đối sánh cơ cấu tổ chức qua các giai đoạn

Đồng thời, trong công tác tự chủ bộ máy, nhân sự, bộ phận pháp chế cũng đã tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường nhiều hoạt động khác như rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm bảo đảm theo quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan; rà soát khung số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; rà soát số lượng người làm việc hàng năm cho các đơn vị để làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng và quản lý; rà soát, bố trí, sử dụng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong đơn vị, bảo đảm đúng đối tượng, cơ cấu, tỷ lệ hợp lý giữa người làm chuyên môn, nghiệp vụ và người làm việc hỗ trợ phục vụ; giảm số người phục vụ trong từng đơn vị thuộc và trực thuộc; gắn việc củng cố, sắp xếp, tổ chức bộ máy với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

Ba là tham mưu, tư vấn điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc.

Sau 14 năm thành lập, cơ cấu tổ chức, bộ máy Nhà trường đã có sự thay đổi, điều chỉnh theo hướng tập trung đào tạo các ngành nghề mũi nhọn, tinh gọn bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đi đôi với việc tham mưu sắp xếp, kiện toàn đó, bộ

phận pháp chế cũng đã tư vấn cho lãnh đạo Nhà trường điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc. Mỗi đơn vị có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng chia thành từng mảng công tác, trong đó đã bổ sung, làm rõ một số nhiệm vụ quan trọng. Chẳng hạn như ngay chính tại công tác thanh tra, pháp chế thuộc phòng Tổ chức - Thanh tra, nhiệm vụ của bộ phận thanh tra – pháp chế từng bước được thể chế rõ nhằm bảo đảm cho Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế; hay nhiệm vụ hợp tác quốc tế thuộc Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học (nay là Phòng Đào tạo – Khoa học), góp phần mở rộng quan hệ hợp tác giữa Nhà trường với các đối tác nước ngoài như hợp tác đào tạo Lưu học sinh Lào (tỉnh U-Đôm-Xay, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào); hợp tác với Trường Đại học HoSeo (Hàn Quốc). Đến năm 2025, khi Nhà trường một lần nữa kiện toàn, tổ chức lại bộ máy theo Đề án của tỉnh, bộ phận pháp chế tiếp tục tham mưu cho lãnh đạo Trường điều chỉnh lại phù hợp hơn chức năng của các đơn vị sau sắp xếp, chuyển các mảng công tác của các đơn vị giải thể về các đơn vị khác đảm bảo nhân lực, hiệu quả công việc.

Ngoài các nội dung tư vấn quan trọng kể trên của công tác pháp chế, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường đã cùng với bộ phận pháp chế tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo trường nhiều vấn đề liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động khác từ xây dựng Đề án quy hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các chương trình hành động theo giai đoạn đến các kế hoạch thực hiện hàng năm. Như vậy, trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, công tác pháp chế đã đóng vai trò then chốt trong việc tham mưu, tư vấn pháp lý, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới mô hình quản trị, kiện toàn tổ chức bộ máy, cũng như nâng cao năng lực quản trị, chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường. Qua đó, không chỉ bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý trong hoạt động điều hành mà còn từng bước hiện thực hóa mục tiêu tự chủ đại học trong giai đoạn hiện nay.

2.2.2. Về xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý văn bản

2.2.2.1. Xác định, phân loại văn bản QLNB do Nhà trường ban hành

Văn bản QLNB của Trường là văn bản do Hội đồng trường, Hiệu trưởng, trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ban hành có chứa quy tắc xử sự hoặc tiêu chuẩn có tính bắt buộc chung, được áp dụng nhiều lần với một lĩnh vực/đối tượng hoặc nhiều lĩnh vực/đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Trường. Hiện nay, văn bản QLNB của Trường được thể hiện dưới những hình thức như Nghị quyết hoặc Quyết định quy định trực tiếp hoặc ban hành Quy chế, Quy định, Quy trình, Hướng dẫn, Nội quy... kèm theo, tạo thành hệ thống điều chỉnh các quan hệ quan trọng nhất trong tổ

chức và hoạt động của Trường.

Tại Trường Đại học Hoa Lư, trên cơ sở phạm vi tác động tương ứng với trách nhiệm theo cấp quản lý, văn bản QLNB của Nhà trường có thể được phân thành hai nhóm, gồm:

- Nhóm văn bản có nội dung mang quy phạm nội bộ được ban hành dưới các tên loại như quy chế, quy định và được áp dụng chung trong phạm vi toàn trường. Những văn bản này do các phòng chức năng chủ trì tham mưu, xây dựng; quy định về tổ chức bộ máy, việc phân cấp, phân công nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa các thiết chế trong nội bộ; quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân sự, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo, viên chức, người lao động; quy định về quản lý các hoạt động chuyên môn như tuyển sinh, đào tạo và quản lý đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính và tài sản, hợp tác quốc tế và các mảng công tác khác của Trường. Văn bản được phổ biến rộng rãi đến viên chức, người lao động, người học và thực hiện công khai theo quy định pháp luật.

- Nhóm các văn bản là tài liệu hướng dẫn thực hiện một quy trình, nghiệp vụ chuyên môn cụ thể theo yêu cầu của văn bản quản lý cấp trường hoặc văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân trong một đơn vị. Các văn bản này do trưởng đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng và áp dụng trong phạm vi đơn vị được giao quản lý. Văn bản được công khai trong phạm vi đơn vị và báo cáo lãnh đạo trường qua các phòng chức năng để giám sát.

Theo Báo cáo rà soát văn bản QLNB giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã xây dựng, ban hành tổng số 61 Quyết định kèm theo quy định, quy chế áp dụng trong phạm vi toàn Trường, cụ thể theo bảng thống kê sau:

Đơn vị tham mưu	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành	Hiệu lực
Tổ chức – Thanh tra	Quyết định ban hành quy định văn hóa công sở đối với viên chức và người lao động Trường	239/QĐ-ĐHHL	1/6/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	395/QĐ-ĐHHL	4/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường	397/QĐ-ĐHHL	6/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành	424/QĐ-	17/8/2021	Còn hiệu

	quy định quản lý vận hành sử dụng cổng thông tin điện tử Trường	ĐHHL		lực
	Quyết định ban hành quy định cung cấp, duyệt và đăng tải thông tin cổng thông tin điện tử Trường	425/QĐ-ĐHHL	17/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động của Trường	705/QĐ-ĐHHL	8/11/2021	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức Trường	768/QĐ-ĐHHL	14/12/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường	74/QĐ-ĐHHL	31/01/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế về công tác thi đua khen thưởng trong Trường	163/QĐ-ĐHHL	25/5/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Ban giám hiệu và Ban chấp hành Công đoàn Trường Đại học Hoa Lư khoá XVIII, nhiệm kỳ 2023-2028	635/QĐ-ĐHHL	05/10/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định Về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao	711/QĐ-ĐHHL	22/11/2023	Còn hiệu lực

	động của Trường			
	Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát Kế hoạch chiến lược của Trường	73/QĐ-ĐHHL	05/02/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường	301/QĐ-ĐHHL	12/6/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại	309/QĐ-ĐHHL	14/6/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định công tác công khai trong hoạt động của Trường	536/QĐ-ĐHHL	26/9/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy trình rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường	779/QĐ-ĐHHL	07/12/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy chế tiền thưởng đối với viên chức và người lao động của Trường	822/QĐ-ĐHHL	30/12/2024	Còn hiệu lực
Đào tạo – Khoa học	Quyết định ban hành quy định tổ chức thi môn năng khiếu tại Trường	315/QĐ-ĐHHL	30/6/2020	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hình thức chính quy	374/QĐ-ĐHHL	17/8/2020	Còn hiệu lực
	Quyết định hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	376/QĐ-ĐHHL	17/8/2020	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định chuẩn đầu ra	467/QĐ-ĐHHL	16/10/2020	Còn hiệu lực

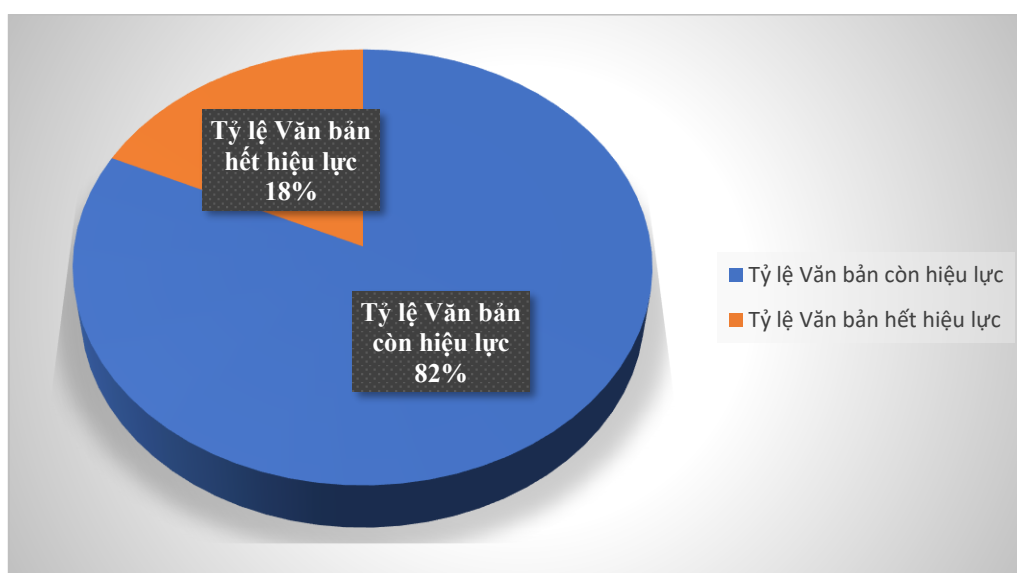
	ngoại ngữ và chuẩn đầu ra tin học đối với sinh viên hệ chính quy			
	Quyết định ban hành bộ quy trình quản lý hoạt động đào tạo của Trường	653/QĐ-ĐHHL	28/10/2020	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành bộ quy trình quản lý hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, cập nhật chương trình chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và hoạt động tuyển sinh của Trường	654/QĐ-ĐHHL	28/10/2020	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định tổ chức thi năng khiếu tại Trường	137/QĐ-ĐHHL	23/4/2021	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh trình độ đại học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường	240/QĐ-ĐHHL	1/6/2021	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về in, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ	420/QĐ-ĐHHL	15/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường	435/QĐ-ĐHHL	30/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Trường	21/QĐ-ĐHHL	21/1/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế tổ chức thi năng khiếu ngành giáo dục mầm non tại Trường	187/QĐ-ĐHHL	14/6/2022	Hết hiệu lực

	Quyết định ban hành quy định lập số hiệu, số vào sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ	439/QĐ-ĐHHL	31/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ của Trường	277/QĐ-ĐHHL	5/9/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường	19/QĐ-ĐHHL	10/01/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí khoa học của Trường	121/QĐ-ĐHHL	18/02/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo của Trường	261/QĐ-ĐHHL	21/4/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành Quy chế thi năng khiếu ngành Giáo dục mầm non tại Trường	297/QĐ-ĐHHL	16/5/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định thực hiện khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên Trường	527/QĐ-ĐHHL	21/9/2024	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến; đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình	73/QĐ-ĐHHL	21/02/2025	Còn hiệu lực

	khoa học và công nghệ của Trường			
CT&CTHSSV	Quyết định ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cao đẳng ngành giáo dục mầm non hệ chính quy Trường	139/QĐ-ĐHHL	5/5/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy Trường	140/QĐ-ĐHHL	5/5/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy Trường	141/QĐ-ĐHHL	5/5/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành bộ quy trình về công tác quản lý sinh viên hệ chính quy	279/QĐ-ĐHHL	6/9/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về văn hóa học đường và chuẩn mực ứng xử văn hóa của người học tại Trường	514/QĐ-ĐHHL	23/11/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định về mã số sinh viên, mã lớp sinh viên các bậc, hệ, ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường	606/QĐ-ĐHHL	21/9/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về quản lý hoạt động của các câu lạc bộ của Trường	182/QĐ-ĐHHL	29/3/2024	Còn hiệu lực
Đảm bảo chất lượng	Quyết định ban hành bộ quy trình quản lý hoạt động khảo thí và	727/QĐ-ĐHHL	30/11/2020	Còn hiệu lực

	đảm bảo chất lượng của Trường			
	Quyết định ban hành quy định về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến của Trường	774/QĐ-ĐHHL	15/12/2021	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong Trường	389/QĐ-ĐHHL	1/10/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục	487/QĐ-ĐHHL	14/11/2022	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định về hoạt động đối sách, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường	142/QĐ-ĐHHL	03/3/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường	650/QĐ-ĐHHL	15/10/2023	Còn hiệu lực
	Quyết định về việc ban hành Quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần của Trường	855/QĐ-ĐHHL	13/12/2023	Còn hiệu lực
Hành chính – Quản trị	Quyết định ban hành quy chế văn thư lưu trữ của Trường	391/QĐ-ĐHHL	3/8/2021	Còn hiệu lực
	Quyết định ban hành nội quy phòng cháy và chữa cháy	29/QĐ-ĐHHL	27/1/2022	Còn hiệu lực
Tài chính	Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	162/QĐ-ĐHHL	25/5/2022	Hết hiệu lực

	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	292/QĐ-ĐHHL	15/5/2023	Hết hiệu lực
	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	516/QĐ-ĐHHL	12/9/2024	Hết hiệu lực
	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	741/QĐ-ĐHHL	15/11/2024	Hết hiệu lực
	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ	767/QĐ-ĐHHL	02/12/2024	Hết hiệu lực
	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	86/QĐ-ĐHHL	25/02/2025	Còn hiệu lực
Khoa GDTX	Quyết định về việc ban hành Quy định liên kết đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học	370/QĐ-ĐHHL	13/6/2023	Còn hiệu lực
Trung tâm Thư viện – Thiết bị	Quyết định ban hành bộ quy trình quản lý thư viện, thiết bị của Trường	704/QĐ-ĐHHL	5/11/2021	Còn hiệu lực



Bảng 2.5. Thống kê và đồ thị hoá số liệu các Quy định, Quy chế của Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025

Phần lớn các Quyết định đều đang còn hiệu lực và được các đơn vị, cá nhân trong Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, một số văn bản đã hết hiệu lực và đều đã có văn bản thay thế điều chỉnh kịp thời đáp ứng

các quy định mới của pháp luật và các văn bản chỉ đạo của cấp trên cũng như phù hợp hơn với điều kiện thực tế của Nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành nhiều văn bản, đề án quan trọng, có thể kể đến như: văn bản xác định Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị cốt lõi, xác định triết lý giáo dục; Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Đề án vị trí việc làm và nhiều văn bản quy định quy trình thực hiện, đảm bảo các mặt nhiệm vụ của Nhà trường đều có văn bản quản lý điều chỉnh.

2.2.2.2. Việc bố trí nhân lực, kinh phí cho hoạt động tham mưu xây dựng văn bản QLNB

Xác định văn bản quản lý là công cụ quan trọng phục vụ hoạt động quản trị, quản lý nhà trường nên tập thể lãnh đạo trường đặc biệt quan tâm, đầu tư nguồn lực cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QLNB theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường. Đảng ủy, Hội đồng trường, Hiệu trưởng luôn xác định việc xây dựng và công khai các văn bản QLNB là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong công tác quản lý, điều hành Nhà trường. Việc xây dựng một hệ thống văn bản quản lý tốt trực tiếp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn và thực hiện trách nhiệm giải trình với xã hội về các hoạt động của Nhà trường. Do đó, xây dựng văn bản quản lý trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của tất cả các đơn vị, đặc biệt là những đơn vị thực hiện chức năng tham mưu, giúp Hội đồng trường và Hiệu trưởng trong công tác quản trị, quản lý, bảo đảm các hoạt động của Trường tuân thủ pháp luật và phù hợp với năng lực quản trị, quản lý của đội ngũ, khai thác tốt các nguồn lực để thực hiện tự chủ đại học có hiệu quả như Phòng Tổ chức - Thanh tra, phòng Đào tạo - Khoa học, phòng Đảm bảo chất lượng... Cụ thể:

TT	Đơn vị	Số lượng VB tham mưu	Chiếm tỷ lệ %	Ghi chú
1	Phòng Tổ chức – Thanh tra	17	28%	
2	Phòng Đào tạo – Khoa học	20	33%	
3	Phòng Đảm bảo chất lượng	07	11%	
4	Phòng Chính trị và Công tác HSSV	07	11%	
5	Phòng Tài chính	06	10%	
6	Phòng Hành chính – Quản trị	02	3%	
7	Trung tâm Thư viện – Thiết bị	01	2%	
8	Khoa Giáo dục thường xuyên	01	2%	
	Tổng	61	100%	



**Bảng 2.6. Thống kê và đồ thị hoá tương quan về tham mưu
ban hành văn bản của các đơn vị thuộc Trường giai đoạn 2020 - 2025**

Giai đoạn 2020 - 2025, nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật giáo dục, Nhà trường đã kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị thuộc và trực thuộc, bên cạnh việc kiện toàn, đổi tên Phòng Tổ chức - Tổng hợp thành phòng Tổ chức - Thanh tra, giao viên chức phụ trách mảng thanh tra - pháp chế, thực hiện nhiệm vụ làm đầu mối trong công tác thể chế hoá các quy định pháp luật thành các quy định nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Nhà trường cũng đã điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với tình hình mới. Nhiệm vụ và quyền hạn về tham mưu, xây dựng văn bản quản lý cũng đã được phân công rõ ràng theo các mảng lĩnh vực phụ trách của các đơn vị thuộc Trường trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHHL ngày 04/8/2021, được thay thế bởi Quyết định số 157/QĐ-ĐHHL ngày 18/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư, đồng thời được mô tả cụ thể trong nhiệm vụ và năng lực yêu cầu của từng vị trí làm việc tại Đề án Vị trí việc làm của Trường. Theo đó, trường đơn vị có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức xây dựng văn bản quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý; hằng năm thực hiện rà soát hệ thống văn bản quản lý và thống nhất ý kiến với Phòng Tổ chức - Thanh tra trước khi trình Hiệu trưởng cho xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quản lý.

Đối với bộ phận pháp chế, phòng Tổ chức - Thanh tra, là đơn vị đầu mối của công tác pháp chế, sau khi được thành lập, bộ phận này đã trực tiếp thực hiện một số khâu quan trọng trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản QLNB có thể kể đến như: (1) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định pháp luật trong các hoạt động của Trường; (2) chủ trì việc xây dựng kế hoạch công tác pháp chế hàng năm và tổ chức thực hiện việc rà soát văn bản quản lý của Trường; (3) thực hiện việc thẩm định nội dung văn bản quản lý để đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý của văn bản trước khi trình

lãnh đạo trường ký ban hành. Hằng năm, căn cứ kết quả rà soát và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Phòng Tổ chức - Thanh tra tham mưu xây dựng kế hoạch công tác pháp chế trình Hiệu trưởng phê duyệt để tổ chức thực hiện. Nhiệm vụ xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quản lý cũng được đưa vào là một trong những hoạt động trọng tâm trong kế hoạch công tác năm học, giao nhiệm vụ theo các mảng lĩnh vực cho các đơn vị và được Nhà trường theo dõi, đôn đốc thực hiện.

Bên cạnh việc bố trí về nhân lực, Nhà trường cũng đảm bảo nguồn kinh phí chi cho hoạt động xây dựng văn bản QLNB. Nội dung này được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, bao gồm kinh phí cho hoạt động soạn thảo, xây dựng văn bản và kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản. Cụ thể, mức hỗ trợ cho hoạt động xây dựng, soạn thảo văn bản là 50.000 đồng/ trang văn bản, mức hỗ trợ thẩm định là 500.000 đồng/người và một văn bản không có quá 02 người thẩm định. Như vậy, với mức chi này, một số hoạt động như tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, tham vấn bên ngoài hoặc thuê tư vấn pháp lý chuyên sâu rất khó triển khai do hạn chế về kinh phí.

2.2.2.3. Quy trình soạn thảo, ban hành văn bản QLNB

Quy trình ban hành văn bản QLNB bắt đầu từ khâu rà soát văn bản. Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ năm học, hàng năm, phòng Tổ chức - Thanh tra xây dựng Kế hoạch công tác pháp chế, trong đó thực hiện nhiệm vụ rà soát các văn bản nội bộ của Nhà trường. Việc rà soát văn bản trong năm nhằm phát hiện các bất cập trong việc thực hiện nội quy, quy chế; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL của Nhà nước, văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà trường. Kết quả rà soát hệ thống văn bản quản lý sẽ là cơ sở cho việc đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quản lý của Trường và kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cho việc hướng dẫn, điều chỉnh, sửa đổi những văn bản QPPL liên quan.

Đối với các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, lãnh đạo Nhà trường triển khai, chỉ đạo thực hiện đến đơn vị chức năng. Đơn vị chức năng rà soát văn bản theo chức năng của mình, có thể tham vấn ý kiến của bộ phận pháp chế về những điểm mới, nội dung mới cần thực hiện ngay của văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, từ đó điều chỉnh các hoạt động chuyên môn cho phù hợp với quy định pháp luật trong thời gian xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản QLNB.

Để hoạt động xây dựng, ban hành văn bản QLNB diễn ra đồng bộ, hiệu quả, huy động được trí tuệ của đội ngũ viên chức, người lao động, Nhà trường đã ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc và Quy chế công tác văn thư, lưu trữ²¹. Đây là những văn bản quan trọng, quy định về nguyên

²¹ Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ số 391/QĐ-ĐHHL ngày 03/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư.

tắc, trình tự, thủ tục, quyền và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động xây dựng, ban hành, quản lý văn bản nội bộ và hệ thống các mẫu, biểu mẫu để áp dụng thống nhất trong toàn Trường. Một văn bản quản lý của Trường khi ban hành được xây dựng theo 2 bước chính, gồm:

Bước 1. Soạn thảo văn bản: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích, nội dung của văn bản cần soạn thảo, Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng giao cho đơn vị hoặc cá nhân chủ trì soạn thảo văn bản. Đơn vị hoặc cá nhân được giao chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện các công việc: Xác định tên loại, hình thức, nội dung và độ mật, mức độ khẩn của văn bản cần soạn thảo, thu thập, xử lý thông tin có liên quan như nghiên cứu các văn bản cấp trên liên quan, đánh giá văn bản hiện hành, xác định vấn đề cần quy định, xây dựng đề cương, xây dựng dự thảo; soạn thảo văn bản đúng hình thức, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; đề xuất lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có); nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý để hoàn chỉnh văn bản.

Bước 2. Ký văn bản: Trưởng đơn vị sau khi chỉnh sửa, bổ sung cần chuyển văn bản về bộ phận pháp chế thuộc phòng Tổ chức - Thanh tra kiểm tra tính hợp pháp của văn bản. Bộ phận pháp chế kiểm tra tính hợp pháp của văn bản và báo cáo Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được phân công ký văn bản xem xét, duyệt nội dung văn bản và chuyển về cho Trưởng đơn vị ký nháy. Trưởng đơn vị ký nháy và trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được phân công ký văn bản gửi văn thư trường phát hành.

Trong một số trường hợp, tùy theo tính chất, phạm vi điều chỉnh và đối tượng liên quan mà văn bản có thể được xây dựng, ban hành theo quy trình rút gọn hơn như trường hợp đơn vị soạn thảo đồng thời cũng là đơn vị cần xin lấy ý kiến góp ý (có thể không cần thực hiện bước lấy ý kiến và bước chỉnh sửa dự thảo sau khi lấy ý kiến), trường hợp văn bản do phòng Tổ chức - Thanh tra chủ trì soạn thảo thì không bắt buộc phải thực hiện bước bộ phận pháp chế thẩm định văn bản.

2.2.2.4. Góp ý các văn bản, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL liên quan đến tổ chức, hoạt động của CSGD đại học

Các văn bản QLNB của Nhà trường trước khi trình Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng ký ban hành được gửi đến bộ phận pháp chế thuộc phòng Tổ chức - Thanh tra để góp ý, thẩm định. Bộ phận pháp chế có thể đưa ra các ý kiến mang tính chất tham khảo hoặc khuyến nghị đơn vị tham mưu điều chỉnh, bổ sung những nội dung trong dự thảo, đồng thời thực hiện thẩm định về sự cần thiết, tính hợp pháp, quy trình, kỹ thuật của dự thảo văn bản QLNB đó. Các văn bản đã được góp ý, thẩm định có thể kể đến như Quyết định thành lập các Hội đồng, các Quyết định liên quan đến chế độ chính sách, học bổng, khen thưởng người học; Quy chế tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh...

Đối với các dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến, bộ phận pháp chế đã tham mưu đề Nhà trường xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể, triển khai đến các đơn vị trong trường góp ý, chỉnh sửa, bổ sung, tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, đặc biệt là những văn bản liên quan đến tổ chức, hoạt động của CSGD đại học. Năm 2024, Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Giáo dục giai đoạn 2020 - 2024; đánh giá sơ kết thực hiện Luật Giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2023; sơ kết, đánh giá 03 năm thi hành Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục theo yêu cầu của Bộ GDĐT; sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; tổng kết thi hành Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức theo chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở các hoạt động rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực tiễn hoạt động áp dụng, Nhà trường đưa ra các kiến nghị, đề xuất các giải pháp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhà trường cũng trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến vào nhiều dự thảo văn bản QPPL và các văn bản khác của các cấp, các ngành, có thể kể đến như góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013; dự thảo hồ sơ xây dựng Luật Nhà giáo, hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi); góp ý dự thảo Hướng dẫn thanh tra, kiểm tra tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non...

2.2.3. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

PBGDPL là một nội dung thuộc công tác pháp chế, đồng thời là khâu then chốt, cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống, để chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực sự đi vào ý thức, hành động của từng chủ thể trong xã hội. Thực hiện công tác này càng có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà trường với hoạt động chính là giáo dục, nhằm cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng, xây dựng thói quen sống và làm việc theo pháp luật cho viên chức, người lao động và HSSV; ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho các đối tượng này; tạo sự lan tỏa đến cộng đồng xã hội về ý thức và trách nhiệm thực thi pháp luật; góp phần xây dựng môi trường gia đình, nhà trường, xã hội văn minh, lành mạnh và phát triển.

Xác định ý nghĩa, vai trò của công tác này, căn cứ Kế hoạch công tác PBGDPL của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Trường Đại học Hoa Lư đã ban hành các Kế hoạch của

Nhà trường²² và các Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật có liên quan²³, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung chủ yếu như:

- Tổ chức phổ biến kịp thời, thường xuyên các văn bản chỉ đạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học, các văn bản mới ban hành liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của Nhà trường; văn bản liên quan đến quyền và nghĩa vụ của viên chức, nhà giáo, người lao động, người học. Phổ biến văn bản, quy định liên quan đến công tác mở ngành, tuyển sinh, chuẩn chương trình đào tạo, quản lý hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, phòng chống tội phạm, ma túy, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, an toàn giao thông đường bộ, hỗ trợ khởi nghiệp...

- Chỉ đạo giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, giáo viên Trường Phổ thông thực hành sư phạm Trảng An chú ý lồng ghép giáo dục pháp luật cho HSSV thông qua bài giảng một cách hợp lý, phối hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, gắn việc giảng dạy và học tập pháp luật với rèn luyện kỹ năng sống cho HSSV nhằm củng cố kiến thức pháp luật đã học trong chương trình, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong tìm hiểu kiến thức pháp luật và vận dụng pháp luật trong xử lý tình huống thực tế;

- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho đội ngũ giảng viên pháp luật, giáo viên môn giáo dục công dân, báo cáo viên pháp luật;

- Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật (09/11) với định hướng về hình thức, tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên Cổng thông tin điện tử; truyền thông qua mạng xã hội; thông qua cuộc thi tìm hiểu pháp luật, đối thoại chính sách; tổ chức lồng ghép hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật kết hợp với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao...

Thực hiện kế hoạch công tác PBGDPL, hoạt động tuyên truyền, phổ biến trong Nhà trường đã được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, sáng tạo,

²² Kế hoạch PBGDPL của ngành giáo dục năm 2023 số 65/KH-ĐHHL ngày 04/4/2023; Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL năm 2023 số 26/KH-ĐHHL ngày 14/02/2023.

²³ Có thể kể đến một số kế hoạch như: Kế hoạch số 193/KH-ĐHHL ngày 11/11/2021, ngày 13 và ngày 16/11/2021; Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình phối hợp giữa Bộ Công An và Bộ GDĐT tăng cường công tác tuyên truyền, PBGDPL về trật tự, an toàn giao thông trong CSGD giai đoạn 2022-2025” tại trường Đại học Hoa Lư số 194/KH-ĐHHL ngày 28/11/2022; Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ GDĐT về tăng cường công tác tuyên truyền, PBGDPL phòng, chống ma túy trong các CSGD giai đoạn 2024-2025” của Trường số 32/KH-ĐHHL ngày 31/01/2024; Kế hoạch về việc tổ chức Hội nghị tuyên truyền, PBGDPL phòng, chống ma túy cho sinh viên số 115/KH-ĐHHL ngày 06/5/2024; Kế hoạch triển khai tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về An toàn giao thông, Phòng chống ma túy, bạo lực học đường cho HSSV trong Trường năm học 2024- 2025 số 213/KH-ĐHHL ngày 04/9/2024; Kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, GDPL bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong dịp nghỉ hè và Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 của Trường số 141/KHĐHHL ngày 03/6/2024.

phù hợp với từng nhóm đối tượng. Nhà trường đã tích cực đổi mới nội dung, hình thức và biện pháp, bám sát nhu cầu xã hội và yêu cầu quản lý, quản trị nhà trường, cụ thể:

Tiếp tục thực hiện các hình thức phổ biến truyền thống như: tổ chức phổ biến thông qua các hội nghị, hội thảo; thông qua hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên; các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật (09/11), treo băng rôn, biểu ngữ, lựa chọn khẩu hiệu tuyên truyền... Nhà trường trực tiếp phát động, tổ chức một số cuộc thi tìm hiểu pháp luật, có thể kể đến như: Tổ chức Hội nghị PBGDPL năm học 2021 - 2022; tổ chức Cuộc thi tìm hiểu 75 năm ngày truyền thống Công an nhân dân và 15 năm ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; cử viên chức tham dự cuộc thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật... hay tích cực phối hợp, phát động viên chức, người lao động và HSSV Nhà trường tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật do các đơn vị, các cấp, các ngành tổ chức: Cuộc thi “Em yêu biển, đảo quê hương”; Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về định danh, xác thực điện tử, dịch vụ công trực tuyến và Luật Căn cước phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024, Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Biên phòng”... Nhà trường cũng thường xuyên tiến hành các hoạt động liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm cho sinh viên như: đưa học phần Khởi sự kinh doanh vào chương trình đào tạo ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch và Việt Nam học, tổ chức diễn đàn Giao lưu khởi nghiệp, tổ chức Chương trình tập huấn kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên ngành Kinh tế; tổ chức cuộc thi “HSSV trường Đại học Hoa Lư với ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, năm học 2024-2025”. Các Chương trình, hội nghị, các cuộc thi tìm hiểu đã thu hút đông đảo viên chức, người lao động tham gia, nhiều viên chức, lao động, HSSV Nhà trường đạt kết quả cao như: 01 cá nhân đạt giải Nhất cấp Khối, giải Ba cấp tỉnh Hội thi báo cáo viên tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; 02 cá nhân tham dự vòng chung kết hội thi Bí thư chi bộ giỏi; 01 cá nhân đạt giải Nhất hội thi cán bộ kiểm tra giỏi; 09 cá nhân đạt giải giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, nhiều ý tưởng khởi nghiệp mới được hỗ trợ, đầu tư.

Đối với viên chức, người lao động Nhà trường, công tác PBGDPL được thực hiện thông qua hình thức như: truyền tải các văn bản trên hệ thống quản lý văn bản điều hành; chú trọng rà soát, cập nhật hệ thống văn bản pháp luật và văn bản nội bộ trên Cổng thông tin điện tử Nhà trường để đáp ứng nhu cầu tra cứu và sử dụng văn bản của viên chức, người lao động, đảm bảo các hoạt động của Nhà trường tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với các văn bản QPPL mới ban hành.

Đối với người học, tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông qua các cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tổ chức

hội thảo, tọa đàm giáo dục pháp luật, hội thi tìm hiểu pháp luật, Ngày Pháp luật Việt Nam, tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu năm, đầu khoá học, sinh hoạt Câu lạc bộ, lồng ghép trong các buổi họp liên chi đoàn, các buổi hội nghị sinh hoạt toàn khoá, sinh hoạt lớp. Bên cạnh đó, Nhà trường đã kết hợp PBGDPL trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục trong chương trình đào tạo, xây dựng Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Hoa Lư²⁴, đảm bảo số tiết học trên lớp, số tiết tự học, tăng cường thảo luận trong dạy học các học phần Luật Kinh tế, Pháp luật đại cương, 100% sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nội dung cơ bản của Hiến pháp, các nội dung về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua các học phần. Tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân, môn Đạo đức cho học sinh Trường Phổ thông thực hành sư phạm Trảng An, gắn kết chặt chẽ với việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức pháp luật về Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Luật An toàn thông tin mạng 2015; Luật Giao thông đường bộ 2008; Luật Phòng, chống ma túy năm 2008; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; Luật Bình đẳng giới năm 2006; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (Công ước Quốc tế về quyền trẻ em); Luật Bảo vệ môi trường 2014... và các văn bản hướng dẫn thi hành trong giờ ngoại khóa, các hoạt động chào mừng các ngày lễ trong năm như 20/11, 26/3, 30/4, 1/5... Ngoài ra, Nhà trường còn kết hợp PBGDPL trong các hoạt động được tổ chức cho sinh viên như Giáo dục chính trị, tư tưởng; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho HSSV; xây dựng văn hoá học đường, triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, bảo đảm an toàn trường học như phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông, phòng Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, Công an tỉnh và các đơn vị chức năng tổ chức Hội nghị tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng ngừa tệ nạn xã hội cho HSSV...

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng của viên chức, người lao động và HSSV; tổ chức hiệu quả hội nghị viên chức, lao động, hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên để tìm hiểu và kịp thời xử lý những vấn đề khó khăn của viên chức, người lao động và sinh viên, kết hợp PBGDPL cho các đối tượng này trong hội nghị, các buổi đối thoại. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị cho HSSV bằng cách đa dạng hoá nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng HSSV theo hướng tích hợp, lồng ghép thông qua các chuyên đề của môn học và hoạt động giáo dục. Nhiều hình thức phổ biến pháp luật đã được đổi mới, có hiệu quả như: Lồng ghép trong các phong trào

²⁴ Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư số 435/QĐ-ĐHHL ngày 30/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư.

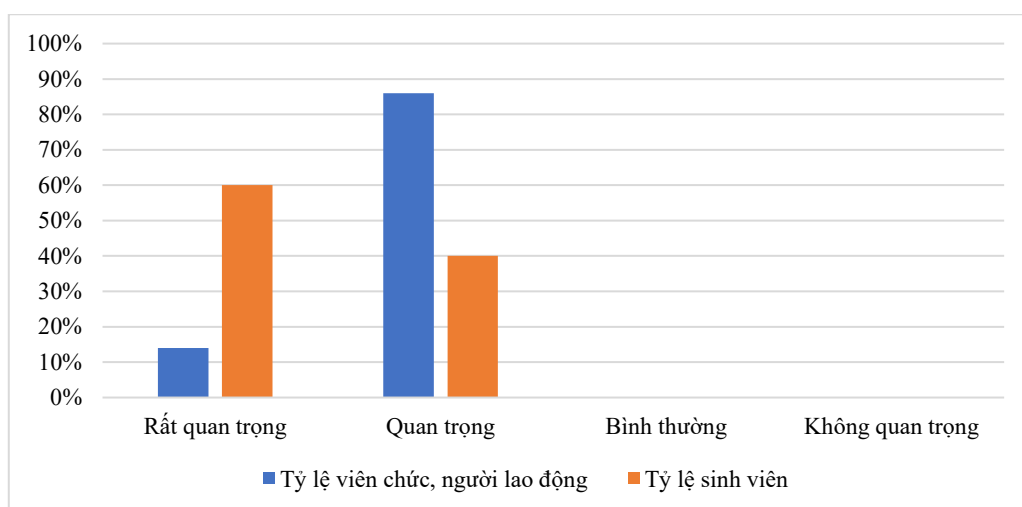
biểu diễn văn hoá, văn nghệ, hội trại, diễn đàn; đổi mới phương pháp giảng dạy pháp luật, hoạt động ngoại khoá, ưu tiên kỹ năng thực hành, kỹ năng sống; ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng bài giảng điện tử, áp dụng các tình huống pháp lý thực tiễn vào trong giảng dạy.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL, ngoài việc cử viên chức phụ trách công tác pháp chế tham dự các lớp tập huấn công tác pháp chế do Bộ GDĐT tổ chức, Nhà trường còn cử nhiều lượt viên chức, giảng viên tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, các lớp bồi dưỡng năng lực chuyên môn nhằm tăng cường hơn nữa khả năng giáo dục pháp luật, lồng ghép giáo dục pháp luật trong giảng dạy cho HSSV như cử giảng viên tham dự lớp: Tập huấn kiến thức về quyền con người do Viện Quyền con người (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) tổ chức năm 2022; tập huấn về Quyền con người năm 2023 do Bộ GDĐT tổ chức tại thành phố Hải Phòng; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 tại Hà Nội, Tập huấn phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong HSSV tại tỉnh Nghệ An; tập huấn cho giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị... Ngoài bồi dưỡng nội dung, kiến thức pháp luật, Nhà trường cũng chú trọng nâng cao đổi mới phương pháp giáo dục, giảng dạy cho giảng viên để công tác giảng dạy nói chung và giảng dạy các nội dung về pháp luật được hiệu quả, thu hút người học, đặc biệt là các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy như tổ chức tập huấn “Nâng cao năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho viên chức Trường Đại học Hoa Lư”, cử viên chức tham gia tập huấn chuyển đổi số... Bố trí trang thiết bị phòng học, hệ thống máy tính, máy chiếu hiện đại phục vụ công tác giảng dạy. Hệ thống thư viện nhà trường được quan tâm, đầu tư với nhiều đầu sách về pháp luật, phối hợp với các trường đại học trong nước mở thư viện điện tử, khai thác Cơ sở dữ liệu sách điện tử EBSCO eBooks Academic Collection.

Trên cơ sở các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL đã được Nhà trường thực hiện, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát để đánh giá hiệu quả công tác này mang lại. Đối tượng khảo sát bao gồm 02 nhóm: Nhóm 1 là viên chức, người lao động của Nhà trường được lựa chọn chia thành giảng viên và chuyên viên đã công tác tại Trường Đại học Hoa Lư từ trước năm 2020 thực hiện khảo sát theo mẫu Phụ lục 1; nhóm 2 là sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên ở các lớp chính quy của các ngành đào tạo từ khoá D14 đến khoá D17 thực hiện khảo sát theo mẫu Phụ lục 2. Kết quả khảo sát từ 50 sinh viên và 20 viên chức, người lao động Nhà trường thu được như sau:

- Về nhận thức của HSSV và viên chức, người lao động về tầm quan trọng của hoạt động PBGDPL:

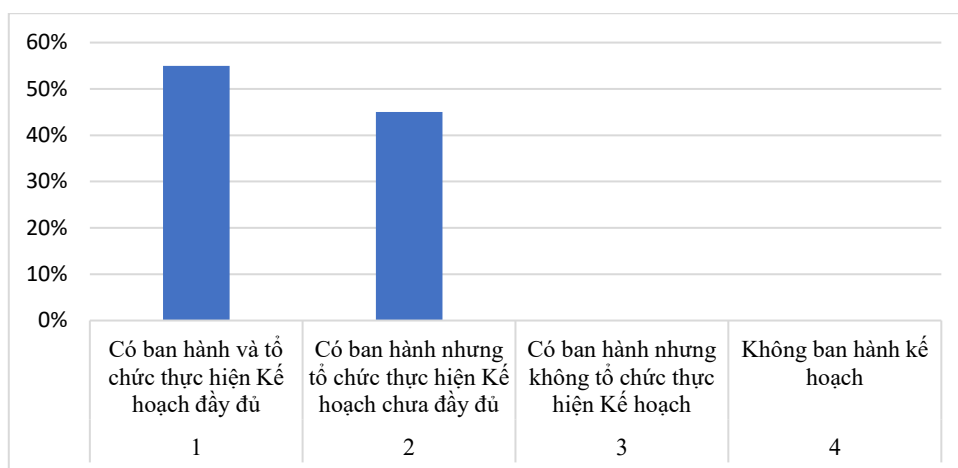
TT	Mức độ nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động PBGDPL	Viên chức, người lao động		Sinh viên	
		Số lượng phiếu	Tỷ lệ	Số lượng phiếu	Tỷ lệ
1	Rất quan trọng	7	14%	12	60%
2	Quan trọng	43	86%	8	40%
3	Bình thường	0	0%	0	0%
4	Không quan trọng	0	0%	0	0%
Tổng		50	100%	20	100%



Bảng 2.7. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá mức độ nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động PBGDPL

- Đánh giá của viên chức, người lao động về việc ban hành và tổ chức kế hoạch thực hiện công tác tuyên truyền, PBGDPL:

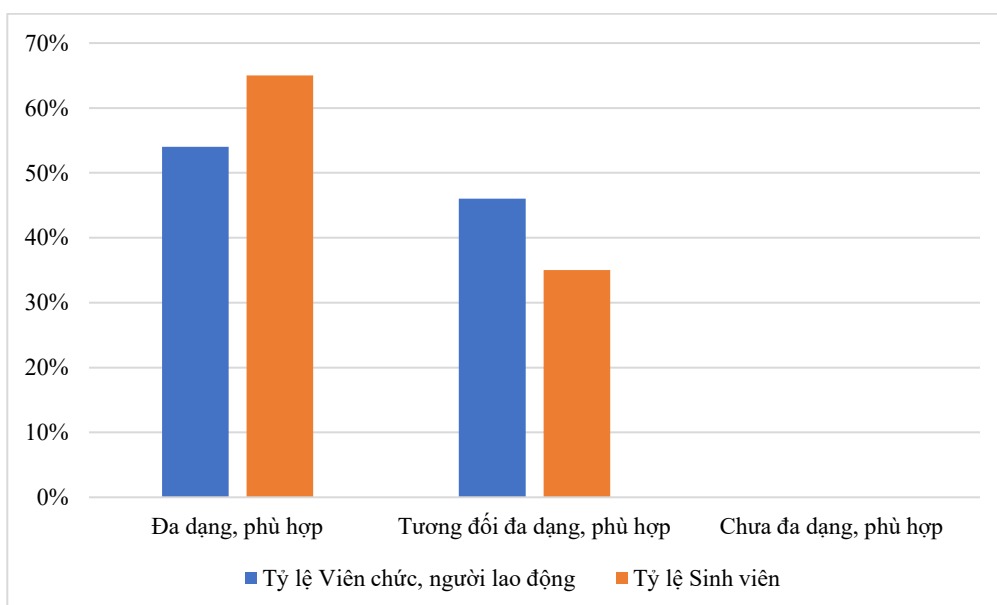
TT	Mức độ đánh giá	Số lượng (phiếu chọn)	Tỷ lệ (%)
1	Có ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch đầy đủ	11	55%
2	Có ban hành nhưng tổ chức thực hiện Kế hoạch chưa đầy đủ	9	45%
3	Có ban hành nhưng không tổ chức thực hiện Kế hoạch	0	0%
4	Không ban hành kế hoạch	0	0%
Tổng		20	100%



Bảng 2.8. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá của viên chức, người lao động về việc ban hành và tổ chức kế hoạch PBGDPL

- Đánh giá của viên chức, người lao động và sinh viên về các hình thức tuyên truyền, PBGDPL đã được triển khai thực hiện:

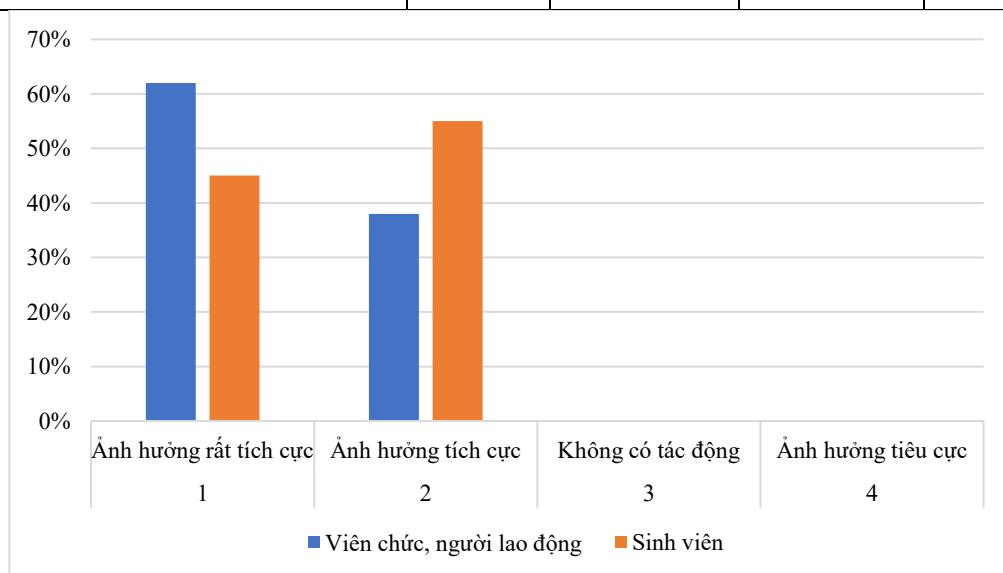
TT	Mức độ đánh giá	Viên chức, người lao động		Sinh viên	
		Số lượng phiếu	Tỷ lệ	Số lượng phiếu	Tỷ lệ
1	Đa dạng, phù hợp	27	54%	13	65%
2	Tương đối đa dạng, phù hợp	23	46%	7	35%
3	Chưa đa dạng, phù hợp	0	0%	0	0%
Tổng		50	100%	20	100%



Bảng 2.9. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá các hình thức tuyên truyền, PBGDPL

- Đánh giá của viên chức, người lao động và sinh viên về ảnh hưởng hoạt động tuyên truyền, PBGDPL đến ý thức tuân thủ pháp luật:

TT	Mức độ đánh giá	Viên chức, người lao động		Sinh viên	
		Số lượng phiếu	Tỷ lệ	Số lượng phiếu	Tỷ lệ
1	Ảnh hưởng rất tích cực	31	62%	9	45%
2	Ảnh hưởng tích cực	19	38%	11	55%
3	Không có tác động	0	0%	0	0%
4	Ảnh hưởng tiêu cực	0	0%	0	0%
Tổng		50	100%	20	100%



Bảng 2.10. Thống kê số liệu điều tra và đồ thị hoá đánh giá ảnh hưởng của hoạt động tuyên truyền, PBGDPL

Từ các bảng thống kê trên cho thấy, 100% viên chức, người lao động cũng như sinh viên Nhà trường tham gia khảo sát đều nhận thức mức độ quan trọng của công tác PBGDPL. Thời gian qua, công tác PBGDPL trong Nhà trường đã được quan tâm thực hiện, từ xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có sự phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan, tổ chức trong và ngoài Trường, nhất là vào các đợt cao điểm, hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam. Thông qua các hoạt động PBGDPL, việc phát động tham gia các cuộc thi trực tuyến đã có ảnh hưởng tích cực, tạo điều kiện nâng cao nhận thức và ý thức tìm hiểu pháp luật cho viên chức, người lao động và HSSV.

2.2.4. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật của Nhà trường cũng như các CSGD đại học chủ yếu là việc triển khai xây dựng, ban hành, hoàn thiện các quy chế, quy định

nội bộ nhằm quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường; thông qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra nội bộ các lĩnh vực của Nhà trường như: Đào tạo, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học; công tác tuyển sinh; các điều kiện bảo đảm chất lượng và công tác tư vấn, hỗ trợ người học, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

Thực hiện Hướng dẫn của Bộ GDĐT, hàng năm Nhà trường đều ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ (theo năm học). Hoạt động thanh tra, kiểm tra của Nhà trường chủ yếu được thực hiện trên các công việc gồm: Thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức thi học phần hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học, công tác tuyển sinh bao gồm tuyển sinh năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non, công tác tổ chức thi và cấp chứng chỉ công nghệ thông tin; công tác sát hạch chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của sinh viên; công tác tổ chức thi tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị cho sinh viên cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Nhà trường đã thành lập các Đoàn kiểm tra, Tổ kiểm tra, xây dựng các kế hoạch cụ thể để thực hiện hoạt động kiểm tra cũng như lập biên bản kiểm tra và có các báo cáo, kết luận thanh tra, kiểm tra. Qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra được các tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong việc tuân thủ các nội quy, quy định của Nhà trường, qua đó kiến nghị các Hội đồng cũng như lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo các đơn vị kịp thời điều chỉnh, khắc phục.

Có thể thấy, việc thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra luôn đi đôi với việc thực hiện nhiệm vụ công tác pháp chế. Chính vì lẽ đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cũng như Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc, Nhà trường đang sắp xếp chung bộ phận Thanh tra - Pháp chế (viên chức phụ trách công tác pháp chế đồng thời phụ trách thường trực công tác thanh tra) để có thể đảm bảo kết hợp giữa việc thực hiện nhiệm vụ của công tác thanh tra với công tác theo dõi, nắm bắt tình hình thi hành pháp luật, nội quy, quy định của Nhà trường, một nhiệm vụ quan trọng của công tác pháp chế.

Nếu công tác thanh tra, kiểm tra chỉ thực hiện mang tính chất thời điểm, với các hoạt động đã và đang diễn ra, phạm vi hoạt động có trọng tâm và xác suất thì hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói chung còn được triển khai thông qua hoạt động giám sát bởi nhiều thiết chế khác nhau, bao gồm: Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức Đoàn thể, các đơn vị thuộc và trực thuộc, cộng đồng và người học... Công tác giám sát này mang tính chất thường xuyên, các hoạt động đang diễn ra và phạm vi mang tính chất bao trùm ở tất cả các lĩnh vực của tập thể, cá nhân trong việc tuân thủ theo các quy chế, quy định của Nhà trường, quy định pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ quyền hạn. Chẳng hạn như đối với Hội đồng trường, giám sát là một trong những chức năng quản trị của Hội đồng trường. Hội đồng trường tập trung giám sát việc tuân thủ thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế dân

chủ, Quy chế tài chính của Trường, việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Hội đồng trường; giám sát việc thực hiện giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng. Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã thực hiện giám sát một số hoạt động, có thể kể đến như: giám sát hoạt động tuyển sinh năm 2021; giám sát hoạt động chi tiêu, đầu tư mua sắm, sửa chữa xây dựng Trường năm 2021; giám sát hoạt động cải tiến sau đánh giá ngoài CSGD; giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 09/5/2022 của Hội đồng trường; giám sát việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và bộ máy của Nhà trường theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế chuyên môn của Trường PTTHSP Trảng An; giám sát việc thực hiện Quy chế tài chính và công tác thu – chi 09 tháng đầu năm 2023; giám sát việc thực hiện Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường; giám sát việc thực hiện hoạt động liên kết đào tạo, vừa làm vừa học; giám sát hoạt động khoa học và công nghệ...

Hay trong công tác điều hành của Hiệu trưởng, hoạt động giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục bởi nhiều đơn vị trong toàn trường, trong đó Phòng Tổ chức - Thanh tra là đầu mối để giám sát việc tuân thủ pháp luật thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra và công tác pháp chế của Nhà trường; các đơn vị khác thực hiện giám sát theo mảng công việc phụ trách như phòng Hành chính - Quản trị là đầu mối giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về công tác văn thư, công tác lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước; Phòng Tài chính là đầu mối giám sát về xây dựng và lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính và tài sản, công tác thu - chi tài chính... Dựa trên hệ thống văn bản QLNB, Ban Giám hiệu thực hiện chức năng giám sát của mình.

Viên chức, người lao động, cộng đồng và người học thực hiện chức năng giám sát theo Quy chế dân chủ, Quy định công khai²⁵ và các quy định hiện hành khác. Bên cạnh đó, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, viên chức, người lao động, cựu người học và người học cũng là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường nhìn nhận các điểm còn tồn tại và đưa ra các kế hoạch cải tiến nhằm đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn chiến lược. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành các hoạt động khảo sát như khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ, phục vụ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng; khảo sát, lấy ý kiến phản hồi về hoạt động nghiên cứu khoa học; khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp; khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo...

²⁵ Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 05/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Lư nhiệm kỳ 2020 - 2025 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư. Quyết định về việc ban hành Quy định công tác công khai trong hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư số 536/QĐ-ĐHHL ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư.

Nhìn chung, công tác giám sát thường xuyên được thực hiện bởi nhiều thiết chế khác nhau trong những năm qua đã giúp cho công tác quản trị, điều hành quản lý Nhà trường đảm bảo các quy định, công khai, minh bạch, thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

2. 3. Đánh giá thực trạng công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư

2. 3.1. Ưu điểm

Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thi hành pháp luật đã được Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT đặc biệt quan tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Sau 14 năm thi hành, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác pháp chế; củng cố, kiện toàn các tổ chức pháp chế; tăng cường năng lực đội ngũ người làm công tác pháp chế, tạo cơ chế quản lý thống nhất về công tác pháp chế từ Trung ương đến địa phương. Đặc biệt, Chính phủ ban hành Nghị định 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2011/NĐ-CP chính thức thể chế hóa trong văn bản QPPL nội dung liên quan đến công tác pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm cả quy định chế độ hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế; quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và bảo đảm kinh phí, điều kiện cần thiết cho hoạt động pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập. Điều này thể hiện vai trò của tổ chức pháp chế, cán bộ làm công tác pháp chế từ trung ương đến địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có cán bộ, người làm công tác pháp chế ngành giáo dục, đã được ghi nhận và coi trọng.

Đối với Trường Đại học Hoa Lư, Lãnh đạo Nhà trường luôn xem công tác pháp chế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý với việc yêu cầu bộ phận Pháp chế, Phòng Tổ chức - Thanh tra thực hiện công tác tư vấn, tham mưu cho Ban Giám hiệu, phối hợp với các bộ phận liên quan đảm bảo các quy định pháp luật trong việc triển khai các hoạt động của Nhà trường. Bộ phận pháp chế có trách nhiệm tham mưu, tư vấn, giúp Hội đồng trường, Hiệu trưởng thực hiện, quyết định những vấn đề pháp lý của đơn vị; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà trường, đơn vị; của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học; giúp chuẩn bị ý kiến góp ý cho dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến; kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản QPPL; tham gia góp ý về mặt pháp lý đối với văn bản do các đơn vị khác của Nhà trường soạn thảo trước khi trình ký ban hành. Bên cạnh đó, nhận thức của viên chức, người lao động, người học về vị trí, vai trò và sự cần thiết phải đầu tư cho công tác pháp chế của Nhà trường cũng đã được nâng lên rõ rệt.

Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác pháp chế như đã trình bày trong

Chương 1, có thể thấy việc thực hiện công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư đã đạt được những hiệu quả nhất định:

Về định hướng mục tiêu, yêu cầu của công tác pháp chế: Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác pháp chế hàng năm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, gắn với các giai đoạn, sự kiện và mục tiêu, yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng thời triển khai đồng bộ các nhiệm vụ: từ soạn thảo, rà soát văn bản QLNB đến PBGDPL, tham mưu pháp lý và kiểm tra giám sát.

Về kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra:

Hệ thống văn bản QLNB được xây dựng khá đầy đủ để điều chỉnh các mảng công tác như: mảng phục vụ chiến lược phát triển Nhà trường; tổ chức bộ máy và nhân sự; đào tạo và quản lý đào tạo; khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; tài chính và tài sản. Nhà trường đã ban hành văn bản xác định Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị văn hoá, xác định Triết lý giáo dục, ban hành và tổ chức thực hiện Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch chuyển đổi số. Hội đồng trường, Hiệu trưởng đã ban hành các văn bản quản lý theo thẩm quyền như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, Quy chế tài chính, Quy chế làm việc của Hội đồng trường, Danh mục vị trí việc làm, Đề án vị trí việc làm, Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các đơn vị thuộc Trường, Quy chế chi tiêu nội bộ và nhiều văn bản quan trọng khác. Giai đoạn 2020 - 2025, Trường đã ban hành 61 quy chế, quy định và nhiều đề án quan trọng. Đây là con số đáng ghi nhận về sản phẩm đầu ra cả về số lượng lẫn tính cập nhật quy định pháp luật.

Trong những năm gần đây, nhiều văn bản QPPL mới về giáo dục đại học hoặc có liên quan đến tổ chức và hoạt động của CSGD đại học được cấp có thẩm quyền ban hành. Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiên cứu để xây dựng, sửa đổi bổ sung, cập nhật hệ thống văn bản quản lý của Trường bảo đảm kịp thời trong các quy định nội bộ.

Công tác pháp chế đã góp phần rõ nét vào việc đổi mới mô hình quản trị đại học, như việc thành lập Hội đồng trường, xây dựng đề án vị trí việc làm, tổ chức lại bộ máy, đảm bảo pháp lý cho các chính sách quản lý và tự chủ. Những kết quả này phản ánh vai trò trung tâm và chất lượng tham mưu hiệu quả của bộ phận pháp chế trong định hướng phát triển của Trường.

Đối với công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật được triển khai thường xuyên, liên tục. Viên chức, người lao động và người học được tuyên truyền, PBGDPL với sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan như Phòng Chính trị và Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, các khoa, bộ môn và các cơ quan, đơn vị ngoài trường

tổ chức với nhiều nội dung và hình thức như các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các buổi diễn hành, phát động...

Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản cũng được quan tâm. Bộ phận pháp chế xây dựng và thực hiện Kế hoạch pháp chế, tiến hành rà soát văn bản QLNB trong năm nhằm phát hiện các bất cập trong việc thực hiện nội quy, quy chế; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL của Nhà nước; văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà trường và của các đơn vị; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả và xử lý các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong hoạt động của Nhà trường. Ngoài ra, thông qua các hoạt động kiểm tra, thanh tra của Nhà trường, bên cạnh việc xem xét, đánh giá việc chấp hành các quy định, quy chế có liên quan, thì các đoàn kiểm tra, thanh tra cũng đã phổ biến, hướng dẫn các văn bản mới cho các đơn vị chuyên môn thực hiện đúng các quy trình, quy định.

Về số lượng và chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế: Trường Đại học Hoa Lư đã có bước chuyển biến tích cực trong tổ chức nhân sự làm công tác pháp chế, gồm thành lập bộ phận phụ trách thuộc phòng chức năng phù hợp với nhiệm vụ; bổ sung nhân sự cho công tác pháp chế. Viên chức làm công tác pháp chế có trình độ, có trách nhiệm, tận tâm, tận tụy, tâm huyết với công việc; có ý thức trau dồi, bồi dưỡng chuyên môn. Việc bố trí người có chuyên môn luật và cử tham gia tập huấn hằng năm cho thấy Nhà trường coi trọng năng lực chuyên môn và cập nhật kỹ năng thực hành pháp chế.

Về hiệu quả phối hợp giữa tổ chức pháp chế với các đơn vị: Trường đã triển khai công tác pháp chế theo mô hình “liên kết trách nhiệm” giữa Phòng Tổ chức - Thanh tra và các đơn vị chuyên môn, đặc biệt trong hoạt động rà soát văn bản, tổ chức tuyên truyền pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật. Các kế hoạch pháp chế hàng năm đều nhấn mạnh sự phối hợp và có sự phân công nhiệm vụ giữa các phòng, ban, tổ chức đoàn thể.

Về điều kiện làm việc và chi phí cho công tác pháp chế: Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận pháp chế (phòng làm việc, máy tính, internet, phân quyền iOffice...). Ngay sau khi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, Nhà trường đã sớm thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho người làm công tác pháp chế (40.000 đồng/ngày làm việc). Điều này cho thấy sự quan tâm và tạo điều kiện thực chất từ phía lãnh đạo trường đối với công tác pháp chế cũng như đối với đội ngũ trực tiếp phụ trách công tác pháp chế.

2.3.2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, dựa trên kết quả thực tế và các tiêu chí đánh giá hiệu quả, có thể thấy công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế, đó là:

- Công tác pháp chế là nhiệm vụ quan trọng được lãnh đạo Nhà trường quan tâm, đặc biệt là trong thời gian những năm gần đây. Tuy nhiên, nội dung này lại chưa được thể hiện một cách rõ nét trong các văn bản quy định của Nhà trường, nổi bật phải kể đến Quy chế tổ chức và hoạt động. Các nhiệm vụ của công tác pháp chế đang được quy định rải rác, không tập trung trong một số điều khoản của Quy chế này. Điều này có thể dẫn đến viên chức, người lao động trong Trường nhận thức sai lệch hoặc không nhận thức được vị trí, vai trò của công tác pháp chế, đồng thời cũng chưa thể hiện hết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế và bộ phận phụ trách công tác này.

- Tuy nhân sự phụ trách công tác pháp chế đã được lãnh đạo Nhà trường quan tâm bổ sung, nhưng số lượng nhân sự chuyên trách còn mỏng cũng như chưa có nhiều kinh nghiệm, chủ yếu là viên chức kiêm nhiệm, trong khi khối lượng công việc lớn đồng thời công tác tư vấn pháp lý đòi hỏi phải nghiên cứu chuyên sâu ở nhiều lĩnh vực nên tính chuyên nghiệp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế. Hiện nay, việc tuyển dụng, bổ sung nhân sự làm công tác pháp chế cũng gặp nhiều khó khăn do vị trí này đòi hỏi yêu cầu về năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu rộng, đồng thời cũng liên quan đến chính sách tinh giản biên chế, chỉ tiêu số lượng người làm việc, vị trí việc làm của Nhà trường dẫn đến một số trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề pháp lý chuyên sâu.

- Nhân sự có năng lực xây dựng văn bản nội bộ ở các đơn vị còn khá hạn chế và không đồng đều. Đội ngũ này của các đơn vị đa phần cũng là giảng viên kiêm nhiệm nên kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng văn bản còn hạn chế. Trong khoảng vài năm gần đây, số lượng văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền về giáo dục, đào tạo, về chế độ chính sách của nhà giáo, viên chức, người lao động trong CSGD đại học có thay đổi, nhiều quy định mới, nội dung mới đòi hỏi Nhà trường phải cập nhật, sửa đổi bổ sung các văn bản quản lý. Một số văn bản QPPL còn chưa rõ ràng, còn chồng chéo hoặc chưa phù hợp với quản lý thực tiễn dẫn đến gây khó khăn, lúng túng trong triển khai tại cơ sở. Trong thời gian qua, Nhà trường tuy đã ban hành một số lượng lớn văn bản quản lý, nhưng việc đánh giá chất lượng nội dung, mức độ đồng bộ và khả năng áp dụng thực tế của hệ thống văn bản QLNB lại chưa được phản ánh rõ.

- Việc rà soát văn bản nội bộ chưa được thể hiện một cách rõ ràng mà chỉ thực hiện chung trong Kế hoạch công tác pháp chế, Kế hoạch năm học và các Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học; Nhà trường thiếu việc hệ thống hóa các văn bản QLNB cũng như chưa thực hiện đánh giá định kỳ theo giai đoạn cho công tác xây dựng văn bản.

- Văn bản QLNB do Nhà trường ban hành cơ bản tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên nhưng vẫn chưa thực sự đồng

bộ, còn tình trạng văn bản chất lượng chưa cao, việc nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chính sách chưa có khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về tính chiến lược và tầm nhìn dài hạn; quy trình xây dựng văn bản thực tế mới chỉ đưa ra các bước chung, cơ bản trong quy định công tác văn thư, chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện từng bước dẫn đến một số lúng túng trong triển khai của các đơn vị, hồ sơ xây dựng văn bản còn thiếu thống nhất. Vai trò thẩm định văn bản của bộ phận pháp chế chưa hẳn được đề cao, các dự thảo văn bản được xây dựng chủ yếu bởi viên chức, đơn vị chuyên môn, chỉ trong khoảng 1, 2 năm gần đây có sự tham gia thẩm định của bộ phận pháp chế nên gặp phải hạn chế về kỹ năng, kiến thức tổng hợp, nắm bắt quy định pháp luật một cách có hệ thống.

- Công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật là một trong những hoạt động quan trọng trong xây dựng và thực hiện pháp luật. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền pháp luật cần phải đối mặt với nhiều khó khăn như số lượng, động lực và năng lực của đội ngũ chuyên trách, chuyên môn về pháp luật. Các cán bộ chuyên trách tuyên truyền pháp luật cần được bổ sung cũng như được đào tạo đầy đủ kiến thức pháp luật và được hưởng đủ các chính sách hỗ trợ. Điều này giúp họ có đủ động lực để thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật. Kế hoạch PBGDPL trong Nhà trường chưa được ban hành thường xuyên (trong giai đoạn 2020 – 2025, Nhà trường mới chỉ ban hành Kế hoạch vào năm 2023). Hình thức và nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho viên chức, người lao động và người học vẫn còn có hạn chế. Hiện nay, việc sử dụng chủ yếu hình thức, phương tiện truyền thống không đủ hiệu quả trong việc truyền tải thông tin pháp luật cho giảng viên, viên chức, người lao động và đặc biệt là người học. Hình thức mời báo cáo viên từ các cơ quan trực tiếp thực thi pháp luật đến tuyên truyền còn hạn chế nên các báo cáo tuyên truyền thiếu tính thực tiễn, khả năng áp dụng chưa cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động tuyên truyền cho đội ngũ và người học chưa đồng bộ. Nhà trường cũng chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả, tổng hợp, phân tích phản hồi từ người học và cán bộ, viên chức để điều chỉnh nội dung tuyên truyền.

- Trong thực hiện công tác pháp chế, tuy đã có sự phối hợp giữa các đơn vị nhưng vẫn còn hiện tượng công tác pháp chế tập trung chủ yếu tại Phòng Tổ chức – Thanh tra, ít lan tỏa sang các đơn vị về mặt chuyên môn, nhất là trong khâu xây dựng chính sách đặc thù hoặc kiểm tra, đánh giá tuân thủ pháp luật trong hoạt động chuyên môn sâu. Một số viên chức, người lao động chưa nhận thức được đầy đủ, mục đích yêu cầu và tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát. Việc đấu tranh với những vi phạm, những hạn chế sai sót vẫn còn tồn tại tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm. Nguồn lực đầu tư cho hoạt động giám sát còn chưa nhiều.

2.3.3. Nguyên nhân

Những hạn chế và bất cập trong công tác pháp chế tại Nhà trường xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Trên cơ sở phân tích ban đầu, có thể nhận diện một số nguyên nhân chính dẫn đến những khó khăn trong thực hiện công tác pháp chế nói chung và đối với Trường Đại học Hoa Lư nói riêng như sau:

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý: Một trong những nguyên nhân mang tính nền tảng là sự thiếu hụt hệ thống văn bản QPPL điều chỉnh một cách toàn diện và cụ thể đối với công tác pháp chế trong lĩnh vực giáo dục đại học. Cho đến năm 2024, việc tổ chức hoạt động pháp chế tại các CSGD đại học chủ yếu dựa trên Công văn số 3878/BGDĐT-PC - một văn bản hành chính cá biệt, không mang tính chất bắt buộc chung. Tình trạng này dẫn đến sự lúng túng trong tổ chức bộ máy và triển khai nghiệp vụ pháp chế, do thiếu một hành lang pháp lý đủ mạnh để quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp trong hoạt động này. Cho đến khi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP được ban hành, mới có cơ sở pháp lý chính thức để điều chỉnh công tác pháp chế trong đơn vị sự nghiệp. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện nghị định này vẫn cần thêm thời gian, nguồn lực và cơ chế hỗ trợ cụ thể để đi vào thực chất.

Thứ hai, về nguồn nhân lực: Công tác pháp chế là một lĩnh vực đặc thù, đòi hỏi đội ngũ thực hiện phải có trình độ chuyên môn cao, khả năng tư duy pháp lý sắc bén và hiểu biết đa ngành. Tuy nhiên, việc bố trí nhân sự cho công tác này hiện còn nhiều bất cập, do phụ thuộc vào chỉ tiêu biên chế và vị trí việc làm trong từng đơn vị, trong khi các chính sách tinh giản biên chế lại đặt ra áp lực lớn trong việc phân bổ nhân lực. Trong bối cảnh các CSGD đại học ngày càng mở rộng quyền tự chủ, yêu cầu đối với đội ngũ pháp chế cũng tăng lên cả về chiều sâu chuyên môn lẫn khả năng ứng phó với các vấn đề phức tạp trong quản trị đại học. Tình trạng thiếu hụt nhân lực có trình độ phù hợp không chỉ gây khó khăn cho công tác tuyển dụng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động pháp chế hiện nay.

Thứ ba, về chính sách đãi ngộ: Một rào cản lớn khác chính là việc chưa xây dựng được cơ chế đãi ngộ tương xứng dành cho đội ngũ làm công tác pháp chế tại các CSGD đại học. Hiện tại, chưa có quy định thống nhất nào từ cơ quan quản lý nhà nước về chính sách thu hút nhân lực cho vị trí này. So với các ngành có tính chất tương đồng như kiểm sát, thanh tra, thi hành án, hải quan hay các lĩnh vực pháp lý chuyên sâu khác, công tác pháp chế trong trường học chưa được quan tâm đúng mức về mặt chế độ, dẫn đến tình trạng khó thu hút và giữ chân nhân tài. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đội ngũ và làm giảm động lực cống hiến của những người đang đảm nhiệm công tác pháp chế.

Thứ tư, về nhận thức xã hội đối với công tác pháp chế: Một nguyên nhân không thể không nhắc đến là sự nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận cán bộ, viên chức và xã hội về vai trò, vị trí của công tác pháp chế trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của CSGD đại học. Trong nhiều trường hợp, hoạt động pháp chế bị nhìn nhận như một yếu tố “kiểm soát”, mang tính chất nhắc nhở, phê bình, dẫn đến tâm lý e ngại, né tránh hoặc không hợp tác. Chính điều này đã tạo ra rào cản vô hình đối với viên chức phụ trách pháp chế trong việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Mặt khác, khi viên chức phụ trách pháp chế kiên định bảo vệ nguyên tắc pháp luật, lại có thể đối mặt với rủi ro bị cô lập hoặc xung đột nội bộ. Đây là một thách thức lớn, đòi hỏi cần có chiến lược thay đổi nhận thức một cách căn cơ và bài bản.

Thứ năm, về cơ chế phối hợp và phát triển năng lực chuyên môn: Bản chất của công tác pháp chế là đảm bảo tính hợp pháp và hợp lý trong mọi hoạt động của đơn vị. Do đó, mặc dù có tính độc lập tương đối, bộ phận pháp chế cần thiết phải thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng khác để đạt hiệu quả chung. Tuy nhiên, hiện nay Trường Đại học Hoa Lư cũng như nhiều CSGD chưa xây dựng được quy trình phối hợp rõ ràng, đặc biệt là trong các hoạt động như xây dựng và thẩm định văn bản nội bộ, góp ý pháp lý trong hoạt động đầu tư, đấu thầu, tài chính... Sự thiếu vắng cơ chế phối hợp khiến cho hoạt động pháp chế dễ bị cô lập hoặc mang tính hình thức.

Về năng lực chuyên môn, công tác pháp chế đòi hỏi sự am hiểu sâu rộng không chỉ về pháp luật giáo dục mà còn về các lĩnh vực như tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, hợp tác quốc tế, sở hữu trí tuệ, quản lý nhân sự,... Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc đào tạo, bồi dưỡng hiện nay vẫn mang tính đơn ngành, chưa đáp ứng được yêu cầu liên ngành, liên lĩnh vực của công tác pháp chế hiện đại. Do đó, ngoài việc khuyến khích cán bộ tự học tập, cập nhật kiến thức, cần thiết phải xây dựng các chương trình đào tạo bài bản, chuyên sâu và có hệ thống để phát triển nguồn nhân lực pháp chế chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình đổi mới giáo dục đại học và thực thi quyền tự chủ một cách hiệu quả, đúng pháp luật.

Kết luận chương 2

Từ kết quả khảo sát, phân tích thực trạng công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư có thể thấy rằng, công tác này đã có sự chuyển biến rõ nét cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và hiệu quả đạt được. Nhà trường đã thiết lập được một bộ phận pháp chế hoạt động ổn định, với đội ngũ nhân sự có chuyên môn pháp lý; xây dựng hệ thống văn bản QLNB tương đối đầy đủ, phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động của CSGD đại học địa phương. Hoạt động tham mưu, tư vấn pháp lý được triển khai bài bản, kịp thời hỗ trợ các quyết sách quan trọng trong giai đoạn đẩy mạnh tự chủ đại học, đồng thời công tác tuyên truyền, PBGDPL cũng

được chú trọng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đặc biệt, công tác phối hợp giữa bộ phận pháp chế và các đơn vị chức năng trong nhà trường được duy trì thường xuyên, góp phần thúc đẩy hiệu quả đồng bộ trong triển khai các nhiệm vụ pháp chế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như quy mô và cơ cấu nhân lực pháp chế còn khiêm tốn, phần lớn cán bộ kiêm nhiệm nên chưa phát huy tối đa tính chuyên nghiệp; hoạt động đánh giá tác động thực tiễn của các văn bản QLNB chưa được lượng hóa đầy đủ; kinh phí hỗ trợ công tác pháp chế ở mức thấp, chưa thực sự tương xứng với khối lượng và tính chất công việc. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác pháp chế còn hạn chế, chưa tạo lập được hệ thống theo dõi, giám sát đồng bộ và hiệu quả.

Thực trạng trên cho thấy, để công tác pháp chế thực sự trở thành công cụ hữu hiệu bảo đảm tính pháp lý, tính hợp lý và hiệu quả trong quản trị đại học, Trường Đại học Hoa Lư cần tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức pháp chế theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng cường đầu tư nguồn lực, nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ và đặc biệt là xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng hoạt động pháp chế một cách toàn diện và khoa học. Đây chính là tiền đề quan trọng để đề xuất các giải pháp khả thi, thiết thực trong chương tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong giai đoạn đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học hiện nay.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Với xu hướng phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, công tác pháp chế ngày càng có vai trò quan trọng. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ trong việc thực hiện công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư nói riêng và CSGD đại học nói chung, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động trong Trường đối với công tác pháp chế

Để nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Nhà trường cần thống nhất về mặt thể chế, triển khai đồng bộ các giải pháp từ thành lập bộ máy hoạt động, nhân sự triển khai, kiểm soát, đánh giá kết quả triển khai, tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, giám sát pháp luật cũng như việc thực hiện các văn bản nội bộ. Trong tổng thể các giải pháp đó, việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của đội ngũ viên chức, người lao động cần được xác định là giải pháp mang tính nền tảng và tiên quyết.

Trên thực tế, nhận thức có vai trò quyết định trong việc hình thành thái độ và hành vi tuân thủ pháp luật của các chủ thể trong nhà trường. Nhận thức đúng về vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của công tác pháp chế là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính nghiêm minh và hiệu lực của hệ thống pháp luật trong môi trường đại học. Không thể xây dựng và duy trì một hệ thống pháp chế hiệu quả nếu thiếu sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ cấp ủy, Ban Giám hiệu nhà trường. Khi lãnh đạo có nhận thức đúng, họ sẽ:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho công tác pháp chế (nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất);
- Giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các đơn vị và cá nhân liên quan;
- Theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện.

Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 16 Nghị định số 55/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức và bảo đảm điều kiện thực hiện công tác pháp chế.

Hiện nay, vẫn còn tình trạng xem công tác pháp chế như nhiệm vụ “hành chính”, “phụ trợ”, chứ không phải hoạt động mang tính chiến lược, quản trị. Nếu chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của công tác pháp chế dễ dẫn đến tình trạng viên chức, người lao động không tích cực phối hợp với viên chức pháp chế, không tuân thủ quy định pháp luật hoặc quy định nội bộ một cách đầy đủ hay thiếu chủ động trong việc

phát hiện, phòng ngừa rủi ro pháp lý. Do đó, nâng cao nhận thức không chỉ giúp nâng cao chất lượng tuân thủ pháp luật mà còn góp phần tạo dựng văn hóa pháp lý trong trường đại học. Khi có sự đồng thuận từ trên xuống dưới về vai trò của công tác pháp chế, các giải pháp khác như kiện toàn tổ chức pháp chế, đào tạo cán bộ pháp chế, hoàn thiện quy chế nội bộ... mới có thể triển khai đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

Tuy nhiên, việc định vị đúng vai trò của pháp chế trong cơ cấu tổ chức, trong quản trị đại học và trong hoạt động chuyên môn vẫn còn là thách thức đối với nhiều CSGD, trong đó có Trường Đại học Hoa Lư. Do đó, cần thiết phải triển khai các giải pháp có hệ thống nhằm nâng cao nhận thức từ cấp lãnh đạo nhà trường đến toàn thể viên chức, người lao động. Nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho viên chức, người lao động Nhà trường như sau:

- Xây dựng kế hoạch hoặc kết hợp đưa nhiệm vụ về công tác pháp chế theo vào các chương trình, kế hoạch theo từng giai đoạn, phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Nội dung kế hoạch cần bao gồm các mục tiêu cụ thể, đối tượng triển khai, phương thức truyền thông, và các chỉ tiêu đánh giá định kỳ.

- Gắn công tác pháp chế với lợi ích cụ thể sẽ giúp thúc đẩy nhận thức chuyển biến thành hành động tích cực như lồng ghép mục tiêu pháp chế vào đánh giá thi đua, khen thưởng. Cụ thể hoá tiêu chí về việc thực hiện, phổ biến và tuân thủ pháp luật, quy chế nội bộ vào hệ thống đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm của các đơn vị và cá nhân.

- Cần giúp viên chức, người lao động hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý liên quan đến vị trí việc làm của mình, từ đó nâng cao nhận thức gắn liền với năng lực pháp lý chuyên môn thông qua các hoạt động như tổ chức tập huấn, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng. Phân loại đối tượng viên chức, người lao động theo nhóm (cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên hành chính...) để tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng pháp lý phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

- Thực hiện nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác pháp chế thông qua các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL của Nhà trường, bao gồm: bên cạnh việc tổ chức các hoạt động như hội nghị, hội thảo, cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tọa đàm chuyên đề về thi hành pháp luật và quản trị pháp lý trong CSGD đại học, có thể phát động các sự kiện tuyên truyền định kỳ nhằm tạo không gian giao lưu, tìm hiểu và trao đổi về pháp luật trong lĩnh vực giáo dục đại học; trưng bày ấn phẩm pháp luật, mời báo cáo viên chuyên ngành... Qua đó góp phần lan tỏa văn hóa pháp lý và đưa pháp luật đến gần hơn với viên chức, người lao động trong một không khí cởi mở, chủ động. Việc truyền thông cần kết hợp nhiều hình thức đa phương tiện như mạng xã hội, video ngắn, bài viết chuyên sâu, đồng thời tận dụng hiệu quả công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để lan tỏa nhanh chóng và hiệu quả thông điệp pháp lý đến các đơn vị và cá nhân liên quan.

- Tạo nền tảng để công tác pháp chế không bị xem như nhiệm vụ “hành chính” mà trở thành nội dung gắn liền với mọi hoạt động chuyên môn và quản trị. Đầu tư cho công tác xây dựng văn bản QLNb trong công tác pháp chế phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong kế hoạch công tác năm học của Nhà trường, của đơn vị và mỗi cá nhân, đồng thời khẳng định nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản QLNb trong Chiến lược phát triển Trường. Khuyến khích cán bộ, giảng viên, người lao động phát hiện các điểm bất cập trong văn bản nội bộ để kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện. Tuyên truyền về các trường hợp điển hình (tích cực và tiêu cực) liên quan đến việc tuân thủ hoặc vi phạm quy định để rút kinh nghiệm chung.

- Xây dựng chuyên trang về công tác pháp chế trên Cổng thông tin điện tử của Trường, làm đầu mối cung cấp thông tin pháp luật, cập nhật hệ thống văn bản QLNb, phổ biến các quy chế, quy định mới và hướng dẫn thực hiện. Chuyên trang này không chỉ hỗ trợ việc tìm hiểu, tra cứu mà còn góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và chủ động tham gia của đội ngũ viên chức, người lao động.

Các giải pháp nêu trên không chỉ hướng đến nâng cao nhận thức lý thuyết, mà còn gắn nhận thức với hành động thực tiễn, từ đó tạo ra sự thay đổi văn hóa pháp lý trong nội bộ nhà trường một cách sâu sắc và lâu dài. Việc kết hợp giữa giáo dục - động viên - giám sát - công nghệ là phương pháp tiếp cận toàn diện, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị đại học hiện nay.

3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật

Công tác PBGDPL hiện đã được Nhà trường đầu tư, quan tâm, tuy nhiên, như đã trình bày, để đạt được hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền pháp luật cần phải đổi mới với nhiều khó khăn. Vì vậy, nhóm tác giả tập trung đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp nâng cao công tác PBGDPL nằm trong giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế nói chung, bao gồm:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường đối với công tác PBGDPL. Đưa công tác PBGDPL vào nghị quyết/nội dung sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ, kế hoạch của đơn vị; coi đây là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của nhà trường và của các đơn vị. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch PBGDPL và triển khai thực hiện hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở, đánh giá kết quả thực hiện; có chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm kịp thời. Cấp ủy và người đứng đầu phải gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, thường xuyên cập nhật thông tin để thực hiện (tránh trường hợp không đọc văn bản; sử dụng, viện dẫn những văn bản đã hết hiệu lực thi hành;...)

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao nhận thức cho viên chức, người lao động, HSSV về tầm quan trọng của công tác PBGDPL, làm cho mỗi cá nhân nhận thức rõ việc tìm

hiểu và thực thi pháp luật nói chung, thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định, quy chế của ngành, của Nhà trường vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ, trách nhiệm với chính bản thân mình, với tập thể và cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch PBGDPL và tổ chức thực hiện hiệu quả. Việc xây dựng kế hoạch là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo tính chủ động trong công việc, tránh tình trạng bị động, làm việc theo thời vụ, không đảm bảo tính khoa học và hiệu quả. Kế hoạch xây dựng cụ thể cho từng năm học, học kỳ, tháng, tuần; đảm bảo tính khoa học (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, địa điểm, đối tượng tuyên truyền...); tính thực tiễn, tính khả thi (có thể thực hiện được, tránh chung chung, quá nhiều nội dung, mang tính hình thức, đối phó); tính linh hoạt (có thể điều chỉnh theo từng thời điểm và tình hình thực tế).

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác PBGDPL. Nhà trường tạo điều kiện để những người làm công tác PBGDPL được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về PBGDPL do các cấp, các ngành tổ chức; phối hợp với cơ quan tư pháp tỉnh để tổ chức các buổi tập huấn; xây dựng tủ sách pháp luật, trang bị các điều kiện, phương tiện cần thiết để giảng viên, viên chức cập nhật kiến thức pháp luật.

Thứ hai, nhóm giải pháp nâng cao, đổi mới hình thức tuyên truyền, PBGDPL.

Trước hết, cần nâng cao chất lượng hình thức tuyên truyền, PBGDPL truyền thống như hình thức tuyên truyền trực tiếp (tuyên truyền miệng).

Tuyên truyền miệng là hình thức tuyên truyền mà đặc trưng chính là dùng lời lẽ trực tiếp truyền đạt nội dung pháp luật cho người nghe, chủ yếu thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn... và ở Nhà trường được thực hiện nhiều qua việc giảng dạy. Hình thức này có tính linh hoạt cao, có thể tiến hành ở nhiều địa điểm, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào. Chủ thể thực hiện hoạt động PBGDPL thông qua hình thức tuyên truyền trực tiếp cần đáp ứng yêu cầu cơ bản gồm: (1) Gây thiện cảm ban đầu cho người nghe. Thiện cảm ban đầu thể hiện ở nhân thân, tâm thế và biểu hiện của người nói khi bước lên bục tuyên truyền, ở danh tiếng, phẩm chất đạo đức, học hàm, học vị, chức vụ của người nói. Thiện cảm ban đầu còn được tạo ra bởi khung cảnh của hội trường, diễn đàn, lớp học, hay dáng vẻ bề ngoài, y phục, nét mặt, cử chỉ, phong thái, lời giao tiếp ban đầu. Người nói cần tươi cười bao quát hội trường/lớp học, có lời chào mừng, mở đầu dí dỏm, công bố thời gian, chương trình làm việc rõ ràng, thoải mái... sẽ gây được thiện cảm với người nghe. Trong những phút đầu tiên của bài giới thiệu, người nói phải nêu được những vấn đề chủ yếu mà người nghe cần tìm hiểu nhất, có thể bắt đầu từ một câu chuyện pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng nói đến nhiều thời gian qua hoặc có thể bắt đầu từ một bộ phim đã chiếu khá phổ thông, một tình huống xảy ra trong địa bàn nơi tổ chức tuyên truyền hay qua một số trò chơi đoán ý... (2) Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong

khi nói. Nghệ thuật tuyên truyền là tạo nên sự hấp dẫn, gây ấn tượng bằng giọng nói, điệu bộ, ngôn ngữ. Giọng nói phải rõ ràng, mạch lạc nhưng truyền cảm, tránh lối nói đều đều. Giọng nói, âm lượng phải thay đổi theo nội dung và nhấn mạnh vào những điểm quan trọng, cần phải chú ý. Động tác, cử chỉ cần phù hợp với nội dung và giọng nói để nâng cao hiệu quả tuyên truyền của lời nói. Sắc thái có tác dụng truyền cảm rất lớn. Về mặt của người nói cần thay đổi theo diễn biến của nội dung. Khi nói, cần chú ý nhìn vào một nhóm người ngồi dưới, thỉnh thoảng người nói cần thay đổi vị trí nhìn để tạo sự chú ý, đưa ra số liệu, sự kiện để minh họa, đặt câu hỏi để tăng thêm sự chú ý của người nghe. (3) Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm. Người nói cần tôn trọng các nguyên tắc sư phạm. Từ bố cục bài nói, diễn đạt các đoạn văn, liên kết giữa các đoạn văn đến cách nói đều phải rõ ràng, mạch lạc, logic; dẫn dắt người nghe từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa (phương pháp suy diễn) hoặc từ xa đến gần (phương pháp quy nạp) và tùy từng vấn đề mà dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn hoặc từ thực tiễn mà đi sâu vào lý luận. (4) Tạo được tính thuyết phục cho bài nói thông qua chứng minh, giải thích và phân tích. Người nói cần có các dẫn chứng xác thực, khách quan để làm sáng tỏ và xác nhận tính đúng đắn của vấn đề. Các dẫn chứng đưa ra gồm số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, kinh điển đảm bảo tính chính xác, tiêu biểu, toàn diện và sát hợp với vấn đề nêu ra. Dựa trên dẫn chứng, người nói đưa ra lý lẽ để giảng giải giúp người nghe hiểu rõ và hiểu đúng vấn đề. Lập luận trong khi giải thích phải chặt chẽ, chính xác, mạch lạc, khúc triết, không ngụy biện; đồng thời đánh giá vấn đề nhằm tìm được đặc điểm, bản chất, điểm mạnh, điểm yếu, điểm tốt, điểm xấu, sự phù hợp, không phù hợp của vấn đề. Sau khi phân tích phải có kết luận, đánh giá, hướng người nghe vào định hướng tư duy đúng đắn, không làm cho người nghe hoài nghi, dao động, hoang mang.

Bên cạnh đó, cần đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền PBGDPL. Thực hiện kết hợp linh hoạt, sáng tạo các hình thức truyền thống với hiện đại (trang thông tin điện tử, mạng Internet, phát thanh có hình...) bằng việc chia sẻ qua các nhóm Zalo, Facebook, các trang mạng xã hội... nhằm tăng tính hấp dẫn và đảm bảo hiệu quả. Đặc biệt cần ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL tại Nhà trường, một giải pháp mang tính đột phá, phù hợp với xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác PBGDPL không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, thời gian tổ chức mà còn mở rộng đối tượng tiếp cận, tăng tính linh hoạt và cá nhân hóa trong truyền thông pháp luật. Đây là công cụ hữu hiệu để khắc phục tình trạng tuyên truyền pháp luật theo lối truyền thống mang tính hình thức, rập khuôn, kém hấp dẫn - một thực trạng còn tồn tại tại nhiều CSGD đại học hiện nay, trong đó có Trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở điều kiện thực tế của Nhà trường, nhóm tác giả đề xuất một số nội dung cụ thể cần triển khai như:

- Xây dựng chuyên mục PBGDPL trên Cổng thông tin điện tử của Trường, kết hợp sử dụng mã QR để truy cập nhanh các văn bản pháp luật và nội dung pháp lý quan trọng nhằm tạo một kênh thông tin chính thống, dễ truy cập, cập nhật thường xuyên, giúp cán bộ, giảng viên, HSSV tiếp cận hệ thống pháp luật nhanh chóng, thuận tiện. Nội dung chuyên mục nên bao gồm: Tin tức pháp luật cập nhật theo tuần/tháng; các văn bản QPPL quan trọng (theo nhóm chủ đề: giáo dục, lao động, quyền lợi người học...); văn bản QLNB đã ban hành của Nhà trường; chuyên mục hỏi - đáp pháp luật; video clip, infographic, podcast về pháp luật. Kết hợp in mã QR dán tại các khu vực công cộng trong Trường (bảng tin, thư viện, phòng họp, phòng sinh hoạt khoa), khi quét sẽ truy cập tới chuyên trang trên.

- Tổ chức các hoạt động PBGDPL trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp - trực tuyến thông qua các hoạt động như tổ chức tọa đàm trực tuyến với luật sư, chuyên gia pháp lý trên nền tảng Zoom, Google Meet, Microsoft Teams; Livestream trên fanpage Trường/Đoàn Thanh niên về các chủ đề pháp luật đang được quan tâm (ví dụ: quyền lợi sinh viên, pháp luật lao động, việc làm...); tạo video clip ngắn hoặc infographic đơn giản giới thiệu văn bản pháp luật mới – phù hợp thị hiếu người trẻ.

Thứ ba, tăng cường đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL, đồng thời gắn công tác PBGDPL với nhiệm vụ phát triển văn hóa pháp lý trong Trường.

Tổ chức khảo sát định kỳ nhận thức pháp luật của các đối tượng trong Trường, đo lường mức độ tiếp nhận thông tin, mức độ thay đổi hành vi. Từ đó có điều chỉnh về nội dung và phương pháp thực hiện phù hợp. Phổ biến pháp luật không chỉ là việc truyền tải nội dung pháp luật mà còn hướng tới xây dựng ý thức pháp luật, thái độ tôn trọng và hành xử đúng quy định pháp luật trong môi trường giáo dục. Do đó, việc xây dựng môi trường học đường kỷ cương, nề nếp; ban hành các quy tắc ứng xử, chế tài nội bộ và đưa pháp luật vào sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên môn là rất cần thiết.

Như vậy, để thực hiện tốt chức năng pháp chế trong giai đoạn chuyển đổi mô hình quản trị đại học theo hướng tự chủ, Nhà trường cần coi trọng hơn nữa công tác PBGDPL, thực hiện đồng bộ các giải pháp về thể chế, tổ chức, con người và công nghệ. Chỉ khi đó, PBGDPL mới thực sự phát huy vai trò là cầu nối giữa pháp luật với thực tiễn, giữa quy phạm với ý thức pháp lý của từng thành viên trong cộng đồng đại học.

3.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của người làm công tác pháp chế, bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với người làm công tác pháp chế

Mô hình tổ chức thể hiện vị thế, vai trò của tổ chức và xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức đó. Ở mỗi tổ chức, đơn vị, mô hình pháp chế phù hợp thúc đẩy đơn vị đó phát triển tốt. Có thể thấy hiện nay, khối lượng công việc, nhiệm vụ của những người làm công tác pháp chế rất lớn, phức tạp, những cán

bộ, viên chức được giao làm công tác pháp chế tại các cơ quan, đơn vị hiện nay dù là chuyên trách hay kiêm nhiệm cũng phải đảm nhiệm khối lượng công việc mà theo quy định phải thành lập riêng 01 phòng tương đương với phòng chuyên môn; công tác pháp chế không chỉ đơn thuần là tham gia xây dựng văn bản, kiểm tra, rà soát văn bản mà còn bao gồm cả nhiệm vụ tổ chức thi hành, PBGDPL, theo dõi thi hành và tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các văn bản nội bộ. Điều này đòi hỏi người làm công tác pháp chế không chỉ có kiến thức về chuyên môn luật mà còn phải am hiểu kiến thức về cả lĩnh vực chuyên môn khác như khoa học, sở hữu trí tuệ, tài chính... Chính vì lẽ đó, việc kiện toàn đội ngũ làm công tác pháp chế không chỉ là đòi hỏi đối với Trường Đại học Hoa Lư nói riêng mà đối với cả các CSGD đại học nói chung. Trước hết, để công tác pháp chế đạt hiệu quả tốt, Nhà trường cần phát triển theo hướng thành lập tổ chức cấp phòng làm công tác pháp chế chuyên nghiệp tương xứng với vị trí, vai trò của công tác này. Việc ghép chung vào phòng Tổ chức - Thanh tra và bố trí một bộ phận bao gồm cả chuyên trách và kiêm nhiệm về công tác pháp chế như hiện nay (trong đó thực hiện gộp cả các chức năng khác như tổng hợp, thanh tra, kiểm tra) khó có thể giúp cho hoạt động pháp chế được chuyên nghiệp và hiệu quả.

Để thành lập Phòng Pháp chế cần xác định vị trí việc làm của viên chức pháp chế, rà soát, thống kê nhân sự chuyên trách và nhân sự kiêm nhiệm. Cơ cấu tổ chức Phòng Pháp chế cần có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và một số chuyên viên, nhân viên kiêm nhiệm, cộng tác viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo phòng Pháp chế thực hiện theo quy định chung; có thể là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Viên chức Phòng pháp chế cần được tuyển chọn từ những người có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn sâu nhất là trong lĩnh vực giáo dục đại học, chuyên viên làm công tác pháp chế nên được lựa chọn là người có bằng cử nhân luật hoặc đã được bồi dưỡng kiến thức pháp lý để có khả năng tổng hợp, am hiểu hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, chính thức pháp điển hóa nội dung về tổ chức pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập. Vì vậy, Nhà trường cần thiết bổ sung các quy định mới về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của tổ chức/bộ phận pháp chế Nhà trường trong Quy chế tổ chức, hoạt động và trong các văn bản nội bộ khác. Tham khảo quy định tại một số CSGD đại học trong nước, hiện có nhiều trường đã đưa nội dung nhiệm vụ công tác pháp chế trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Tại Điều 56 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLLHN ngày 23/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội) quy định:

“Điều 56. Hoạt động pháp chế

Hoạt động pháp chế của Trường là hoạt động chuyên môn, được thực hiện nhằm tham mưu, tư vấn cho Hội đồng trường và Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của nhà trường; bảo đảm cho nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế. Hoạt động pháp chế của Trường bao gồm:

1. Thẩm định nội dung các văn bản quy phạm nội bộ trước khi ban hành nhằm đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm của Trường;
2. Tham gia ý kiến, góp ý cho dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan nhà nước gửi xin ý kiến của Trường;
3. Cập nhật các văn bản QPPL của Nhà nước; rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm nội bộ của Trường nhằm phát hiện các quy định trái pháp luật, chồng chéo, mâu thuẫn, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;
4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL của Nhà nước; văn bản quy phạm nội bộ của Trường;
5. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm nội bộ của Trường;
6. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả và xử lý các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trong hoạt động của Trường;
7. Tổ chức PBGDPL; phổ biến các văn bản quy phạm nội bộ của Trường cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên của trường.”

Hay tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1456/NQ-HĐT ngày 04/8/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội) tại khoản 3, Điều 57. Công tác thanh tra - kiểm tra, pháp chế có quy định: “3. Trường chú trọng công tác pháp chế trong điều kiện thực hiện tự chủ đại học, để đảm bảo mọi hoạt động của Trường tuân thủ quy định của pháp luật. Văn bản QLNB của Trường phải được thẩm định về mặt pháp lý trước khi ban hành. Hiệu trưởng chủ động tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác pháp chế, bao gồm: tổ chức xây dựng, thẩm định, rà soát để hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, góp ý cho các văn bản quản lý, văn bản QPPL của cấp có thẩm quyền; tuyên truyền và giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức quản lý, viên chức, người lao động và người học của Trường.”

Như vậy, trên cơ sở quy định pháp luật, điều kiện thực tế của Nhà trường, đồng thời có sự tham khảo từ một số CSGD đại học trong nước cho thấy quy định về công tác pháp chế cần được tách thành một điều khoản riêng trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Nhóm tác giả đề xuất dự thảo nội dung quy định này như sau:

“Điều... Công tác pháp chế

1. Vị trí, vai trò

Công tác pháp chế là hoạt động chuyên môn quan trọng trong hệ thống quản lý của Trường Đại học Hoa Lư, có chức năng tham mưu, tư vấn cho Lãnh đạo trường về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường; bảo đảm cho mọi hoạt động của Trường tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2. Nhiệm vụ của công tác pháp chế

a) Tham mưu, tư vấn về pháp lý cho Lãnh đạo trường và các đơn vị thuộc Trường trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch, văn bản QLNB;

b) Thẩm định nội dung pháp lý của các văn bản QLNB trước khi ban hành, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi của văn bản;

c) Rà soát, hệ thống hóa các văn bản QLNB định kỳ hoặc đột xuất nhằm phát hiện các quy định không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc có dấu hiệu trái pháp luật, đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới;

d) Theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật, thực hiện các văn bản QLNB trong toàn Trường; phát hiện và kiến nghị biện pháp khắc phục đối với các hành vi vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế của Trường;

đ) Tham gia góp ý đối với dự thảo các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước gửi đến Trường lấy ý kiến; đề xuất các kiến nghị, đề án sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Trường;

e) Tổ chức PBGDPL và tuyên truyền các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Trường cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học thông qua nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn và chuyên đổi số;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh Ninh Bình và Hiệu trưởng.

3. Tổ chức thực hiện

a) Hiệu trưởng tổ chức triển khai công tác pháp chế trong toàn Trường, bảo đảm các điều kiện về tổ chức, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác để công tác pháp chế hoạt động hiệu quả; chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện công tác pháp chế trong phạm vi quản lý.

b) Phòng Tổ chức – Thanh tra có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng để triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các nhiệm vụ pháp chế được giao.”

Đối với viên chức phụ trách công tác pháp chế, Nhà trường quan tâm đến việc nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ này, cử viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Bộ GDĐT và các Bộ, ngành tổ chức để vừa làm hạt

nhân tập huấn, chia sẻ cho cán bộ khác của đơn vị, Nhà trường, vừa đảm bảo đảm nhận vai trò nòng cốt trong công tác pháp chế. Đây không chỉ là giải pháp cần thực hiện của riêng Nhà trường, mà còn là đối với công tác pháp chế nói chung. Tại buổi làm việc với Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính cùng một số đơn vị liên quan về các nội dung giao ban công tác pháp chế, tổ chức thi hành pháp luật vào ngày 10/6/2025, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh đã nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là phải tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế. Thứ trưởng lưu ý, cần rà soát, đánh giá năng lực hiện có, xác định những vướng mắc, hạn chế của đội ngũ này để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp.

Trước những khó khăn về tổ chức bộ máy và khối lượng công việc, nhiệm vụ phải thực hiện, để nâng cao chất lượng công tác pháp chế tại Nhà trường, bên cạnh việc duy trì, kiện toàn thường xuyên đội ngũ làm công tác pháp chế, để khuyến khích, động viên người làm công tác pháp chế yên tâm, gắn bó cống hiến với nghề thì việc có chế độ, chính sách hỗ trợ phù hợp là hết sức cần thiết. Tại Trường Đại học Hoa Lư, công tác pháp chế tuy đã được quan tâm bước đầu về mặt tổ chức, nhân sự và có chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 56/2024/NĐ-CP, song vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó cần bổ sung thêm các chế độ, chính sách hỗ trợ tương xứng.

Để đưa ra giải pháp phù hợp, cần tham chiếu chính sách áp dụng đối với các vị trí có tính chất tương đồng hoặc liên quan trong các cơ quan nhà nước:

- Nghị quyết một số cơ chế chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 quy định người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật tại một số cơ quan, đơn vị được hưởng hỗ trợ hàng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp).

- Trong lĩnh vực giáo dục, dự thảo chính sách của Bộ GDĐT đề xuất phụ cấp 15 - 25% cho các viên chức làm công tác chuyên môn và hỗ trợ chuyên môn.

Từ so sánh này, có thể thấy rằng người làm công tác pháp chế trong CSGD đại học hiện vẫn chưa được quan tâm nhiều trong chính sách, dù công việc mang tính đặc thù và giữ vai trò không thể thiếu trong vận hành hệ thống quản trị nội bộ theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và tuân thủ pháp luật. Vì vậy, trong khi đợi các quy định về chính sách từ phía Nhà nước, trong phạm vi thẩm quyền, Nhà trường có thể áp dụng một số chính sách hỗ trợ người làm công tác pháp chế như: tiếp tục hỗ trợ định mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng; ghi nhận khối lượng công tác pháp chế trong đánh giá thi đua; có chính sách thu hút người giỏi, có năng lực vào làm công tác pháp chế của Nhà trường; ưu tiên cử đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt thiết lập lộ trình phát triển nghề nghiệp cho người làm công tác pháp chế thông qua việc ưu

tiên đề cử vào các khóa học chuyên sâu về pháp luật, quản trị đại học, kỹ năng xây dựng văn bản. Điều này sẽ giúp nâng cao nhận thức rằng: công tác pháp chế không phải việc “kiêm nhiệm tạm thời” mà là một hướng phát triển nghề nghiệp chuyên nghiệp, có đóng góp thiết yếu cho chất lượng quản trị đại học. Các quy định này cần được thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Việc thiết lập cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho người làm công tác pháp chế không chỉ hợp lý mà còn mang tính chiến lược và nhân văn, thể hiện sự tôn trọng và đầu tư đúng mức cho một lực lượng quan trọng trong bộ máy quản lý nhà trường. Đây là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả của công tác pháp chế, góp phần xây dựng một môi trường giáo dục kỷ cương, minh bạch và phát triển bền vững.

3.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa đơn vị làm công tác pháp chế với các đơn vị khác

Công tác pháp chế không hoạt động độc lập mà gắn chặt với mọi mặt hoạt động của Nhà trường, trong đó mỗi đơn vị chuyên môn là đầu mối thực hiện các nhiệm vụ này. Thực tế hiện nay còn nhiều đơn vị trong Trường chưa nhận thức rõ vai trò của pháp chế, việc xây dựng văn bản hầu như không thông qua pháp chế thẩm định hoặc phối hợp mang tính hình thức, đối phó. Điều này làm giảm chất lượng thể chế nội bộ, tăng rủi ro sai sót pháp lý, đồng thời gây lãng phí nhân lực và thời gian cho cả bộ phận pháp chế lẫn các đơn vị liên quan.

Vì vậy để công tác pháp chế đạt hiệu quả cao, cần xây dựng cơ chế hoạt động phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và tổ chức trong Trường. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong Trường có trách nhiệm phối hợp, hợp tác với bộ phận pháp chế, thực hiện các yêu cầu, quy định về công tác pháp chế, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ phận pháp chế làm nhiệm vụ. Khi có cơ chế phối hợp rõ ràng sẽ giúp tăng hiệu lực quản lý, tăng hiệu quả tham mưu. Đơn vị chức năng biết khi nào cần tham vấn pháp chế; bộ phận pháp chế có thể chủ động phối hợp, hỗ trợ kịp thời. Quá trình soạn thảo, thẩm định, ban hành, rà soát văn bản, phổ biến pháp luật, giải quyết vướng mắc pháp lý sẽ liên thông, nhất quán, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

Về mặt pháp lý, Nghị định 56/2024/NĐ-CP nhấn mạnh vai trò “tham mưu, tư vấn” của tổ chức pháp chế, đồng thời cũng khẳng định phải có sự phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ²⁶. Vì vậy, việc cụ thể hóa nội dung phối hợp trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường là điều bắt buộc. Nhà trường cần xây dựng mô hình phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận pháp chế thuộc Phòng Tổ chức - Thanh tra đối với các đơn vị liên quan, đặc biệt là một số đơn vị:

²⁶ Khoản 6 Điều 1 Nghị định 56 quy định: “Điều 5a. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập: Chủ trì,, phối hợp với các bộ phận có liên quan tham mưu, giúp Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị thực hiện các nhiệm vụ...”

+ Phối hợp Phòng Hành chính - Quản trị trong quy trình xây dựng, ban hành, quản lý, lưu trữ văn bản nội bộ;

+ Phối hợp với Phòng Đào tạo - Khoa học, Bộ môn Lý luận chính trị trong các nội dung, hoạt động chuyên môn, chuyên gia, báo cáo viên triển khai; giáo dục chính trị, tư tưởng;

+ Phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác HSSV, các khoa, bộ môn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các Câu lạc bộ trong Trường để tuyên truyền, giáo dục, tư vấn pháp luật đối với người học...

+ Phối hợp với phòng Tài chính để đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động pháp chế.

Để thực hiện tốt công tác phối hợp, trong từng đơn vị cần phân công đầu mối phụ trách pháp chế. Mỗi khoa, phòng, trung tâm... cần có một viên chức kiêm nhiệm theo dõi công tác pháp chế, làm đầu mối phối hợp với bộ phận pháp chế của Trường. Các đầu mối này chịu trách nhiệm phổ biến, nhắc nhở, đôn đốc việc tuân thủ quy chế, hướng dẫn xử lý các vấn đề pháp lý cơ bản và phản ánh khó khăn, vướng mắc từ đơn vị mình. Điều này góp phần tăng cường tính lan tỏa và phối hợp theo chiều ngang, góp phần hình thành mạng lưới nhận thức pháp lý trong toàn Trường.

Công tác pháp chế không thể thành công nếu chỉ hoạt động đơn lẻ. Việc thiết lập và duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả giữa bộ phận pháp chế với các đơn vị khác trong Trường chính là điều kiện tiên quyết để đảm bảo công tác pháp chế trở thành một bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hệ thống quản trị đại học hiện đại.

3.5. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Nhà trường

Trước yêu cầu đổi mới toàn diện về mô hình quản trị đại học, việc nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tư vấn pháp lý tại Trường Đại học Hoa Lư cần triển khai theo một số định hướng sau:

Thứ nhất, xác lập quy trình chuẩn trong hoạt động tham mưu, tư vấn pháp lý. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động phụ thuộc rất lớn vào hệ thống các quy định nội bộ của Nhà trường. Một hệ thống quy định rõ ràng, minh bạch, có căn cứ pháp lý sẽ giúp giảm rủi ro pháp lý, tạo khuôn khổ vận hành hiệu quả và là căn cứ trực tiếp cho công tác tham mưu, tư vấn. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản QLNB sẽ tạo điều kiện để bộ phận pháp chế thực hiện hiệu quả nhiệm vụ thẩm định, rà soát văn bản trước khi ban hành, tham mưu xây dựng, sửa đổi quy định phù hợp với luật và thực tiễn hay phát hiện xung đột, kiến nghị khắc phục kịp thời. Mỗi văn bản nội bộ trước khi ban hành cần trải qua các bước trong một quy trình bắt buộc. Việc tham mưu pháp lý cần được thể chế hóa bằng quy định nội bộ, tránh tình trạng “hợp thức hóa sau” hoặc phê duyệt mà không có ý kiến pháp chế.

Qua thực tiễn nghiên cứu cho thấy quy trình thực hiện công tác này của Nhà trường còn hạn chế, vì vậy, nhóm tác giả đề xuất xây dựng hướng dẫn quy định quy trình xây dựng, ban hành, rà soát văn bản QLNБ giúp giải quyết những vướng mắc, lúng túng của các đơn vị được giao tham mưu văn bản trong quá trình triển khai thực hiện.

Hướng dẫn này cần làm rõ các nhiệm vụ như sau để hướng tới hoàn thiện hệ thống văn bản QLNБ của Nhà trường:

TT	Nhiệm vụ	Nội dung thực hiện
1	Rà soát các văn bản hiện có	- Các đơn vị tập hợp, rà soát văn bản đang được sử dụng cho hoạt động chuyên môn của mình; sắp xếp theo thứ tự thời gian ban hành đối với từng loại văn bản. - Các đơn vị thực hiện đối chiếu quy định của pháp luật, của văn bản cấp trên mới ban hành và yêu cầu công việc thực tế để đề xuất: (i) Cần bổ sung thêm văn bản nào; (ii) Cần sửa đổi, bổ sung văn bản nào; (iii) Cần ghép các văn bản nào; (iv) Cần loại bỏ văn bản nào. Lưu ý, đề xuất cần nêu rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, nội dung chính cần bổ sung/sửa đổi, thời gian và điều kiện thực hiện. - Bộ phận pháp chế chủ trì tập hợp, tham mưu xây dựng kế hoạch chung.
2	Xây dựng kế hoạch soạn thảo văn bản QLNБ	- Dựa trên kết quả rà soát, Bộ phận pháp chế dự thảo kế hoạch soạn thảo văn bản QLNБ gửi các đơn vị cho ý kiến. - Kế hoạch cần nêu rõ loại văn bản, tên văn bản, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, chủ thể ban hành, thời gian ban hành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, lãnh đạo phụ trách (có thứ tự ưu tiên). - Dự thảo kế hoạch cần được Hội đồng Khoa học - Đào tạo Nhà trường thông qua trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt.
3	Tổ chức soạn thảo	
3.1	Nguyên tắc soạn thảo văn bản QLNБ	Soạn thảo văn bản nội bộ của Nhà trường cần đảm bảo các nguyên tắc: - Bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất, phù hợp của văn bản QLNБ với các quy định của pháp luật và hệ thống văn bản của Trường. - Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện, tình

		hình cụ thể và yêu cầu phát triển của Trường. - Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình soạn thảo, ban hành. - Tuân thủ thẩm quyền, trình tự, thủ tục soạn thảo và thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định. - Tuân thủ quy định về trách nhiệm của đơn vị chủ trì và đơn vị tham gia soạn thảo.
3.2	<i>Phân công đơn vị phụ trách soạn thảo</i>	Đối với Quy chế tổ chức và hoạt động và một số văn bản quan trọng: Hiệu trưởng thành lập Ban soạn thảo; đối với văn bản khác Lãnh đạo trường giao Trưởng đơn vị phụ trách phân công cán bộ chủ trì soạn thảo hoặc thành lập Ban soạn thảo/Tổ soạn thảo. Trong đó: - Ban soạn thảo/Tổ soạn thảo/cán bộ chủ trì có nhiệm vụ: + Xây dựng kế hoạch cụ thể + Nghiên cứu các văn bản cấp trên liên quan; đánh giá văn bản hiện hành + Xác định vấn đề cần quy định + Xây dựng đề cương; Xây dựng các dự thảo + Lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện, chuyển bộ phận thẩm định, hoàn thiện + Trình ký + Công bố văn bản. - Đơn vị chủ trì soạn thảo có nhiệm vụ: + Dự toán kinh phí hỗ trợ (nếu có). + Đôn đốc, theo dõi cán bộ được phân công bảo đảm tiến độ. + Tổ chức thảo luận nhóm hoặc thảo luận đơn vị về đề cương, các dự thảo. + Xin ý kiến Lãnh đạo phụ trách về đề cương, dự thảo để hoàn thiện trước khi gửi xin ý kiến các đơn vị liên quan. - Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tiến độ và nội dung các dự thảo.
3.3	<i>Quy trình soạn thảo</i>	Quy trình soạn thảo một văn bản QLNB cần thực hiện theo 06 bước sau: Bước 1: Đơn vị chủ trì/Ban/Tổ soạn thảo nghiên cứu

	thông tin có liên quan, xác định tên, loại, nội dung cơ bản của văn bản; xây dựng đề cương trình Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách thông qua. Trong đó: - Xác định nội dung cơ bản, xây dựng đề cương cần căn cứ vào: + Thực tiễn hoạt động của Trường ở từng lĩnh vực (Văn bản giải quyết vấn đề gì? Vấn đề mới phát sinh, cần phát sinh, vướng mắc trong hoạt động?) + Quy định ở văn bản của cấp trên (giao Nhà trường cụ thể hoá). + Tham khảo văn bản của trường bạn (nếu có). - Nội dung cơ bản văn bản, đề cương: + Đưa ra hướng xử lý các vấn đề nêu trên. + Phân nhóm vấn đề theo hướng xử lý đã xác định. Thông thường văn bản được chia thành phần quy định chung, phần nội dung cụ thể, phần tổ chức thực hiện. Bước 2: Trên cơ sở phê duyệt đề cương, đơn vị chủ trì/Ban/Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo gửi xin ý kiến các đơn vị có liên quan (nếu có) và trình Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách cho ý kiến. Đối với việc soạn thảo các dự thảo cần lưu ý: - Nếu văn bản có nhiều nội dung có thể phân thành các mảng nhỏ phân công mỗi người viết một/một số nội dung; sau đó cử người biên tập toàn bộ văn bản. Nếu văn bản ít nội dung thì cử một người phụ trách viết toàn bộ văn bản. Đảm bảo người được giao viết nội dung văn bản phải đang phụ trách mảng công việc liên quan, hiểu rõ nội dung viết, sẵn sàng giải trình “tại sao lại quy định như vậy” khi cần thiết. - Trưởng đơn vị tổ chức đơn vị/nhóm chuyên môn thảo luận, góp ý dù văn bản đó do một hay nhiều người viết, bảo đảm tính thống nhất nội tại về nội dung, kỹ thuật. - Việc thảo luận lần đầu chưa nên đi sâu vào kỹ thuật chi tiết mà cần thống nhất nội dung, bố cục chung. Tránh làm văn bản tập thể ngay từ đầu. Bước 3: Đơn vị chủ trì/Ban/Tổ soạn thảo tiếp thu
--	---

	ý kiến của các đơn vị để chỉnh sửa Dự thảo; gửi xin ý kiến rộng rãi trong Trường và các bên liên quan. - Để xin ý kiến rộng rãi, các đơn vị chủ trì có thể tổ chức các cuộc họp/hội thảo để lấy ý kiến hoặc gửi văn bản dự thảo kèm thuyết minh trên hệ thống văn bản quản lý điều hành, Cổng thông tin điện tử của Trường để lấy ý kiến rộng rãi. - Thuyết minh gửi kèm dự thảo văn bản cần nêu khái quát sự cần thiết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, những nội dung cơ bản của dự thảo, dự kiến tác động của văn bản và vấn đề cần xin ý kiến. - Các đơn vị có thể góp ý tất cả các nội dung hoặc tập trung vào nội dung liên quan đến chuyên môn của đơn vị mình. Đơn vị không góp ý hoặc góp ý không đúng phải chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao. - Thời gian lấy ý kiến không nên dài quá cũng không quá ngắn, trừ trường hợp văn bản cần được xây dựng gấp, áp dụng ngay để đảm bảo tính thời sự. Thời gian gửi góp ý khuyến nghị nên trong khoảng từ 1 tuần đến 2 tuần. Bước 4: Đơn vị chủ trì/Ban/Tổ soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý; gửi Hội đồng Khoa học - Đào tạo thông qua (nếu có); xây dựng hồ sơ gửi Bộ phận pháp chế thẩm định. - Đơn vị chủ trì tiếp thu ý kiến góp ý hoàn thiện Dự thảo và lập hồ sơ thẩm định. Trường hợp văn bản cần xin ý kiến của Hội đồng Khoa học - Đào tạo thì gửi Hội đồng Khoa học - Đào tạo cho ý kiến và tiếp thu chỉnh sửa trước khi hoàn thiện hồ sơ thẩm định. - Đơn vị chủ trì gửi hồ sơ đến bộ phận pháp chế thẩm định. Hồ sơ thẩm định gồm: + Dự thảo văn bản sau khi tiếp thu. + Bảng tiếp thu ý kiến góp ý. + Bản thuyết minh (có thể có mục “ý kiến khác nhau” để xin tư vấn). + Văn bản pháp luật của cấp trên làm căn cứ ban hành.
--	---

	Bước 5: Bộ phận pháp chế thẩm định - Bộ phận pháp chế thẩm định Hồ sơ và lập Phiếu thẩm định gồm các nội dung: + Sự cần thiết ban hành văn bản + Tính hợp pháp hay căn cứ ban hành văn bản; + Nội dung và hình thức văn bản + Thể thức, kỹ thuật trình bày, ngôn ngữ sử dụng. + Kiến nghị hoàn thiện hoặc đồng ý trình Lãnh đạo. - Văn bản thẩm định được gửi lại đơn vị chủ trì soạn thảo trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định. Bước 6: Đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện lập hồ sơ trình ký ban hành. - Đơn vị chủ trì lập hồ sơ trình Hiệu trưởng/Phó hiệu trưởng phụ trách. Hồ sơ gồm: + Dự thảo sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định (nếu có); + Bản thuyết minh với nội dung như gửi thẩm định bổ sung nội dung “Ý kiến khác nhau và quan điểm của đơn vị chủ trì”. + Ý kiến của Hội đồng Khoa học - Đào tạo (với văn bản cần nội dung này); + Ý kiến thẩm định của bộ phận pháp chế; + Tờ trình Hội đồng trường ban hành (với văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường). - Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách xem xét ký ban hành (hoặc ký Tờ trình trình Hội đồng trường quyết nghị). - Đơn vị chủ trì phối hợp Phòng Hành chính - Quản trị hoàn thiện thủ tục ban hành theo Quy chế văn thư, lưu trữ của Nhà trường.
--	---

Bên cạnh đó, để hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống văn bản QLNB của Nhà trường cần đầu tư hơn nữa cho khâu xây dựng văn bản, gồm:

- Tăng cường hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến từ các đơn vị với việc rà soát hệ thống văn bản để kịp thời sửa đổi, bổ sung bảo đảm sự đồng bộ, khả thi, dễ áp dụng;

- Có cơ chế thu hút, mời chuyên gia ngoài Trường thẩm định, tư vấn để nâng cao chất lượng, hiệu quả văn bản QLNB.

- Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động pháp chế nói chung và công tác xây dựng văn bản QLNB nói riêng. Nhà trường cần bố trí

bổ sung kinh phí để thực hiện các hoạt động như khảo sát, đánh giá tổng kết, sơ kết công tác xây dựng, thi hành văn bản QLNB, tổ chức hội thảo, lấy ý kiến...

Ngoài ra, bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ phụ trách công tác pháp chế, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng văn bản của các đơn vị, việc bảo đảm kỷ luật, kỷ cương xây dựng, ban hành văn bản cũng cần được coi trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng văn bản QLNB của các đơn vị cần được tiến hành thường xuyên như cử các đối tượng này tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các Bộ, ngành tổ chức hoặc mời chuyên gia về Trường truyền đạt, hướng dẫn. Đồng thời, cần tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ để cập nhật văn bản pháp luật mới, trao đổi nghiệp vụ và chia sẻ kinh nghiệm xử lý tình huống thực tiễn. Chú trọng bảo đảm kỷ luật, kỷ cương xây dựng, ban hành văn bản, đặc biệt là thủ tục quy trình xây dựng, ban hành, chủ động rà soát, kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QLNB, tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo lãnh đạo trường để chỉ đạo, xử lý đơn vị có hành vi cố ý chậm trễ xây dựng, ban hành văn bản cũng như các vấn đề phát sinh; chủ động hướng dẫn, tăng cường phối hợp giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với các tổ chức, đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ, chất lượng văn bản.

Thứ hai, xây dựng và sử dụng các bộ công cụ hỗ trợ chuẩn hóa hoạt động tư vấn pháp luật. Cần thiết lập mẫu phiếu thẩm định văn bản, mẫu biểu góp ý hoặc tổng hợp tình huống pháp lý phát sinh và hướng xử lý. Việc sử dụng biểu mẫu thống nhất sẽ giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao tính minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động pháp chế. Nội dung các biểu mẫu có thể tham khảo các mẫu tại Phụ lục số 03, 04.

Với những giải pháp nêu trên, công tác tham mưu, tư vấn pháp lý tại Trường Đại học Hoa Lư sẽ ngày càng được nâng cao về chất lượng và hiệu quả, góp phần xây dựng một hệ thống quản trị đại học dựa trên nền tảng pháp quyền, minh bạch và phát triển bền vững.

3.6. Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng quy trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác pháp chế

Trong bối cảnh hiện nay, chuyển đổi số là xu thế tất yếu và cũng là giải pháp then chốt để đổi mới toàn diện công tác pháp chế. Đối với Trường Đại học Hoa Lư, việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng quy trình số hóa trong công tác pháp chế không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản trị pháp lý mà còn góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân lực và đảm bảo tính minh bạch, kịp thời trong công tác ban hành và thực hiện các quy định nội bộ.

Để triển khai hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác pháp chế, nhóm tác giả đề xuất Nhà trường thiết lập một quy trình gồm 5 bước, bảo đảm tính khoa học, thống nhất và khả thi như sau:

Bước 1: Khảo sát hiện trạng và xác định nhu cầu. Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin hiện tại trong hoạt động pháp chế; lập danh sách các nghiệp vụ pháp chế cần chuyển đổi số (quản lý văn bản nội bộ, thẩm định văn bản, góp ý quy chế, phổ biến pháp luật...); xác định mức độ ưu tiên và nguồn lực hiện có (nhân lực công nghệ thông tin, ngân sách, hạ tầng).

Bước 2: Thiết kế quy trình nghiệp vụ số hóa. Xây dựng sơ đồ quy trình pháp chế điện tử bao gồm các công đoạn: khởi tạo dự thảo văn bản - gửi góp ý - gửi thẩm định - phản hồi - lưu trữ. Quy trình cần xác định rõ quyền, nghĩa vụ và thời hạn xử lý của từng bên tham gia; quy định về việc truy vết, kiểm tra lịch sử chỉnh sửa và ban hành.

Bước 3: Lựa chọn và phát triển công cụ công nghệ phù hợp. Ưu tiên sử dụng các phần mềm có sẵn trong hệ thống phần mềm chung của Trường; nếu chưa có, cần đề xuất đầu tư xây dựng hoặc thuê ngoài.

Bước 4: Triển khai thử nghiệm và điều chỉnh. Chọn một số quy trình pháp chế mẫu để thử nghiệm; tổ chức tập huấn nội bộ, lấy phản hồi từ người dùng, điều chỉnh quy trình và phần mềm trước khi triển khai chính thức.

Bước 5: Vận hành chính thức, giám sát và cập nhật. Áp dụng toàn trường; giao bộ phận pháp chế phối hợp với khoa Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm vận hành, cập nhật và giám sát hệ thống; định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả, điều chỉnh quy trình khi cần thiết.

Quy trình này cần được bảo đảm bởi các điều kiện cả về thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng. Điều này đòi hỏi phải có quy chế vận hành hệ thống điện tử có sự phân quyền rõ ràng, một đội ngũ pháp chế có năng lực số, kỹ năng sử dụng phần mềm và một hệ thống mạng ổn định, thiết bị công nghệ đủ đáp ứng nhu cầu công việc.

Việc áp dụng chuyển đổi số hỗ trợ công tác pháp chế có thể thực hiện ở một số công việc như: (1) xây dựng cơ sở dữ liệu số về hệ thống văn bản QLNB. Đây là nền tảng cốt lõi cho các hoạt động pháp chế hiện đại. Toàn bộ văn bản quy định, quy chế, quy trình nội bộ cần được số hóa, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên trên hệ thống dữ liệu điện tử, có phân quyền truy cập rõ ràng cho từng nhóm đối tượng trong Trường. Các đơn vị tham mưu cần quản lý vòng đời văn bản từ dự thảo – lấy ý kiến – thẩm định – ban hành – sửa đổi; cảnh báo văn bản sắp hết hiệu lực; (2) xây dựng nền tảng trực tuyến phục vụ công tác phổ biến pháp luật, góp ý, phản hồi. Thiết lập chuyên mục pháp luật trong Cổng thông tin điện tử của Nhà trường, nơi cung cấp văn bản pháp luật, hỏi – đáp pháp lý, tin tức cập nhật... như đã trình bày tại mục 3.5 của Chương này. (3) Sử dụng công cụ khảo sát và phản hồi trực tuyến như Google Form, Microsoft Form... để tổ chức các bài kiểm tra nhanh, khảo sát nhận thức pháp luật, phân tích kết quả để đánh giá chất lượng PBGDPL theo từng nhóm đối tượng.

Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác pháp chế không thể bỏ qua công cụ hữu hiệu là trí tuệ nhân tạo (AI). AI có thể được ứng dụng để phân

tích dữ liệu pháp luật, cảnh báo rủi ro pháp lý, phát hiện điểm mâu thuẫn giữa các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành. Xây dựng một trợ lý ảo pháp luật sẽ giúp: Tự động trả lời các câu hỏi thường gặp của cán bộ, giảng viên, người học về các vấn đề pháp luật hoặc nội dung văn bản QLNB của Nhà trường trên Cổng thông tin điện tử hoặc các trang mạng xã hội của Trường; tạo tóm tắt nội dung pháp luật dưới dạng infographics, video ngắn, slide thuyết trình; tổng hợp, hệ thống văn bản pháp luật về cùng một vấn đề; viết kịch bản video, câu hỏi ngắn, câu hỏi kiểm tra kiến thức pháp luật; tạo podcast pháp luật có AI đọc văn bản và phân tích, đồng thời trí tuệ nhân tạo (AI) giúp phân tích hành vi người dùng trên hệ thống PBGDPL (truy cập, lướt xem, thời gian ở lại trang...) để xác định chủ đề pháp luật được quan tâm nhiều, điều chỉnh nội dung phù hợp hơn và phân khúc người học để truyền thông đúng đối tượng... Bổ sung trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư là một bước đi nhằm hiện đại hóa và cá nhân hóa hoạt động pháp lý trong môi trường giáo dục đại học. AI không thay thế con người trong công tác pháp chế, nhưng là công cụ mạnh mẽ giúp người làm công tác pháp chế tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất, tăng khả năng tiếp cận và lan tỏa pháp luật trong Nhà trường.

Chuyển đổi số trong công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư cần được nhìn nhận như một chiến lược phát triển dài hạn, đòi hỏi sự đầu tư cả về thể chế, con người và công nghệ. Việc xây dựng quy trình triển khai rõ ràng, phù hợp thực tiễn sẽ giúp Nhà trường hiện đại hóa hoạt động pháp lý, nâng cao hiệu quả quản trị và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong thời kỳ chuyển đổi số.

3.7. Chú trọng hoạt động tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và tuyên dương, khen thưởng cá nhân có thành tích trong công tác pháp chế

Bên cạnh các giải pháp mang tính kỹ thuật, thể chế và công nghệ, việc chú trọng yếu tố con người thông qua tổng kết, đánh giá và khen thưởng là động lực tinh thần có ý nghĩa rất lớn đối với hiệu quả công tác pháp chế trong Nhà trường. Trong điều kiện công tác pháp chế còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, chế độ đãi ngộ, thì việc ghi nhận kịp thời những nỗ lực và sáng kiến của cá nhân, tập thể là yếu tố góp phần tạo động lực, giữ chân và phát triển đội ngũ. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất, cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công tác pháp chế dựa trên tiêu chí rõ ràng, định lượng. Việc đánh giá cần gắn với kết quả thực hiện các nhiệm vụ như: số lượng và chất lượng văn bản pháp lý được tham mưu, số lượng ý kiến thẩm định góp ý văn bản, hiệu quả các đợt PBGDPL, sáng kiến pháp lý, hoạt động rà soát văn bản... Cần xây dựng phiếu tự đánh giá, có sự xác nhận của đơn vị phối hợp và ý kiến nhận xét từ cấp quản lý trực tiếp.

Thứ hai, tổ chức định kỳ hoạt động tổng kết, sơ kết, rút kinh nghiệm trong công tác pháp chế. Qua đó đánh giá kết quả đã đạt được, những tồn tại, khó khăn,

đồng thời tạo diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, học tập mô hình hay giữa các đơn vị. Nên tổ chức hội nghị tổng kết hàng năm với sự tham gia của lãnh đạo trường, các phòng ban liên quan và đại diện giảng viên.

Thứ ba, xây dựng cơ chế khen thưởng xứng đáng. Nhà trường cần có hình thức khen thưởng riêng đối với cá nhân/tập thể có thành tích nổi bật trong công tác pháp chế. Ngoài hình thức khen thưởng bằng giấy khen, biểu dương trước toàn trường, có thể xem xét hỗ trợ tài chính, ưu tiên xét thi đua, khen thưởng cuối năm, cử tham gia hội thảo tập huấn chuyên sâu...

Thứ tư, lồng ghép nội dung pháp chế vào tiêu chí thi đua của các đơn vị. Các đơn vị như phòng, khoa, trung tâm cần đưa tiêu chí về thực hiện công tác pháp chế vào trong tiêu chuẩn đánh giá, bình xét thi đua cuối năm.

Thứ năm, nhân rộng và lan tỏa giá trị công tác pháp chế. Nhà trường có thể truyền thông về các tấm gương, cá nhân điển hình, sáng kiến tiêu biểu trong công tác pháp chế trên bản tin nội bộ, Công thông tin điện tử, buổi tọa đàm chuyên đề... do Nhà trường tổ chức.

Việc khen thưởng kịp thời và hợp lý không chỉ tạo động lực cho cán bộ làm công tác pháp chế mà còn góp phần nâng cao vị thế của công tác này trong toàn Trường. Từ đó, từng bước hình thành môi trường pháp lý lành mạnh, chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững của Trường Đại học Hoa Lư.

Kết luận chương 3

Trong chương này, nhóm tác giả đã tập trung đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ, toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả công tác pháp chế tại Trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở phân tích lý luận, pháp luật hiện hành và thực tiễn của Nhà trường, các giải pháp đưa ra không chỉ giải quyết những hạn chế còn tồn tại mà còn định hướng phát triển công tác pháp chế theo yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay.

Các giải pháp được xây dựng theo trình tự logic, từ việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về vai trò công tác pháp chế; đến việc kiện toàn bộ máy, xây dựng chính sách phù hợp cho đội ngũ pháp chế; hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động; nâng cao chất lượng tham mưu, tư vấn pháp lý; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, PBGDPL; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động pháp chế; và cuối cùng là chú trọng công tác tổng kết, đánh giá, khen thưởng nhằm tạo động lực, lan tỏa giá trị nghề nghiệp.

Các giải pháp đã đề xuất mang tính khả thi, phù hợp với đặc thù và điều kiện của Trường Đại học Hoa Lư, đồng thời có tính liên kết và hỗ trợ lẫn nhau, hướng đến mục tiêu chung là xây dựng môi trường pháp lý minh bạch, kỷ cương, hiện đại. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để Nhà trường nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học và hội nhập trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong tiến trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, công tác pháp chế ngày càng khẳng định vị trí là một công cụ quản trị hiện đại, bảo đảm cho CSGD đại học hoạt động theo đúng pháp luật, minh bạch và có trách nhiệm giải trình. Với việc Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và đặc biệt là Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung cho Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, khung pháp lý cho hoạt động pháp chế đã trở nên hoàn chỉnh hơn, chính thức pháp điển hóa yêu cầu tổ chức pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có các CSGD đại học. Đây chính là cơ sở lý luận và pháp lý vững chắc để triển khai, đánh giá và hoàn thiện công tác pháp chế trong các trường đại học hiện nay.

Thực tiễn tại Trường Đại học Hoa Lư cho thấy, công tác pháp chế đã có những bước phát triển nhất định, đóng góp tích cực vào việc đảm bảo hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Một số kết quả nổi bật có thể kể đến là: bước đầu đã hình thành bộ phận pháp chế, triển khai rà soát, thẩm định văn bản QLNB; tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật cho viên chức, người lao động, sinh viên; tham gia góp ý xây dựng văn bản QPPL của cơ quan nhà nước khi có yêu cầu. Những nỗ lực này đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, hình thành văn hóa pháp lý trong môi trường sư phạm và tạo nền tảng cho việc thực hiện tự chủ đại học.

Tuy nhiên, công tác pháp chế tại Trường vẫn còn những hạn chế đáng chú ý. Bộ phận pháp chế chưa được kiện toàn một cách chuyên nghiệp; phần lớn viên chức pháp chế còn kiêm nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm làm việc; chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận pháp chế với các đơn vị trong Trường; công tác PBGDPL chưa thực sự đi vào chiều sâu, hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa gắn với nhu cầu thực tiễn của người học và giảng viên; đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động pháp chế còn ở mức sơ khai. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân đến từ nhận thức của lãnh đạo và viên chức về vai trò công tác pháp chế; nguồn lực nhân sự, tài chính còn hạn hẹp cũng như chưa có sự đầu tư bài bản về công nghệ và quy trình vận hành.

Trên cơ sở lý luận, pháp lý và thực trạng đó, bài nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ, có tính khả thi và phù hợp với đặc thù của Trường Đại học Hoa Lư. Thứ nhất, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về vị trí, vai trò của công tác pháp chế, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài. Thứ hai, hoàn thiện tổ chức bộ máy và xây dựng chính

sách phù hợp để phát triển, bồi dưỡng và khuyến khích đội ngũ pháp chế. Thứ ba, thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, khoa học giữa bộ phận pháp chế với các đơn vị chức năng trong Trường nhằm phát huy hiệu quả công tác tham mưu, thẩm định và kiểm tra văn bản. Thứ tư, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tư vấn pháp lý, đảm bảo mọi quyết định quản lý, điều hành đều được thẩm định về mặt pháp lý trước khi ban hành. Thứ năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, PBGDPL thông qua nhiều hình thức đa dạng, hiện đại, phù hợp với từng đối tượng. Thứ sáu, triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, xây dựng quy trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hoạt động pháp chế, tiến tới tích hợp các công cụ hỗ trợ thông minh như trí tuệ nhân tạo. Cuối cùng, chú trọng tổng kết, đánh giá, kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác pháp chế, tạo động lực thúc đẩy lâu dài. Những giải pháp này có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau và chỉ có thể phát huy hiệu quả tối đa khi được triển khai một cách đồng bộ, gắn liền với chiến lược phát triển của Trường. Chẳng hạn, nâng cao nhận thức sẽ tạo tiền đề cho việc kiện toàn tổ chức bộ máy; cơ chế phối hợp và quy trình số hóa sẽ giúp nâng cao chất lượng tham mưu; trong khi khen thưởng, động viên sẽ góp phần giữ chân và khích lệ viên chức pháp chế. Tất cả cùng hướng tới mục tiêu chung là xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, kỷ cương, hiện đại trong Nhà trường.

Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa đối với Trường Đại học Hoa Lư mà còn có thể tham khảo, vận dụng cho các CSGD đại học khác, nhất là các trường đang trong quá trình chuyển đổi để thực hiện cơ chế tự chủ. Đây cũng là sự đóng góp thiết thực vào quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác pháp chế trong ngành giáo dục, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Với quyết tâm chính trị, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo, sự nỗ lực của đội ngũ phụ trách pháp chế và sự phối hợp của toàn thể viên chức, người học, Trường Đại học Hoa Lư hoàn toàn có khả năng từng bước khắc phục khó khăn, phát huy tiềm năng, xây dựng và phát triển một môi trường pháp lý hiện đại, góp phần đưa Nhà trường phát triển theo hướng bền vững, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

01 bài báo: “Công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư – Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư, ISSN 2615 - 9538, Số 05 tháng 6/2025, tr.110-116.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ (2011). *Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2011;
- [2] Chính phủ (2024), *Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2024;
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Công văn số 3878/BGDĐT-PC về việc hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học*;
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Công văn số 5154/BGDĐT-PC về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 20204 – 2025 về Công tác pháp chế*;
- [5] Dương Hoán (2019). *Cơ chế pháp lý bảo đảm pháp chế trong hoạt động hành chính nhà nước*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
- [6] TS. Dương Đức Hùng (2017). *Giải pháp hoàn thiện mô hình hội đồng trường đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học ở Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo: Hội đồng trường – khâu đột phá trong việc tự chủ đại học;
- [7] Dương Thị Tuyết Nhung (2018). “Công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ – Địa chất*, 59 (2), 87-92;
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội;
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 27- NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*;
- [10] Đào Trí Úc (1993). *Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- [11] Đoàn Ngọc Xuân (2014). *Nguyên tắc pháp chế trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- [12] TS. Đỗ Ngọc Hải (2006). *Tăng cường pháp chế XHCN trong hoạt động lập pháp, lập quy ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
- [13] GS Hoàng Phê (2018). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức;
- [14] GS. Josey Thesing (2002). *Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;
- [15] PGS.TS Nguyễn Minh Đoan (2013). *Nhà nước và Pháp luật - Những vấn đề Lý luận thực tiễn*, Nxb Hồng Đức;

- [16] GS. TS. Nguyễn Phùng Hồng (2002). *Pháp chế XHCN trong hoạt động của Công an nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- [17] Nguyễn Văn Hồng (2007). *Vai trò của pháp chế XHCN trong tổ chức và hoạt động của Hải quan Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- [18] Nguyễn Quang Thái (2008). *Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ chí Minh;
- [19] TS. Nguyễn Hợp Toàn (2012). *Giáo trình Pháp luật đại cương*, 3, Nxb Đại học kinh tế quốc dân;
- [20] Phùng Thị Cẩm Châu & Nguyễn Thị Thu (2023). “Công tác pháp chế tại Trường Đại học Công đoàn”, *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Công đoàn*, 29, tr.56-60;
- [21] Phạm Hùng (1985). *Tăng cường pháp chế XHCN*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [22] Trần Thị Ngọc Diễm & Nguyễn Thị An Nhàn (2025). “Công tác pháp chế tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành: hiện trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 8 (3), tr. 163-170.
- [23] Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư Pháp;
- [24] Từ điển ngôn ngữ (1992), Nxb Đà Nẵng, tr757-758;
- [25] GS. TS. Võ Khánh Vinh (2003). *Lợi ích xã hội và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- [26] Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006). *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp và Nxb Từ điển Bách khoa;
- [27] X. Alécxâyép (1986). *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta*, Nxb Pháp lý.

Website

- [28] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác pháp chế tại cơ sở giáo dục đại học*, truy cập từ <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=95550>; xem 12/4/2025.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01:

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho viên chức, người lao động Trường Đại học Hoa Lu)

Nhóm tác giả đang thực hiện đề tài NCKH “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lu*”, anh (chị) vui lòng cho biết ý kiến về các nội dung sau:

Câu 1. Nhận thức của anh (chị) về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

Nhận thức	Đánh dấu (X)
Rất quan trọng	
Quan trọng	
Bình thường	
Không quan trọng	

Câu 2. Đánh giá của anh (chị) về việc ban hành và tổ chức kế hoạch thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

Mức độ	Đánh dấu (X)
Có ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch đầy đủ	
Có ban hành nhưng tổ chức thực hiện Kế hoạch chưa đầy đủ	
Có ban hành nhưng không tổ chức thực hiện Kế hoạch	
Không ban hành kế hoạch	

Câu 3. Đánh giá của anh (chị) về các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được triển khai thực hiện:

Mức độ	Đánh dấu (X)
Đa dạng, phù hợp	
Tương đối đa dạng, phù hợp	
Chưa đa dạng, phù hợp	

Câu 4. Đánh giá của anh (chị) về ảnh hưởng hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến ý thức tuân thủ pháp luật:

Mức độ	Đánh dấu (X)
Ảnh hưởng rất tích cực	
Ảnh hưởng tích cực	
Không có tác động	
Ảnh hưởng tiêu cực	

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 02:

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho sinh viên Trường Đại học Hoa Lư)

Nhóm tác giả đang thực hiện đề tài NCKH “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong Trường Đại học Hoa Lư*”, anh (chị) vui lòng cho biết ý kiến về các nội dung sau:

Câu 1. Nhận thức của anh (chị) về tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

Nhận thức	Đánh dấu (X)
Rất quan trọng	
Quan trọng	
Bình thường	
Không quan trọng	

Câu 2. Đánh giá của anh (chị) về các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được triển khai thực hiện:

Mức độ	Đánh dấu (X)
Đa dạng, phù hợp	
Tương đối đa dạng, phù hợp	
Chưa đa dạng, phù hợp	

Câu 3: Đánh giá của anh (chị) về ảnh hưởng hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến ý thức tuân thủ pháp luật:

Mức độ	Đánh dấu (X)
Ảnh hưởng rất tích cực	
Ảnh hưởng tích cực	
Không có tác động	
Ảnh hưởng tiêu cực	

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 03: Mẫu phiếu thẩm định văn bản quản lý nội bộ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
PHÒNG TỔ CHỨC – THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Ninh Bình, ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Thẩm định Dự thảo

Ngày....., Bộ phận Pháp chế thuộc Phòng Tổ chức - Thanh tra nhận được đề nghị của thẩm định Dự thảo Qua nghiên cứu, Bộ phận Pháp chế có ý kiến như sau:

1. Căn cứ và thẩm quyền ban hành văn bản

a) Căn cứ ban hành văn bản

(Các căn cứ do đơn vị tham mưu soạn thảo có phù hợp với việc xây dựng văn bản không?)

b) Thẩm quyền ban hành văn bản

2. Nội dung và hình thức văn bản

a) Nội dung dự thảo văn bản

(Phù hợp với các quy định hiện hành hay còn mâu thuẫn, chồng chéo, cần chỉnh sửa, điều chỉnh, bổ sung...)

b) Hình thức dự thảo văn bản

3. Kết luận

(Đồng ý ban hành hay cần chỉnh sửa, điều chỉnh, bổ sung...)

Trên đây là ý kiến thẩm định của Bộ phận Pháp chế, Phòng Tổ chức – Thanh tra, đề nghị...../.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (để b/c);
- Đơn vị tham mưu;
- Lưu:

NGƯỜI THẨM ĐỊNH

.....

Phụ lục 04: Mẫu phiếu góp ý dự thảo văn bản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN VỊ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Ninh Bình, ngày tháng năm 202...

BIÊN BẢN GÓP Ý DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Tên văn bản góp ý:

2. Người/Đơn vị góp ý:

3. Thời gian góp ý: Từ đến

4. Tổng hợp ý kiến góp ý:

Nội dung dự thảo	Ý kiến góp ý	Lý do điều chỉnh
VD: Điều 3, khoản 2	Nên sửa cụm từ....	Mâu thuẫn với Điều...
...		

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (để b/c);
- Đơn vị tổng hợp;
- Lưu:

Đơn vị góp ý

.....



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Tạp chí **KHOA HỌC** **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

ISSN 2615 - 9538

HOA LU UNIVERSITY
JOURNAL OF SCIENCE

05

T.6
2025



TẠP CHÍ KHOA HỌC SỐ 05, THÁNG 6 NĂM 2025
ISSN 2615 – 9538

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Vũ Văn Trường

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Dương Trọng Luyện

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Tạ Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Toàn Thắng	TS. Bùi Văn Mạnh
TS. Nguyễn Mạnh Quỳnh	PGS.TS. Lê Xuân Giang
TS. Lâm Văn Năng	TS. Lê Thị Tâm
TS. Đoàn Sỹ Tuấn	

BAN THƯ KÝ

ThS. Phạm Văn Cường
TS. Phạm Đức Thuận
ThS. Trương Ngọc Dương
ThS. Nguyễn Thị Lệ Thu

TÒA SOẠN

Trường Đại học Hoa Lư
Đường Xuân Thành – Thành phố Ninh Bình
☎ 02293 892 240
📞 0984 148 845
✉ tapchikhoahoc@hluv.edu.vn
🌐 <http://hluv.edu.vn/vi/tckh>

Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023
In 100 cuốn, khổ 19x27, tại Công ty TNHH TM&DV Hà Phương
Địa chỉ: 1032 Trần Hưng Đạo, phường Phúc Thành, TP. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2025



LỜI NÓI ĐẦU

Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hoa Lư, có mã số chuẩn quốc tế ISSN 2615 - 9538, hoạt động theo Giấy phép số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Là tạp chí đa ngành, đa lĩnh vực với mục đích phản ánh hoạt động giáo dục đào tạo, công bố các kết quả nghiên cứu về Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ, Nông nghiệp, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, người học trong và ngoài trường, tuyên truyền phổ biến các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo, giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu ứng dụng, thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

Hội đồng biên tập Tạp chí khoa học Trường Đại học Hoa Lư đã nhận được sự quan tâm của các tác giả trong và ngoài trường gửi bài về tạp chí. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã tích cực tham gia đóng góp cho sự phát triển của Tạp chí và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác, ủng hộ và những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị để Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hoa Lư có chất lượng ngày càng cao hơn.

Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Tạp chí khoa học số 05!

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP



TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

MỤC LỤC

1	Đồng Thanh Tú - <i>Thảo luận lượng của tính từ trong tiếng Trung và hiện tượng lặp lại của nó</i>	5
2	Vũ Thị Diệu Thúy - <i>Phát triển một số kỹ năng giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non</i>	14
3	Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phượng, Đinh Thành Công - <i>Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình</i>	27
4	Lương Thị Tú, Phạm Thị Hồng Tâm, Đàm Thu Vân - <i>Hoạt động bang giao của nhà nước Đại Cồ Việt dưới thời Hoàng đế Lê Hoàn (980 - 1005)</i>	39
5	Phan Tấn Được, Nguyễn Thị Thanh Nhi - <i>Giải pháp phát huy vai trò của tỉnh Vĩnh Long trong liên kết phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long</i>	47
6	Mai Anh Tuấn - <i>Nhân học văn hóa trong nghiên cứu văn học Việt Nam: Những thành tựu và cơ hội</i>	61
7	Nguyễn Mạnh Quỳnh (dịch) - <i>Chủ nghĩa cấu trúc và phê bình văn học - Gérard Genette</i>	71
8	Nguyễn Thị Huệ - <i>Danh nhân văn hóa Trương Hán Siêu trong đời sống văn hóa dân tộc</i>	85
9	Nguyễn Thị Huệ - <i>Sự đồng điệu giữa tư tưởng của đại tướng Võ Nguyên Giáp và phạm trù "Nhân" trong Nho giáo</i>	94
10	Hoàng Thị Thu Hằng - <i>Dì sản Trương Hán Siêu trong phát triển du lịch tại Ninh Bình</i>	102
11	Vũ Thị Loan - <i>Công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư - Thực trạng và giải pháp</i>	110
12	Phan Thị Hồng Duyên, Phạm Văn Cường - <i>Đảm bảo an ninh con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khuyến nghị giải pháp ở Việt Nam hiện nay</i>	117
13	Nguyễn Tất Thắng - <i>Tối ưu hóa hiệu suất mạng với NIC TEAMING trong WINDOWS SERVER trên môi trường VMWARE</i>	126





CÔNG TÁC THAM MƯU XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ NỘI BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Vũ Thị Loan¹

Ngày nhận bài: 10/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/6/2025

Tóm tắt: Xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ bao gồm nội quy, các quy định, quy chế nội bộ... là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của các cơ sở giáo dục đại học nhằm đảm bảo mọi hoạt động của đơn vị được tổ chức thực hiện nhịp nhàng, quy củ, đúng pháp luật, phát huy tối ưu vị thế, vai trò, sứ mạng của cơ sở giáo dục và hiệu quả công tác quản trị, quản lý. Bài viết này nghiên cứu thực trạng công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ của Nhà trường trong thời gian tới.

Từ khóa: Văn bản quản lý nội bộ, pháp chế, quản trị, quản lý, quy định.

THE CONSULTATIVE WORK ON BUILDING INTERNAL MANAGEMENT DOCUMENTS AT HOA LU UNIVERSITY – REALITY AND SOLUTIONS

Abstract: Developing a system of internal management documents, including regulations, internal rules, and policies, is one of the top priorities for higher education institutions to ensure that all activities are organized orderly, lawful, and to optimally promote the position, function, and mission of the educational institution as well as the effectiveness of governance and administration. This article studies the reality of the consultative work on building internal management documents at Hoa Lu University and proposes several solutions to enhance the effectiveness of this work in the following time.

Keywords: Internal management documents, legal framework, governance, administration, regulation.

1. Đặt vấn đề

Đối với các cơ sở giáo dục đại học hiện nay, công tác pháp chế là nhiệm vụ quan trọng giúp đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chính sách, quy định của pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý trong nhà trường. Nội dung cốt lõi của công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học là tham mưu, tư vấn về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động, bao gồm công tác rà soát tham mưu xây dựng, ban hành nội quy, quy định, quy chế... gọi chung là văn bản quản lý nội bộ (VBQLNB).

¹ Phòng Tổ chức - Thanh tra, Trường Đại học Hoa Lư, Email: vtloan@hluv.edu.vn



Là cơ sở giáo dục đại học công lập, Trường Đại học Hoa Lư (ĐHHL) được thành lập năm 2007 theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trường đào tạo đa ngành, có sứ mạng thực hiện hoạt động giáo dục và đào tạo; hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và đất nước. Trong những năm qua, Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn đặc biệt quan tâm, đầu tư nguồn lực cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống VBQLNB, xác định đây là công cụ quan trọng phục vụ hoạt động quản trị, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Công tác xây dựng VBQLNB luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm học, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn và thực hiện trách nhiệm giải trình với xã hội về các mặt hoạt động của Nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng hoạt động tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư

2.1.1. Việc bố trí nhân lực, kinh phí cho hoạt động tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ

Giai đoạn 2020 - 2025, nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật mới ban hành như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP², Nhà trường đã kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị thuộc và trực thuộc, từ đó điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phù hợp với tình hình mới. Nhiệm vụ và quyền hạn về tham mưu, xây dựng VBQL cũng đã được phân công rõ ràng theo các mảng lĩnh vực phụ trách của các đơn vị thuộc Trường trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHHL ngày 04/8/2021 của Hiệu trưởng. Như vậy, xây dựng VBQL trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của tất cả các đơn vị, đặc biệt là những đơn vị thực hiện chức năng tham mưu, giúp Hội đồng trường và Hiệu trưởng trong công tác quản trị, quản lý, bảo đảm các hoạt động của Trường tuân thủ pháp luật và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

Nhằm thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, ban hành VBQLNB, trong quá trình kiện toàn, Nhà trường đã đổi tên Phòng Tổ chức - Tổng hợp thành phòng Tổ chức - Thanh tra (TC-TTr), bộ phận Thanh tra - Pháp chế chính thức được thành lập thực hiện nhiệm vụ làm đầu mối trong công tác thể chế hoá các quy định pháp luật thành các quy định nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của Trường. Về cơ cấu nhân sự của Phòng TC-TTr gồm 09 viên chức, trưởng phòng chịu trách nhiệm chính, chỉ đạo nhiệm vụ chung và phân công 02 viên chức chuyên ngành Luật trực tiếp phụ trách mảng công tác pháp chế, trong đó có 01 viên chức chuyên trách được tuyển dụng vào năm 2023 và 01 viên chức kiêm nhiệm. Sau khi được thành lập, bộ phận Thanh tra – Pháp chế của phòng TC-TTr trực tiếp thực hiện một số khâu quan trọng trong quy trình xây dựng và ban hành VBQLNB có thể kể đến như: [1] Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quy định pháp luật trong các hoạt động của Trường; [2] chủ trì việc xây dựng kế hoạch công tác pháp chế hàng năm và tổ chức thực hiện việc rà soát văn bản quản lý của Trường; [3] thực hiện việc thẩm định nội dung văn bản quản lý để đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý của văn bản trước khi trình Lãnh đạo trường ký ban hành.

Hàng năm, căn cứ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, VBQLNB của Nhà trường và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phòng TC-TTr tham mưu xây dựng kế hoạch công tác pháp chế trình Hiệu trưởng phê duyệt để tổ chức thực hiện. Nhiệm vụ xây dựng, sửa đổi, bổ

² Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.



sung VBQL cũng được đưa vào là một trong những hoạt động trọng tâm trong kế hoạch công tác năm học, giao nhiệm vụ theo các mảng lĩnh vực cho các đơn vị và được Nhà trường theo dõi, đôn đốc thực hiện.

Bên cạnh việc bố trí về nhân lực, Nhà trường cũng đảm bảo nguồn kinh phí chi cho hoạt động xây dựng VBQLNB. Nội dung này được quy định cụ thể, rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, bao gồm kinh phí cho hoạt động soạn thảo, xây dựng văn bản và kinh phí cho hoạt động thẩm định văn bản.

2.1.2. Về soạn thảo, ban hành văn bản quản lý nội bộ

Quy trình ban hành VBQLNB bắt đầu từ khâu rà soát văn bản. Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ năm học, hằng năm, Phòng TC-TTr xây dựng Kế hoạch công tác pháp chế, trong đó thực hiện nhiệm vụ rà soát các VBQLNB của Nhà trường. Việc rà soát VBQLNB trong năm nhằm phát hiện các bất cập trong việc thực hiện nội quy, quy chế; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, VBQL, chỉ đạo, điều hành của Nhà trường. Kết quả rà soát hệ thống VBQL sẽ là cơ sở cho việc đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung VBQLNB của Trường và kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cho việc hướng dẫn, điều chỉnh, sửa đổi những văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Để hoạt động xây dựng, ban hành VBQLNB diễn ra đồng bộ, hiệu quả, huy động được trí tuệ của đội ngũ viên chức, người lao động, Nhà trường đã ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc và Quy chế công tác văn thư, lưu trữ. Đây là những văn bản quan trọng, quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, quyền và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động xây dựng, ban hành, quản lý văn bản nội bộ và hệ thống các mẫu, biểu mẫu để áp dụng thống nhất trong toàn Trường. Một VBQL của Trường khi ban hành phải được xây dựng theo 2 bước chính, gồm:

Bước 1. Soạn thảo văn bản: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích, nội dung của văn bản cần soạn thảo, Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng giao cho đơn vị hoặc cá nhân chủ trì soạn thảo văn bản. Đơn vị hoặc cá nhân được giao chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện các công việc: Xác định tên loại, hình thức, nội dung và độ mật, mức độ khẩn của văn bản cần soạn thảo, thu thập, xử lý thông tin có liên quan như nghiên cứu các văn bản cấp trên liên quan, đánh giá văn bản hiện hành, xác định vấn đề cần quy định, xây dựng đề cương, xây dựng dự thảo; soạn thảo văn bản đúng hình thức, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; đề xuất lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có); nghiên cứu tiếp thu ý kiến góp ý để hoàn chỉnh văn bản.

Bước 2. Ký văn bản: Trưởng đơn vị sau khi chỉnh sửa, bổ sung cần chuyển văn bản về bộ phận pháp chế thuộc phòng TC-TTr kiểm tra tính hợp pháp của văn bản. Bộ phận pháp chế kiểm tra tính hợp pháp của văn bản và báo cáo Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được phân công ký văn bản xem xét, duyệt nội dung văn bản và chuyển về cho Trưởng đơn vị ký nháy. Trưởng đơn vị ký nháy và trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được phân công ký văn bản gửi văn thư trường phát hành.

Trong một số trường hợp, tùy theo tính chất, phạm vi điều chỉnh và đối tượng liên quan mà văn bản có thể được xây dựng, ban hành theo quy trình rút gọn hơn như trường hợp đơn vị soạn thảo đồng thời cũng là đơn vị cần xin lấy ý kiến góp (có thể không cần thực hiện bước lấy ý kiến và bước chỉnh sửa dự thảo sau khi lấy ý kiến), trường hợp văn bản do Phòng TC-TTr chủ trì soạn thảo thì không bắt buộc phải thực hiện bước bộ phận pháp chế thẩm định văn bản.

Theo thống kê, giai đoạn 2020 – 2025, Nhà trường đã xây dựng, ban hành tổng số 61 quy định, quy chế và nhiều đề án quan trọng, có thể kể đến như: văn bản xác định Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị cốt lõi, xác định triết lý giáo dục; Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị



thuộc và trực thuộc; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý văn bản, chứng chỉ; Quy chế Quản lý hoạt động khoa học công nghệ; Đề án vị trí việc làm và nhiều văn bản quan trọng khác đảm bảo các mặt nhiệm vụ của Nhà trường đều có VBQL điều chỉnh.

2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Ưu điểm

Trong những năm qua, Trường ĐHHL đã có những điều chỉnh cần thiết, kịp thời liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; nhiệm vụ tham mưu xây dựng VBQLNB được phân công rõ ràng, phù hợp với chức năng của từng đơn vị. Bộ phận Thanh tra – Pháp chế thuộc Phòng TC-TTr chính thức được thành lập đảm bảo đáp ứng đúng quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, phát huy được vai trò trong việc tham mưu các vấn đề pháp lý cho Lãnh đạo Nhà trường cũng như thẩm định, góp ý VBQLNB do các đơn vị soạn thảo.

Xác định xây dựng VBQLNB là nhiệm vụ trọng tâm dài hạn và hàng năm, Lãnh đạo trường luôn quan tâm, chỉ đạo củng cố và kiện toàn bộ phận pháp chế như: tuyển dụng thêm 01 viên chức chuyên ngành Luật năm 2023, cử viên chức phụ trách pháp chế tham gia các lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm. Bên cạnh đó, có các chế độ chi trả phù hợp được quy định rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ cho công sức xây dựng, thẩm định VBQLNB.

Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các văn bản mới phù hợp với những sửa đổi, bổ sung của pháp luật. Hệ thống VBQLNB xây dựng khá đầy đủ, số lượng, chất lượng văn bản được nâng lên rõ rệt, điều chỉnh các mảng công tác như: phục vụ chiến lược phát triển Nhà trường; tổ chức bộ máy và nhân sự; đào tạo và quản lý đào tạo; khoa học và công nghệ; hợp tác đối ngoại; tài chính và tài sản... Với những điều chỉnh, kiên toàn liên quan đến công tác xây dựng VBQLNB đã góp phần cơ bản đảm bảo ổn định tổ chức và hoạt động của Nhà trường, nâng cao hiệu quả thực hiện các mặt nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

Công tác tham mưu xây dựng VBQLNB của Trường ĐHHL còn tồn tại một số hạn chế, đó là:

Thứ nhất, có thể nhận thấy, tuy nhân sự phụ trách công tác pháp chế đã được Lãnh đạo Nhà trường quan tâm bổ sung, nhưng số lượng nhân sự chuyên trách còn mỏng cũng như chưa có nhiều kinh nghiệm, còn lại là viên chức kiêm nhiệm nên tính chuyên nghiệp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế. Hiện nay, việc tuyển dụng, bổ sung nhân sự làm công tác pháp chế cũng gặp nhiều khó khăn do vị trí này đòi hỏi yêu cầu về năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu rộng, đồng thời cũng liên quan đến chính sách tinh giản biên chế, chỉ tiêu số lượng người làm việc, vị trí việc làm của Nhà trường.

Thứ hai, việc rà soát VBQLNB chưa được thể hiện một cách rõ ràng mà chỉ thực hiện chung trong Kế hoạch công tác pháp chế, Kế hoạch năm học và các Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học; Nhà trường thiếu việc hệ thống hóa các VBQLNB cũng như chưa thực hiện đánh giá định kỳ theo giai đoạn cho công tác xây dựng VBQLNB; quy trình xây dựng văn bản thực tế mới chỉ đưa ra các bước chung, cơ bản trong quy định công tác văn thư, chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện từng bước dẫn đến một số lúng túng trong triển khai của các đơn vị, hồ sơ xây dựng văn bản còn thiếu thống nhất; vai trò thẩm định văn bản của bộ phận pháp chế chưa hẳn được đề cao. Nguyên nhân của những tồn tại trên phải kể đến đó là do bộ phận pháp chế của Nhà trường mới được thành lập năm 2021, lực lượng mỏng cũng như chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm nên chưa có nhiều kinh nghiệm; đội ngũ làm công tác xây dựng VBQLNB của các đơn vị đa phần cũng là giảng viên kiêm nhiệm nên kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng văn bản còn hạn chế.



Thứ ba, hiện nay các văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền có nhiều thay đổi, quy định mới, nội dung mới về giáo dục, đào tạo, về chế độ chính sách của nhà giáo, viên chức, người lao động... đòi hỏi Nhà trường cũng như các cơ sở giáo dục đại học nói chung phải cập nhật, sửa đổi bổ sung các VBQLNB. Một số văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ ràng, còn chồng chéo hoặc chưa phù hợp với quản lý thực tiễn là một trong những nguyên nhân gây khó khăn, lúng túng trong triển khai tại cơ sở.

2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tham mưu xây dựng văn bản quản lý nội bộ tại Trường Đại học Hoa Lư

2.3.1. Nâng cao nhận thức đối với công tác xây dựng văn bản quản lý nội bộ

Nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về vị trí, vai trò và sự cần thiết phải đầu tư cho công tác xây dựng VBQLNB phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong kế hoạch công tác năm học của Nhà trường, của đơn vị và mỗi cá nhân, đồng thời khẳng định nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống VBQLNB trong Chiến lược phát triển Trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức soạn thảo văn bản hàng năm. Để đạt được giải pháp này, trước hết cần nâng cao nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, quản lý, từ đó truyền đạt những giá trị, vai trò của hoạt động xây dựng VBQLNB đến đông đảo viên chức, người lao động trong đơn vị. Việc nâng cao nhận thức cần thực hiện song song với đẩy mạnh công tác chỉ đạo từ phía Lãnh đạo Trường, Trường các đơn vị và việc tuyên truyền, phổ biến nội dung các quy định, quy chế của Nhà trường thường xuyên, liên tục, dưới nhiều hình thức phù hợp; xây dựng chuyên trang về VBQLNB trên Cổng thông tin điện tử Trường để mọi viên chức, người lao động và các cá nhân, tổ chức có nhu cầu nắm bắt, tiếp cận, chủ động tham gia.

2.3.2. Kiện toàn bộ phận pháp chế và điều kiện đảm bảo cho hoạt động pháp chế

Trong xây dựng hệ thống VBQLNB, bộ phận pháp chế giữ vai trò quan trọng, là đơn vị tổng hợp rà soát, dự thảo kế hoạch triển khai xây dựng, có thể trực tiếp chủ trì xây dựng văn bản; thực hiện thẩm định hồ sơ văn bản do đơn vị trong Trường soạn thảo. Đây là một khối lượng công việc lớn đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu, hiểu biết nhiều lĩnh vực. Chính vì lẽ đó, việc kiện toàn đội ngũ làm công tác pháp chế không chỉ là đòi hỏi đối với Trường ĐHHL nói riêng mà đối với cả các cơ sở giáo dục đại học nói chung.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP³, chính thức pháp điển hóa nội dung về tổ chức pháp chế trong đơn vị sự nghiệp công lập. Vì vậy, Nhà trường cần thiết bổ sung các quy định mới về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của tổ chức/bộ phận pháp chế Nhà trường cũng như có các chế độ cho người trực tiếp phụ trách công tác này trong Quy chế tổ chức, hoạt động và trong các văn bản khác.

Quan tâm đến việc nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho viên chức phụ trách công tác pháp chế, cử viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Bộ GD&ĐT và các Bộ, ngành tổ chức để vừa làm hạt nhân tập huấn, chia sẻ cho cán bộ khác của đơn vị, Nhà trường, vừa đảm bảo đảm nhận vai trò nòng cốt trong công tác xây dựng VBQLNB.

Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động pháp chế nói chung và công tác xây dựng VBQLNB nói riêng. Nhà trường cần bố trí bổ sung kinh phí để thực hiện các hoạt động như khảo sát, đánh giá tổng kết, sơ kết công tác xây dựng, thi hành VBQLNB, tổ chức hội thảo, lấy ý kiến... Có cơ chế thu hút, mời chuyên gia ngoài Trường thẩm định, tư vấn để nâng cao chất lượng, hiệu quả VBQLNB.

³ Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

2.3.3. Hoàn thiện quy định quy trình xây dựng, ban hành, rà soát văn bản quản lý nội bộ để chuẩn hóa hoạt động này

Việc ban hành hướng dẫn quy định quy trình xây dựng, ban hành, rà soát VBQLNB giúp giải quyết những vướng mắc, lúng túng của các đơn vị được giao tham mưu văn bản trong quá trình triển khai thực hiện. Văn bản hướng dẫn cần đảm bảo cụ thể hóa các bước trong soạn thảo văn bản, gồm:

- *Bước 1:* Đơn vị chủ trì/Ban soạn thảo nghiên cứu thông tin có liên quan, xác định tên, loại, nội dung cơ bản của văn bản; xây dựng đề cương trình Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách thông qua.

- *Bước 2:* Trên cơ sở phê duyệt đề cương, Đơn vị chủ trì/Ban soạn thảo xây dựng Dự thảo gửi xin ý kiến các đơn vị có liên quan (nếu có) và trình Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách cho ý kiến.

- *Bước 3:* Đơn vị chủ trì/Ban soạn thảo tiếp thu ý kiến của các đơn vị để chỉnh sửa Dự thảo; gửi xin ý kiến rộng rãi trong Trường và các bên liên quan.

- *Bước 4:* Đơn vị chủ trì/BST tiếp thu ý kiến góp ý; xây dựng hồ sơ gửi Bộ phận pháp chế thẩm định.

- *Bước 5:* Bộ phận pháp chế thẩm định.

- *Bước 6:* Đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện lập hồ sơ trình ký ban hành.

Bên cạnh đó, cũng cần hướng dẫn chi tiết, rõ ràng về hồ sơ, trình tự, nội dung cần thực hiện đối với mỗi bước. Ví dụ: Trong bước xây dựng nội dung cơ bản, xây dựng đề cương cần căn cứ (1) Thực tiễn hoạt động của Trường ở từng lĩnh vực (văn bản giải quyết vấn đề gì? Vấn đề mới phát sinh, cần phát sinh, vướng mắc trong hoạt động?); (2) Quy định trong văn bản của cấp trên; (3) Tham khảo văn bản của trường bạn (nếu có)...

2.3.4. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng văn bản quản lý nội bộ của đơn vị; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương xây dựng, ban hành văn bản quản lý nội bộ

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng VBQLNB của các đơn vị cần được tiến hành thường xuyên như cử các đối tượng này tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các Bộ, ngành tổ chức hoặc mời chuyên gia về Trường truyền đạt, hướng dẫn. Bên cạnh đó, cần chú trọng bảo đảm kỷ luật, kỷ cương xây dựng, ban hành VBQLNB, đặc biệt là thủ tục quy trình xây dựng, ban hành, chủ động rà soát, kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành VBQLNB, tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo Lãnh đạo trường để chỉ đạo, xử lý đơn vị có hành vi cố ý chậm trễ xây dựng, ban hành văn bản cũng như các vấn đề phát sinh; chủ động hướng dẫn, tăng cường phối hợp giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với các tổ chức, đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ, chất lượng văn bản.

3. Kết luận

VBQLNB là văn bản có chứa quy tắc xử sự hoặc tiêu chuẩn điều chỉnh các quan hệ trong tổ chức và hoạt động của trường. Công tác xây dựng hệ thống VBQL là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu phục vụ hoạt động quản trị, quản lý Nhà trường, đồng thời là thước đo đánh giá hiệu lực, hiệu quả hoạt động và là điều kiện không thể thiếu trong quá trình tự chủ đại học. Từ những nghiên cứu, phân tích thực trạng trong Trường ĐHHL thời gian qua, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu, xây dựng VBQLNB của Nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.
- [2] Công văn số 5154/BGDĐT-PC ngày 06/9/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024-2025 về Công tác pháp chế.
- [3] Nguyễn Huy Bằng (2024), Soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm nội bộ, *Tài liệu tập huấn công tác pháp chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức*;
- [4] Dương Thị Tuyết Nhung (2018), Công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất*, Tập 59, Kỳ 2.
- [5] Quyết định số 162/QĐ-ĐHHL ngày 25/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Hoa Lư;
- [6] Quyết định số 395/QĐ-ĐHHL ngày 04/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Hoa Lư;
- [7] Quyết định số 391/QĐ-ĐHHL ngày 03/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Trường Đại học Hoa Lư;
- [8] Kế hoạch công tác pháp chế năm học 2024 – 2025 số 243/KH-ĐHHL ngày 26/9/2024 của Trường Đại học Hoa Lư.



HOA LU UNIVERSITY JOURNAL OF SCIENCE

INDEX

1	Dong Thanh Tu - <i>Discussion on the "Degree" of adjectives in Chinese and their reduplication mechanism</i>	5
2	Vu Thi Dieu Thuy - <i>Developing some skills in educating children with special needs for students of early childhood education</i>	14
3	Dinh Thi Hoa, Le Hong Phuong, Dinh Thanh Cong - <i>Measures to improve the efficiency of physical training and sports of high school students in Ninh Binh province</i>	27
4	Luong Thi Tu, Pham Thi Hong Tam, Dam Thu Van - <i>Diplomatic activities of Dai Co Viet State under Emperor Le Hoan (980 - 1005)</i>	39
5	Phan Tan Duoc, Nguyen Thi Thanh Nhi - <i>Solutions to promote the role of Vinh Long province in connecting tourism development in the Mekong delta</i>	47
6	Mai Anh Tuan - <i>Cultural anthropology in Vietnamese literary studies: Achievements and opportunities</i>	61
7	Nguyen Manh Quynh (translate) - <i>Structuralism and Literary Criticism, Gérard Genette</i>	71
8	Nguyen Thi Hue - <i>Cultural person Truong Han Sieu in life National culture</i>	85
9	Nguyen Thi Hue - <i>The sympathy between the thoughts of great meditation Vo Nguyen Giap and the category of "humanity" in confucianism</i>	94
10	Hoang Thi Thu Hang - <i>Truong Han Sieu's heritage in tourism development in Ninh Binh</i>	102
11	Vu Thi Loan - <i>The consultative work on building internal management documents at Hoa Lu University – reality and solutions</i>	110
12	Phan Thi Hong Duyen, Pham Van Cuong - <i>Ensuring human security in the context of climate change and recommending some solutions in Vietnam nowadays</i>	117
13	Nguyen Tat Thang - <i>Optimizing network performance with NIC TEAMING in WINDOWS SERVER on VMWARE environment</i>	126



THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Bài nhận đăng là công trình nghiên cứu khoa học, các ý kiến trao đổi về học thuật, quản lý giáo dục, các bài tổng quan giới thiệu thành tựu khoa học mới của các nhà khoa học trong và ngoài trường. Tạp chí không nhận đăng bài đã công bố trên ấn phẩm khác.

2. Bài báo khoa học được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, soạn thảo trên Word, hoặc trên Latex, font Times New Roman (Unicode); cỡ chữ 12; khổ giấy A4; lề trên: 2,0 cm, lề dưới: 2,0 cm, lề trái: 2,0 cm, lề phải: 2,0 cm; giãn dòng; single. Mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.

3. Bố cục bản thảo bài báo khoa học gửi đăng phải được trình bày theo bố cục sau: Tên bài báo (*phản ánh nội dung chính của bài viết*); Tóm tắt bài viết (*không vượt quá 250 từ thể hiện ý tưởng và nội dung tóm tắt của bài báo*); Từ khóa (*những từ được cho là quan trọng đối với nội dung nghiên cứu đặc trưng cho chủ đề của bài viết đó*); Giới thiệu (*Tóm tắt tình hình nghiên cứu trong nước và thế giới, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu*); Nội dung và phương pháp nghiên cứu (*trình bày nội dung nghiên cứu, các phương pháp tiếp cận, kết quả đạt được, giải pháp và kiến nghị đề xuất, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với các kết quả trước đó*); Kết luận (*khẳng định những kết quả nghiên cứu đạt được*); Tài liệu tham khảo (*Liệt kê tất cả tài liệu đã được tác giả trích dẫn trong bài báo*).

4. Tất cả các bài gửi đăng tạp chí khi được chấp nhận sau sơ duyệt đều được Ban biên tập gửi phản biện nhận xét, đánh giá. Ban biên tập trả lời tác giả về kết quả nhận xét, đánh giá của phản biện và thẩm định đối với bài báo. Bài đạt yêu cầu sẽ được đăng trong số gần nhất của tạp chí.

5. Ban biên tập nhận 01 bản in gửi kèm đĩa hoặc tập tin đính kèm trong Email.

Địa chỉ liên hệ và gửi bài: Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Hoa Lư, đường Xuân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02293 892 240; 0984 148 845.

Email: tapchikhoahoc@hlu.edu.vn



Giấy phép hoạt động báo chí số 07/GP-BTTTT ngày 07/01/2023

ISSN 2615 – 9538

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Tel: 02293 892 240 | Fax: 02293 892 241

Website: <http://hluv.edu.vn>